

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA ĐÔNG PHƯƠNG**

BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐỀ TÀI:

**NHỮNG DẤU ẤN CỦA KIẾN TRÚC CỔ TRUNG HOA
TRONG XÂY DỰNG CHÙA CỔ VIỆT NAM**

LÊ THỊ MAI HƯƠNG

BIÊN HÒA, 12/2012

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA ĐÔNG PHƯƠNG**

BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐỀ TÀI:

**NHỮNG DẤU ẤN CỦA KIẾN TRÚC CỔ TRUNG HOA
TRONG XÂY DỰNG CHÙA CỔ VIỆT NAM**

**Sinh Viên Thực Hiện: LÊ THỊ MAI HƯƠNG
Giảng Viên Hướng Dẫn: TS. Hồ Minh Quang**

BIÊN HÒA, 12/2012

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên xin cho con gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến Ba Mẹ, đáng sinh thành đã nuôi dưỡng con khôn lớn và là hậu phương vững chắc luôn động viên, khích lệ giúp con trong suốt quãng thời gian con học tập, nghiên cứu, trau dồi kiến thức giúp con có thêm động lực và tự tin để vượt qua tất cả những khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

Em xin chân thành cảm ơn quý thầy cô trường đại học Lạc Hồng đã tận tình chỉ dạy, truyền đạt kiến thức cho em trong những năm học vừa qua. Những bài học từ thầy cô giúp em đúc kết được những kiến thức quý báu, là hành trang vững chắc để em tự tin bước vào tương lai.

Đặc biệt em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới thầy TS. Hồ Minh Quang, người đã tận tình hướng dẫn, góp ý và chỉnh sửa bài cho em trong suốt quá trình thực hiện đề tài.

Và cuối cùng em cũng xin cảm ơn đến các Sư, các Thầy trụ trì ở các chùa ở Biên Hòa – Đồng Nai đã tạo điều kiện cho em trong việc chụp ảnh, thu thập tài liệu để hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu của mình.

Em xin chân thành cảm ơn !

Sinh viên thực hiện

LÊ THỊ MAI HƯƠNG

MỤC LỤC

A. PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài:.....	1
2. Ý nghĩa của đề tài:.....	2
2.1. Ý nghĩa thực tiễn	2
2.2. Ý nghĩa lý luận	3
3. Đối tượng nghiên cứu.....	3
4. Lịch sử nghiên cứu	3
5. Phương pháp nghiên cứu.....	4
5.1 Phương pháp tổng hợp tư liệu	4
5.2 Phương pháp liên ngành.....	5
5.3 Phương pháp so sánh đối chiếu.....	5
5.4 Phương pháp điền dã và khảo sát thực tế.	5
6. Những đóng góp của đề tài:	5
7. Cấu trúc đề tài:	6
B. NỘI DUNG	7
CHƯƠNG 1: CHÙA CỔ TRUNG HOA	7
1.1. Lịch sử hình thành.....	7
1.1.1. Sơ lược về Phật giáo Trung Hoa	7
1.1.2. Lịch sử hình thành Kiến Trúc Phật Giáo.	9
1.1.3. Lược sử phát triển của Kiến Trúc Phật Giáo	10
1.1.3.1. Giai đoạn ban đầu (Lưỡng Hán – Đông Tấn)	10
1.1.3.2. Giai đoạn phát triển (Thời kỳ Nam Bắc triều)	10
1.1.3.3. Giai đoạn trưởng thành (Thời kỳ Đường – Tống)	10
1.1.3.4. Giai đoạn điều chỉnh (Thời kỳ Minh Thanh)	11
1.2. Mười ngôi chùa lớn của Trung Quốc	12
1.2.1. Chùa Bạch Mã.....	12
1.2.2. Chùa Linh Ẩn.....	13

1.2.3. Chùa Thiếu Lâm.....	14
1.2.4. Chùa Hàn Sơn	15
1.2.5. Chùa Long Hưng.....	16
1.2.6. Chùa Thanh Tĩnh.....	17
1.2.7. Chùa Đại Tướng Quốc	18
1.2.8. Chùa Ngọa Phật (Thập Phương Phổ Giác Tự).....	19
1.2.9. Chùa Tháp Nhĩ	20
1.2.10. Chùa Trát Thập Luân Bồ.....	21
1.3. Hiện trạng bảo tồn và phát triển.....	22
1.4. Các quần thể kiến trúc chùa cổ phong cách Trung Hoa ở Việt Nam (Biên Hòa- Đồng Nai)	22
1.4.1. Thất Phủ cổ miếu (chùa Ông)	22
1.4.2. Thiên Hậu cổ miếu (chùa Bà)	23
1.4.3. Đình Tân Lâm	23
1.4.4. Chùa Bửu Phong	23
1.4.5. Chùa Đại Giác	23
1.4.6. Chùa Long Thiền.....	23
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1.....	24
CHƯƠNG 2 ĐẶC ĐIỂM KIẾN TRÚC CHÙA CỔ TRUNG HOA.....	25
2.1 Chùa Phật	25
2.1.1 Kết cấu kiến trúc	25
2.1.1.1 Nền	25
2.1.1.2 Kết cấu tường – cột	25
2.1.1.3 Mái	29
2.1.2 Bố cục kiến trúc chùa Phật Trung Quốc	35
2.1.2.1 Sơn môn	36
2.1.2.2 Thiên Vương điện	36

2.1.2.3 Đại điện	36
2.1.2.5 Tầng kinh lâu.....	37
2.1.2.6 Già Lam điện.....	37
2.1.3 Nghệ thuật trang trí	37
2.1.3.1 Đề tài trang trí	37
2.1.3.2 Màu sắc	39
2.1.3.3 Các vật trang trí.....	40
2.2 Tháp Phật	45
2.2.1 Kết cấu của tháp Phật.....	46
2.2.1.1 Địa cung	46
2.2.1.2 Đế tháp	46
2.2.1.3 Thân tháp.....	46
2.2.1.4 Ngọn tháp	47
2.2.2 Kiểu dáng của tháp Phật.....	47
2.2.2.1 Tháp nhiều tầng.....	47
2.2.2.2 Tháp Bát úp	49
2.2.2.3 Tháp Mật Diêm	50
2.2.2.4 Tháp Kim Cương Bảo Tọa.....	51
2.2.2.5 Tháp Đình Các	52
2.2.2.6 Tháp Hoa.....	53
2.2.3 Mối quan hệ giữa chùa Phật và tháp Phật.....	54
TIÊU KẾT CHƯƠNG 2.....	55
CHƯƠNG 3: NHỮNG DẤU ẤN CỦA KIẾN TRÚC CỔ TRUNG HOA TRONG XÂY DỰNG CHÙA CỔ VIỆT NAM.....	56
3.1 Phật giáo Việt Nam	56
3.1.1. Sự du nhập của Phật giáo	56
3.1.2 Đặc trưng của Phật giáo Việt Nam	57
3.2 Kiến trúc chùa cổ Việt Nam.....	58
3.2.1 Phân loại theo cấu trúc chùa.....	58
3.2.1.1 Chùa chữ Đinh (丁).....	58

3.2.1.2 Chùa chữ Công (工)	58
3.2.1.3 Chùa chữ Tam (三)	59
3.2.1.4 Chùa Nội công ngoại quốc	59
3.2.2 Bố cục kiến trúc	59
3.2.2.1 Cổng tam quan	59
3.2.2.2 Sân chùa	59
3.2.2.3 Bái đường	60
3.2.2.4 Chính điện	60
3.2.2.5 Hành lang	60
3.2.2.6 Hậu đường	60
3.2.3 Đặc trưng kiến trúc	60
3.2.3.1 Vị trí – Thế đất	61
3.2.3.2 Bố cục khuôn viên và không gian	62
3.2.3.3 Kết cấu Phật điện	63
3.2.3.4 Vật liệu và kỹ thuật xây dựng	64
3.2.4 Nghệ thuật trang trí, điêu khắc và màu sắc	65
3.2.4.1 Trang trí và điêu khắc	65
3.2.4.2 Màu sắc	65
3.3 Kiến trúc tháp cổ Việt Nam	66
3.3.1 Đặc điểm kiến trúc	67
3.3.2 Trang trí, điêu khắc	67
3.4 Những dấu ấn của kiến trúc cổ Trung Hoa trong xây dựng chùa cổ Việt Nam	68
3.4.1 Đặc điểm kiến trúc của các chùa Phật mang những dấu ấn của kiến trúc cổ Trung Hoa ở Việt Nam	69
3.4.2 Hiện trạng bảo tồn và phát triển	81
TIỂU KẾT CHƯƠNG 3	83
TÀI LIỆU THAM KHẢO	86

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1 Chùa Bạch Mã.....	12
Hình 1.2 Chùa Linh Ẩn.....	13
Hình 1.3 Chùa Thiếu Lâm.....	14
Hình 1.4 Chùa Hàn Sơn	15
Hình 1.5 Chùa Long Hưng.....	16
Hình 1.6 Chùa Thanh Tĩnh.....	17
Hình 1.7 Chùa Đại Tướng Quốc	18
Hình 1.8 Chùa Ngọa Phật.....	19
Hình 1.9 Chùa Tháp Nhỉ.....	20
Hình 1.10 Chùa Trát Thập Luân Bồ.....	21
Hình 2.1 Cột đá chạm khắc hình rồng.....	26
Hình 2.2 Hệ thống đấu củng	26
Hình 2.3 Mái Vũ Điện.....	29
Hình 2.4 Mái Yết Sơn	31
Hình 2.5 Mái Huyền Sơn	31
Hình 2.6 Mái Nghạnh Sơn	32
Hình 2.6 Mái Quyển bằng.....	33
Hình 2.7 Mái Toàn Tiêm tròn	34
Hình 2.9 Lưỡng long triều nhật.....	38
Hình 2.10 Bát bảo trong trang trí Phật giáo	39
Hình 2.10 Mô típ trang trí hình cá vênh đuôi.....	40
Hình 2.11 Đèn lồng được trang trí trong chùa	41
Hình 2.12 Cầu đôi trước cửa chùa	42
Hình 2.13 Cờ kinh tràng.....	43
Hình 2.14 Cờ phan	43
Hình 2.15 Bảo cái.....	44
Hình 2.16 Hoan môn.....	45
Hình 2.17 Tháp nhiều tầng.....	48

Hình 2.18 Tháp Bát úp	50
Hình 2.19 Tháp Mật Diêm	51
Hình 2.20 Tháp Kim Cương bảo tọa.....	52
Hình 2.21 Tháp Đình Các	53
Hình 2.22 Tháp Hoa	54
Hình 3.1 Chùa Ông (Thất phủ cổ miếu).....	71
Hình 3.2 Cổng chùa Bà (Thiên Hậu cổ miếu).....	72
Hình 3.3 Các mô típ trang trí trên nóc mái chùa Bà (Thiên Hậu cổ miếu).....	73
Hình 3.4 Cổng đình Tân Lâm.....	75
Hình 3.5 Trang trí trên nóc mái của đình Tân Lâm	75
Hình 3.6 Mặt trước của chùa Bửu Phong.....	77
Hình 3.7 Những ngôi mộ tháp tại chùa Bửu Phong	77
Hình 3.8 Chùa Đại Giác	78
Hình 3.9 Chùa Long Thiền.....	79
Hình 3.10 Mộ tháp chùa Long Thiền	80

A.PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài:

Việt Nam - ngôi nhà chung của nhiều dân tộc, các dân tộc với bề dày văn hóa truyền thống của mình đã góp phần tạo nên một dân tộc Việt Nam phong phú và đa dạng về nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Tìm hiểu sự đa dạng của nền văn hóa ấy đã trực tiếp góp phần vào công việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, làm giàu thêm vốn hiểu biết về văn hóa của các dân tộc.

Cả nước Việt Nam hiện có trên 54 dân tộc anh em, trong số 54 dân tộc, có những dân tộc vốn sinh ra và phát triển trên mảnh đất Việt Nam ngay từ thuở ban đầu, có những dân tộc từ nơi khác lần lượt di cư đến nước ta, mang theo những giá trị văn hóa đặc trưng góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa Việt Nam phải kể đến đầu tiên đó là dân tộc Hoa.

Việt Nam và Trung Quốc là hai quốc gia nằm cận kề về lãnh thổ, địa lí, vì vậy về mặt thổ nhưỡng khí hậu thủy văn đều có sự tương đồng trên những nét lớn, sự đồng nhất về mặt địa lí đã tạo điều kiện đưa đến sự tương đồng về văn hóa. Những cộng đồng tộc người Hán từ Trung Quốc sang Việt Nam định cư dần hội nhập vào cộng đồng Việt đã nhập quốc tịch Việt Nam và từ đó họ mang tên gọi mới là người Hoa. Trong suốt quá trình du nhập và định cư của người Hoa ở Việt Nam, đặc biệt là ở Nam bộ (trên 3 thế kỷ), quá trình hội nhập giao lưu văn hóa thể hiện qua nhiều lĩnh vực khác nhau, những nét văn hóa đặc trưng của tộc người Hoa kết hợp một cách hài hòa với văn hóa dân tộc Việt Nam tạo nên sự đa dạng và độc đáo của nền văn hóa Việt Nam.

Xét riêng về khía cạnh kiến trúc Phật giáo, nghệ thuật kiến trúc Phật giáo Trung Quốc thừa hưởng nền kiến trúc vĩ đại của nghệ thuật kiến trúc cổ đại Trung Quốc. Từ nền tảng Phật giáo kế thừa và sáng tạo, tạo nên một phong cách kiến trúc đặc biệt và mê ly của riêng mình, kiến trúc Phật giáo Trung Quốc được đề cao và có một vị trí đặc biệt trong nền nghệ thuật kiến trúc cổ đại nhân loại. Lịch sử phát triển của kiến trúc Phật giáo Việt Nam mang nhiều dấu ấn của nền kiến trúc cổ đại Trung Quốc.

Nghệ thuật kiến trúc của mỗi ngôi chùa mang từng sắc thái kiến trúc khác nhau, thể hiện lên sự uy nghi, trang trọng và linh thiêng của ngôi chùa ấy. Nghệ thuật kiến trúc Phật giáo đã góp phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng và làm phong phú thêm nền văn hóa Việt Nam và là một trong những di sản văn hóa thế giới.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy các di sản văn hóa của dân tộc nói riêng và thế giới nói chung là rất quan trọng. Đây không chỉ là trách nhiệm mà còn là nghĩa vụ của từng cá nhân trong xã hội. Nên tôi đã chọn đề tài ***“Những dấu ấn của kiến trúc cổ Trung Hoa trong xây dựng chùa cổ Việt Nam”*** để viết đề tài tốt nghiệp. Với mong muốn của mình là tìm hiểu về nghệ thuật kiến trúc Phật giáo trong và ngoài nước để có thể góp một phần nhỏ giải quyết những khó khăn và cung cấp thêm nguồn tư liệu cho những ai tìm hiểu về văn hóa dân tộc, nghệ thuật kiến trúc.

Cuối cùng tôi cũng mong muốn có thể đóng góp một phần nhỏ công sức của mình vào việc làm phong phú thêm tư liệu của khoa và nhà trường.

2. Ý nghĩa của đề tài:

2.1. Ý nghĩa thực tiễn

Khi thực hiện nghiên cứu đề tài này, người viết hy vọng đề tài Nghiên cứu Khoa học này sẽ mang lại ý nghĩa thiết thực sau đây:

- Góp phần tích cực vào việc tìm hiểu sâu hơn về nghệ thuật kiến trúc cổ đại Trung Hoa và những dấu ấn để lại trong nền nghệ thuật kiến trúc Phật giáo Việt Nam. Học hỏi, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và bảo tồn nét văn hóa đặc trưng của dân tộc.

- Mặt khác, đề tài sẽ là bản cung cấp đầy đủ và chính xác tư liệu cho học sinh, sinh viên và những độc giả muốn tìm hiểu về nghệ thuật kiến trúc Phật giáo của cả hai nước Việt Nam và Trung Hoa.

- Trong suốt quá trình thực hiện đề tài, sinh viên tham gia nghiên cứu cũng đã tích lũy được không ít kiến thức về lĩnh vực Phật giáo, kiến trúc Phật giáo... góp phần nhỏ công sức của mình vào việc phát huy và giữ gìn di sản văn hóa dân tộc.

2.2. Ý nghĩa lý luận

Đề tài góp thêm minh chứng cho lĩnh vực nghiên cứu văn hóa Trung Hoa, cụ thể là văn hóa kiến trúc Phật giáo Trung Hoa, đồng thời cũng góp thêm bằng chứng cho việc nghiên cứu giao thoa văn hóa Việt - Trung trong hàng nghìn năm qua.

3. Đối tượng nghiên cứu:

- Đối tượng chính là một số chùa cổ nổi tiếng ở Trung Hoa đại lục.
- Đối tượng dùng trong đối chiếu so sánh gồm hai loại:
 - + Chùa cổ phong cách Trung Hoa ở Việt Nam, mà cụ thể là ở trên địa bàn thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
 - + Các hệ thống di tích chùa Việt nổi tiếng ở Việt Nam.

Hy vọng qua những đối tượng nghiên cứu trên đây, người đọc sẽ có cái nhìn tương đối hoàn thiện về nghệ thuật kiến trúc đền chùa ở Biên Hòa - Đồng Nai, từ đó cùng chung sức giữ gìn và phát huy.

4. Lịch sử nghiên cứu:

Những ngôi chùa cổ nhất ở Việt Nam đã xuất hiện 2000 năm trước, vào thế kỷ X, XI các vương triều Đinh, Tiền Lê, đặc biệt là nhà Lý đã xây dựng những ngôi “Quốc Tự” nguy nga, đồ sộ. Vì vậy những đặc điểm Phật giáo Việt Nam, văn hóa tâm linh và tín ngưỡng Việt Nam được thể hiện một cách rõ nét nhất trong các ngôi chùa Việt Nam.

Nghệ thuật kiến trúc mà chúng tôi nghiên cứu trong công trình này là một đối tượng ở TP Biên Hòa - Đồng Nai, nhằm tìm ra những dấu ấn đặc trưng của nền kiến trúc cổ đại Trung Hoa đã lưu lại trong nghệ thuật kiến trúc chùa cổ ở Biên Hòa – Đồng Nai, mảnh đất hiền hòa lưu dấu sự giao thoa văn hóa bao đời của các dân tộc người Hoa đến định cư và phát triển tại đây, tạo nên một nền văn hóa phong phú và đa dạng.

Để đáp ứng nhu cầu của các nhà nghiên cứu lịch sử và văn hóa Việt Nam, các tín đồ Phật giáo, các nhà sử học, các nhà nghiên cứu Phật học, ba tác giả Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự, Phạm Ngọc Long đã giới thiệu với bạn đọc cuốn sách

"Chùa Việt Nam" gồm 3 phần. Phần thứ nhất là công trình nghiên cứu của Giáo sư Hà Văn Tấn về toàn cảnh các ngôi chùa Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử và trong đời sống văn hóa dân tộc, cũng như đặc điểm Phật giáo và văn hóa tâm linh của dân tộc được thể hiện ở các ngôi chùa Việt Nam.

Sách cũng giới thiệu rất nhiều hình ảnh và tiểu dẫn về lịch sử hình thành và phát triển của 99 ngôi chùa tiêu biểu trên khắp các miền đất nước. Qua gần 900 bức ảnh màu và đen trắng cùng các bản vẽ, bản đồ giới thiệu cảnh quan nội thất, sinh hoạt, kiến trúc, nghệ thuật của 99 ngôi chùa, các tác giả Nguyễn Văn Kự và Phạm Ngọc Long đã cung cấp lượng kiến thức quý giá về Phật giáo nói chung và Phật giáo ở Việt Nam nói riêng. Cuốn "Chùa Việt Nam" được các tác giả biên soạn công phu, in và trình bày đẹp này một khối lượng kiến thức và thông tin bổ ích, sinh động. Cuốn sách là sự thể hiện tinh tế, vừa có bề rộng, vừa có chiều sâu về toàn cảnh chùa Việt Nam qua các triều đại lịch sử, qua đó góp phần vào việc bảo vệ các di tích văn hóa và lịch sử, các di sản quý giá của nhân dân Việt Nam.

Tác giả Vũ Ngọc Khánh cũng đã giới thiệu với bạn đọc cuốn sách "Chùa cổ Việt Nam", đây là công trình nghiên cứu, tập hợp, tìm tòi những tư liệu về Phật giáo Việt Nam và thế giới nhà chùa ở Việt Nam.

Tác giả Vũ Tam Lang với tác phẩm "Kiến trúc cổ Việt Nam" cũng đã cung cấp cho độc giả những kiến thức bổ ích khái quát về nền kiến trúc cổ của Việt Nam nói chung và kiến trúc Phật giáo Việt Nam nói riêng.

Nhưng việc nghiên cứu về những dấu ấn của kiến trúc cổ Trung Hoa trong xây dựng chùa cổ Việt Nam vẫn chưa được nghiên cứu tập trung, tôi sẽ cố gắng bằng kiến thức và tầm nhìn hạn hẹp của mình đi tìm hiểu nó.

5. Phương pháp nghiên cứu:

Để thực hiện đề tài này, tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

5.1 Phương pháp tổng hợp tư liệu:

Tổng hợp phân tích tư liệu nghiên cứu về kiến trúc chùa cổ Trung Hoa và kiến trúc của hệ thống chùa chiền của Việt Nam.

5.2 Phương pháp liên ngành:

Thông qua nhiều nguồn tư liệu, tìm hiểu kiến trúc chùa cổ Trung Hoa thông qua góc độ văn hóa.

5.3 Phương pháp so sánh đối chiếu:

So sánh hệ thống kiến trúc chùa Trung Hoa với chùa Bắc Tông ở Việt Nam, từ đó tìm ra nét tương đồng dị biệt và những dấu ấn của kiến trúc chùa phong cách Trung Hoa còn lưu lại trong kiến trúc chùa cổ của Việt Nam.

5.4 Phương pháp điền dã và khảo sát thực tế.

Chúng tôi trực tiếp đến từng ngôi chùa để thực hiện các thao tác sau:

- Khảo sát kiến trúc, chụp hình lại những hình ảnh về cách trang trí, bày trí tượng Phật...nhằm giúp cho người đọc có thể hình dung được một cách tương đối về kiến trúc tổng thể của ngôi chùa.
- Tìm hiểu, nghiêng cứu và mô tả kiến trúc chùa.
- Tìm hiểu lịch sử hình thành của các chùa thông qua việc gặp gỡ, phỏng vấn trực tiếp các cao tăng trong chùa hoặc những người xung quanh sinh sống lâu năm ở đây.

6. Những đóng góp của đề tài:

Trong suốt quá trình định cư, hội nhập, giao lưu văn hóa giữa cộng đồng người Việt và người Hoa, phần nào đó đã tạo nên tính đa dạng cho nền văn hóa Việt Nam. Việc tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của nước bạn mà không làm mất đi bản sắc văn hóa đặc trưng của dân tộc là điều hết sức quan trọng trong công cuộc giữ gìn và phát huy di sản văn hóa dân tộc.

Đề tài *“Những dấu ấn của kiến trúc cổ Trung Hoa trong xây dựng chùa cổ Việt Nam”* giúp người đọc phần nào hiểu rõ hơn về lịch sử hình thành và phát triển của kiến trúc Phật giáo Trung Quốc và Việt Nam, những yếu tố giao thoa văn hóa giữa hai nền văn hóa này, từ đó có cái nhìn hoàn thiện hơn, góp phần nâng cao ý thức của tất cả mọi người trong việc tìm hiểu và giữ gìn những giá trị văn hóa tinh thần được xây dựng từ thời xa xưa.

7. Cấu trúc đề tài:

Nội dung chính của đề tài gồm 3 chương:

CHƯƠNG 1: CHÙA CỔ TRUNG HOA

Ở chương này tác giả tập trung nghiên cứu, tổng hợp tư liệu về lịch sử Phật giáo và sự hình thành của kiến trúc Phật giáo Trung Hoa, các quần thể chùa cổ nổi tiếng ở Trung Hoa, hiện trạng bảo tồn và phát triển, quần thể chùa cổ phong cách Trung Hoa ở Việt Nam (Biên Hòa – Đồng Nai). Từ đó, giới thiệu cho đọc giả sâu hơn về đối tượng mà chúng tôi đang nghiên cứu.

CHƯƠNG 2: ĐẶC ĐIỂM KIẾN TRÚC CHÙA CỔ TRUNG HOA

Đây là phần trọng tâm của bài nghiên cứu, vì ở đây tác giả sẽ đi sâu vào đặc điểm kiến trúc chùa cổ Trung Hoa, cấu trúc chính của kiến trúc Phật giáo Trung Hoa bao gồm chùa Phật và tháp Phật. Nghiên cứu về từng đặc điểm kiến trúc như, mái, thân, nền, nghệ thuật trang trí điêu khắc... để cho đọc giả có thể hiểu rõ hơn về những nét đặc sắc và độc đáo của nền kiến trúc cổ đại Trung Hoa.

CHƯƠNG 3: NHỮNG DẤU ẤN CỦA KIẾN TRÚC CỔ TRUNG HOA TRONG XÂY DỰNG CHÙA CỔ VIỆT NAM

Tiếp theo phần trước, từ những tư liệu nghệ thuật về Phật giáo và kiến trúc Phật giáo ở Việt Nam, từ đó tác giả sẽ tiến hành phân tích, so sánh và tìm ra những nét giao thoa trong văn hóa nghệ thuật kiến trúc giữa hai nền kiến trúc Phật giáo này. Làm rõ hơn về những dấu ấn của kiến trúc cổ Trung Hoa đã để lại trong nghệ thuật kiến trúc chùa cổ ở Việt Nam trong quá trình giao lưu và hội nhập giữa hai nền văn hóa.

B.NỘI DUNG

CHƯƠNG 1

CHÙA CỔ TRUNG HOA

1.1.Lịch sử hình thành

1.1.1.Sơ lược về Phật giáo Trung Hoa

Phật giáo là một tôn giáo lâu đời có sức truyền bá và ảnh hưởng lớn nhất trong lịch sử Trung Quốc. Phật giáo bắt nguồn từ Vương quốc Nepal, người sáng lập là sư Thích Nhĩ Mâu Ni. 2 Năm trước công nguyên, Phật giáo từ Ấn Độ được truyền vào Trung Quốc thông qua Tây Vực. Thời kỳ Ngụy Tấn Nam Bắc triều, Phật giáo rất hưng thịnh, các vị vua của chính quyền các dân tộc thiểu số ở phía Bắc không chỉ sùng bái Phật giáo mà còn ra sức mời người về phiên dịch các kinh Phật. Thời Tùy Đường, Phật giáo càng lưu hành rộng rãi, chùa tháp có ở khắp nơi, số lượng tăng ni đông đảo. Đây là thời kỳ hưng thịnh nhất của Phật giáo.

Phật giáo Tiểu Thừa là một phái của Phật giáo, từ Miến Điện được truyền bá vào Vân Nam Trung Quốc, trở thành tín ngưỡng tôn giáo của dân tộc Thái. Phật giáo Tiểu Thừa cũng được truyền bá vào nơi sinh sống các dân tộc như: Bô Lãng, Đê, A Xương...

Trên con đường theo đuổi ước nguyện trở thành Phật, Phật giáo tiểu thừa đã đề xướng tư tưởng “*độc ngã độc thiện*”, tức là lấy Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni làm gương, tự bản thân vào chùa tu hành, trở thành tăng lữ, lần lượt tăng cấp và gia nhập hàng ngũ Phật pháp. Nhưng đối với những tín đồ không xuất gia tu hành, để thoát khỏi những khổ nạn của hiện thực, đạt được sự giả thoát cho bản thân, họ phải làm những việc như bố thí, quyên góp, làm việc thiện, tu hành cho kiếp sau, cuối cùng họ sẽ đạt được sự Niết Bàn. Phật giáo Tiểu Thừa tuyên truyền cho các tín đồ rằng: nếu như kiếp này không làm điều thiện, không bố thí hoặc làm điều ác, đến kiếp sau sẽ bị đày xuống đại ngục, chịu sự trừng phạt trở thành súc vật.

Theo chủ trương của Phật giáo Tiểu Thừa, mỗi một người con trai khi lớn lên, phải có một khoảng thời gian xuất gia trở thành tăng lữ, có như vậy mới được

xem là người được giáo dục văn hóa, mới có quyền lập gia đình, nếu không sẽ bị xã hội kỳ thị. Cho nên người Thái thường đưa con của mình, khoảng từ 6-7 tuổi trở lên, vào chùa làm hòa thượng và học hỏi, tiếp thu kiến thức về kinh Phật. Sau khi thành niên, chúng có thể hoàn tục, về lập gia đình hoặc có thể tiếp tục ở lại chùa để tìm hiểu sâu hơn về kinh Phật và trở thành cao tăng.

Mọi phí sinh hoạt của họ đều do các tín đồ cung cấp. Có nơi thức ăn của các tăng lữ đều do các tín đồ chuẩn bị xong rồi mang đến chùa, hoặc các tín đồ cung cấp cho họ củi, gạo, dầu, rau củ...để các tăng lữ chế biến. Có nơi thì các tăng lữ nhận quan thổ ti hoặc những người giàu có làm cha mẹ đỡ đầu, và do cha mẹ đỡ đầu cung cấp và nuôi dưỡng. Nguồn kinh tế chủ yếu của chùa là dựa vào sự bố thí và quyên góp của các tín đồ, nguồn thu này rất lớn. Người Thái đón tết, tang tóc, bệnh hoạn cũng đều dựa vào nguồn thu này.

Đại thừa là phiên âm của văn phạm, mang ý nghĩa là có thể dùng xe lớn, thuyền lớn để chở được vô số chúng sinh. Phật giáo đại thừa tuyên truyền đại từ đại bi, phổ độ chúng sinh, thành Phật độ thế. Lấy việc xây dựng đất nước Phật giáo là mục tiêu lớn nhất.

Phật giáo Đại Thừa lưu hành chủ yếu trong dân tộc Bạch. Các dân tộc như : Choang, Bồ Y, Mãn, Triều Tiên...cũng tin tưởng và thờ Phật giáo Đại Thừa. Thời kỳ Tống – Đường, Phật giáo Đại Thừa đã rất thịnh hành. Còn Phật giáo Đại Thừa được truyền bá từ nơi nào thì không ai rõ cả, theo lời kể thì có ba nơi là có tính khả thi cao: một là Tây Tạng, hai là Ấn Độ, ba là Miến Điện. Nhưng theo ghi chép của văn hiến, lịch sử văn vật và những câu truyện truyền thuyết thì khả năng là Phật giáo Đại Thừa được truyền bá từ Ấn Độ. Thời kỳ Nam Chiếu, nhà vua vô cùng đề cao Phật giáo, phong rất nhiều tăng lữ thành “Quốc Sư”, “Sư Tăng”, và lại còn sửa chữa rất nhiều đền chùa. Đến thời kỳ Đại Lý, có rất nhiều quan viên trong nước được đề bạt và tuyển chọn từ các tăng lữ. Thời kỳ Nguyên – Minh là thời kỳ chùa

được xây dựng nhiều nhất, tín đồ cũng trở nên đông đảo, thế lực của Phật giáo ngày càng cường thịnh, từ đó Đại Lý mới có tên gọi là “Đất Nước Phật Giáo”¹.

1.1.2. Lịch sử hình thành Kiến Trúc Phật Giáo.

Trung Quốc là một quốc gia cổ đại với nền văn minh vĩ đại có lịch sử lâu đời và đa dạng về dân tộc. Đến nay, Trung Quốc vẫn bảo tồn được nhiều các di tích kiến trúc cổ, kiến trúc cổ của Trung Quốc là một phần độc đáo và đặc sắc trong nền văn hóa nghệ thuật sáng lạng của Trung Hoa cổ đại, là văn hóa cổ của Trung Quốc, là tiêu chí và biểu trưng cho nền văn minh cổ đại.

Đền chùa là một trong những loại hình của kiến trúc Phật giáo. Kiến trúc đền chùa bắt nguồn từ Ấn Độ, từ thời kỳ Bắc Ngụy bắt đầu hưng thịnh. Những công trình xây dựng này đánh dấu những bước phát triển, sự hưng thịnh và suy thoái của tôn giáo trong xã hội phong kiến Trung Quốc, có giá trị rất quan trọng về mặt lịch sử và nghệ thuật.

Kiến trúc Đền Chùa là kho nghệ thuật quý báu của Trung Quốc, nó tượng trưng cho lịch sử văn hóa lâu đời của đất nước này. Trong Phật giáo chùa có rất nhiều cách gọi như “Tự”, “Tự” ban đầu không chỉ chùa Phật, từ thời nhà Tần thường gọi “quan thự” là “Tự”. Đến thời nhà Hán đã gọi nơi ở của cao tăng đến từ tây phương là “Tự”, từ đó về sau “Tự” dần dần trở thành tên gọi của kiến trúc Phật giáo. Sau khi Phật giáo được truyền bá vào Trung Quốc, vì tôn trọng Phật giáo nên đã lấy “Tự” làm tên gọi mới cho kiến trúc Phật giáo.

Sau khi Phật giáo được truyền bá vào Trung Quốc, chùa cũng xuất hiện từ đó. Năm thứ 1 CN, thời kỳ Đông Hán Minh Đế, hai vị cao tăng Nhiếp Ma Đăng và Trúc Pháp Lan từ Tây Vực đến Lạc Dương để giảng pháp. Ban đầu họ ở “ Hồng Lư Tự”, một dinh thự quan chức của bộ ngoại giao. Sau đó để thuận tiện cho việc ở lâu dài để dịch thuật và giảng giải kinh pháp, hoàng đế Minh Đế lại hạ chiếu chỉ để xây dựng một tòa Tăng Viện ở ngoài cửa Ung của Lạc Dương. Tuy nhiên, bởi vì hai vị Nhiếp Ma Đăng và Trúc Pháp Lan lúc ban đầu đến ở “Tự” (quan thự) này, và họ lại

¹<http://www.xoyin.com/home/newsinfo/2575.htm>

là tân khách ngoại quốc, cho nên chỗ ở mới của họ vẫn gọi là ‘Tự’, xem như là lấy lễ nghĩa đối đãi với họ. Đồng thời lấy tên con ngựa trắng mang kinh Phật về của họ đặt tên cho nơi ở mới gọi là “Bạch Mã Tự” tức Chùa Bạch Mã². Đây là ngôi chùa đầu tiên của Trung Quốc, từ đó “Tự” là tên gọi của quan thự, và cũng là tên gọi của chùa Phật và được lưu truyền đến ngày nay.

1.1.3. Lược sử phát triển của Kiến Trúc Phật Giáo

1.1.3.1. Giai đoạn ban đầu (Lưỡng Hán – Đông Tấn)

Thời kỳ Lưỡng Hán là giai đoạn mới thành lập của kiến trúc Phật giáo, lúc bấy giờ văn hóa Phật giáo vẫn còn chưa hoàn chỉnh. Lạc Dương Bạch Mã Tự là ngôi chùa đầu tiên của Trung Quốc, cũng là ngôi chùa đầu tiên do quan phủ xây dựng và tu sửa. Bạch Mã Tự mang kiến trúc Phật giáo Ấn Độ, lấy tháp Phật làm chủ thể, Bạch Mã Tự được xây dựng tính đến nay đã được 1900 năm³.

1.1.3.2. Giai đoạn phát triển (Thời kỳ Nam Bắc triều)

Thời kỳ Nam Bắc triều là thời kỳ chính trị bất ổn, văn hóa các dân tộc dung hợp lại với nhau, tư tưởng văn hóa sinh động trong quá trình giao lưu văn hóa giữa các dân tộc là nguyên nhân dẫn đến sự phát triển của nghệ thuật kiến trúc Trung Quốc. Tầng lớp thống trị đương thời vô cùng sùng bái Phật giáo, từ đó cả nước nổi lên phong trào xây dựng, trùng tu chùa tháp, xuất hiện nhiều loại hình kiến trúc Phật giáo khác nhau, một số lượng lớn các chùa Phật và tháp Phật bắt đầu được xây dựng. Kiến trúc Phật giáo thời kỳ này thừa hưởng phong cách kiến trúc Tần Hán, góp phần làm phong phú thêm nền kiến trúc truyền thống của Trung Quốc. Thời kỳ này kiến trúc Phật giáo rất phát triển, kiến trúc Phật giáo đặc sắc nhất của Trung Quốc cơ bản được hình thành⁴.

1.1.3.3. Giai đoạn trưởng thành (Thời kỳ Đường – Tống)

Thời kỳ Đường Tống nền kinh tế phát triển nhanh, văn hóa phát triển nhảy vọt, đời sống của người dân được nâng cao đáng kể. Trong tình hình đó đã xây dựng được rất nhiều chùa lớn trong cả nước. Kiến trúc Phật giáo thời kỳ này mang

²<http://baike.baidu.com/view/1354471.htm>

³Nhiều tác giả (2002), *Kiến trúc cổ Trung Quốc* trang 40-42.

⁴Nhiều tác giả (2002), *Kiến trúc cổ Trung Quốc*, trang 70-74.

đậm phong cách Trung Quốc, kiến trúc Phật giáo cũng trở thành nội dung chủ yếu của các công trình kiến trúc đương thời.

Chùa thời nhà Đường được xây dựng dựa vào hệ thống nghi lễ, về cơ bản các chùa đều xây Tháp, Tháp Phật thời nhà Đường thường được xây phía trước Đại Hùng Bảo Điện, bởi vì người dân lúc ấy cho rằng tháp đại diện cho Phật, tháp tức là Phật, Phật tức là tháp. Nhưng đến thời nhà Tống, Phật điện là nơi thờ cúng chủ yếu, từ đó dời tháp Phật ra sau Đại Hùng Bảo Điện. Đây cũng là điểm khác biệt chủ yếu trong cách xây dựng chùa của thời nhà Đường và Tống⁵.

1.1.3.4. Giai đoạn điều chỉnh (Thời kỳ Minh Thanh)

Trong thời kỳ nhà Đường, do thời gian thống trị tương đối dài, mà lại ít chiến tranh, người dân an cư lạc nghiệp. Về phương diện kiến trúc đã kế thừa phong cách kiến trúc của thời Hán Đường và đạt đến tầm cao mới. Thời Minh Thanh xây dựng chùa Phật trong cả nước, trong đó điển hình nhất là Chùa Đại Tướng Quốc. Thời nhà Minh cũng xây dựng rất nhiều tháp, trong số những tháp Phật, kiểu tháp Lâu Các (tháp nhiều tầng) còn lưu lại đến ngày nay hầu hết được xây dựng trong thời kỳ này. Bố cục cơ bản trong việc xây dựng các chùa Phật từ Nam qua Bắc lần lượt là Sơn Môn, Chung Lâu (lầu chuông), Thiên Vương Điện, Đại Hùng Bảo Điện, Pháp Đường, Tăng Kinh Lâu (lầu chứa kinh) v.v...

Thời nhà Thanh tộc Mãn Châu nắm quyền về chính trị, trùng tu lại rất nhiều chùa nổi tiếng. Hoàng đế nhà Thanh rất đề cao Lạt Ma giáo, dựa vào Lạt Ma giáo để cai trị quốc gia, xây dựng rất nhiều kiến trúc Lạt Ma với quy mô lớn. Hầu hết kiến trúc của các chùa Lạt Ma đều có Phật Điện rất cao, tường ngoài rất dày, cửa sổ rất nhỏ, đá là vật liệu xây dựng chủ yếu, mang đậm phong cách Tây Vực. Công trình kiến trúc nổi tiếng nhất là cung điện Potala của Lhasa Tây Tạng. Kiểu Tháp Lamaism cũng rất nổi tiếng, hình dáng bên ngoài của nó giống như một cái chai, cho nên người dân gọi là “Tháp hình chai”⁶.

⁵Nhiều tác giả (2002), *Kiến trúc cổ Trung Quốc*, trang 96-105

⁶Nhiều tác giả (2002), *Kiến trúc cổ Trung Quốc*, trang 187-214

Kiến trúc Phật giáo Trung Quốc không chỉ là di sản của tín đồ Phật giáo, đồng thời cũng là sự kết tinh trí tuệ của người dân lao động, đã trở thành một phần quan trọng trong di sản văn hóa cổ đại Trung Quốc.

1.2. Mười ngôi chùa lớn của Trung Quốc

1.2.1. Chùa Bạch Mã



Hình 1.1 Chùa Bạch Mã

(Nguồn: <http://go.taobao.com/area.htm?id=51442>)

Chùa Bạch Mã là ngôi chùa xưa nhất của Trung Quốc, tọa lạc ở phía Đông thành phố Lạc Dương, thuộc tỉnh Hà Nam, miền Đông Trung Quốc. Bắt đầu được xây dựng vào năm Vĩnh Bình thứ 11 thời Đông Hán (tức năm 68 Công nguyên), là ngôi chùa đầu tiên sau khi Phật giáo truyền bá vào Trung Quốc. Kiến trúc chủ yếu của chùa Bạch Mã bao gồm: Thiên Vương Điện, Đại Phật Điện, Đại Hùng Bảo Điện, Tiếp Dẫn Điện, Tỳ Lô Các...⁷

⁷ <http://www.vietgle.vn/diendan/showthread.php/9760-THAP-DAI-DANH-TU>

1.2.2. Chùa Linh Ẩn



Hình 1.2 Chùa Linh Ẩn

(Nguồn: <http://sy.gming.org/article-9-1.html>)

Chùa Linh Ẩn còn có tên gọi là Vân Lâm, nằm về hướng Tây Bắc của Hồ Tây. Chùa được kiến lập vào thời Đông Tấn, năm Hàm Hòa thứ nhất (326 CN), tính đến hôm nay là đã trải qua 1681 năm lịch sử. Khi ngài Huệ Lý từ Ấn Độ đến Hàng Châu, thấy núi đồi yên tĩnh, ngài nghĩ đây đúng là nơi ở ẩn của các vị thần linh nên đã xây dựng chùa ở nơi đây và đặt tên là Linh Ẩn.

Đến thời nhà Thanh, khi Vua Khang Hy Nam tuần, lên du ngoạn trên ngọn núi Bắc Cao sau chùa, Vua thấy dưới núi rừng đầy mây phủ, hai màu xanh trắng pha nhau thật đẹp nên vua gọi chùa Linh Ẩn là Vân Lâm.

Vào thời kỳ còn hưng thịnh, chùa gồm có 9 lầu, 18 các và 72 điện đường, tăng chúng thì đạt đến số 3000. Song chùa này đã bị phá hủy và xây dựng lại đến nay tổng cộng là 16 lần⁸.

1.2.3.Chùa Thiếu Lâm



Hình 1.3 Chùa Thiếu Lâm

(Nguồn:<http://www.yiqiyou.com/note/170817>)

Thiếu Lâm Tự nằm ở phía Tây Bắc huyện thành Đẳng Phong, tỉnh Hà Nam, bắt đầu xây dựng vào năm Thái Hòa thứ 19 thời Bắc Ngụy (tức năm 495), là Tổ Đình Thiền Tông Phật giáo của Trung Quốc⁹.

⁸<http://www.vietgle.vn/diendan/showthread.php/9760-THAP-DAI-DANH-TU>

⁹<http://www.vietgle.vn/diendan/showthread.php/9760-THAP-DAI-DANH-TU>

1.2.4.Chùa Hàn Sơn



Hình 1.4 Chùa Hàn Sơn

(Nguồn:<http://www.nipic.com/show/1/74/58abc8487b382b89.html>)

Hàn Sơn Tự là ngôi chùa do Thiền sư Hy Thiên, pháp danh là Hàn Sơn Từ Giả xây vào khoảng năm Thiên Giám đời Lương, thuộc Nam Triều (Thế Kỷ VI).Sau 200 năm, tương truyền rằng vào đời nhà Đường Thiền sư Hàn Sơn sống tại Cai Tự, đổi tên chùa thành “Hàn Sơn Tự”.

Kiến trúc chủ yếu của chùa bao gồm: Đại Hùng Bảo Điện, Tầng Kinh Lô (Lô chứa kinh), Chung Lô (Lô chuông), Bi Văn, Phong Giang Đệ Nhất Lô¹⁰.

¹⁰.<http://www.vietgle.vn/diendan/showthread.php/9760-THAP-DAI-DANH-TU>

1.2.5.Chùa Long Hưng



Hình 1.5 Chùa Long Hưng

(Nguồn: http://www.lotour.com/snapshot/2008-3-20/snapshot_102858_1.shtml)

Chùa Long Hưng nằm ở huyện Chính Định, tỉnh Hà Bắc. Bắt đầu được xây dựng vào năm thứ 6 Khai Hoàng thời Tùy (tức năm 586), có tên là Chùa Long Tàng (龙藏寺). Đến đầu đời nhà Tống (năm 960), khi trùng tu đổi hiệu là Chùa Long Hưng (隆兴寺).

Chùa Long Hưng là một trong những quần thể kiến trúc còn tồn tại cho đến ngày nay ở Hà Bắc¹¹.

¹¹ <http://www.vietgle.vn/diendan/showthread.php/9760-THAP-DAI-DANH-TU>

1.2.6. Chùa Thanh Tĩnh



Hình 1.6 Chùa Thanh Tĩnh

(Nguồn: <http://www.ffw.com.cn/1/108/163/25500.html>)

Chùa Thanh Tĩnh nằm ở Tuyên Châu, tỉnh Phúc Kiến, bắt đầu được xây dựng vào năm 1009, thời Bắc Tống. Chùa Thanh Tĩnh được xây dựng theo lối kiến trúc Tây Á, là ngôi đền mang phong cách kiến trúc Hồi giáo cổ xưa nhất còn tồn tại ở Trung Quốc¹².

¹² <http://www.vietgle.vn/diendan/showthread.php/9760-THAP-DAI-DANH-TU>

1.2.7. Chùa Đại Tướng Quốc



Hình 1.7 Chùa Đại Tướng Quốc

(Nguồn: <http://kaifeng.cncn.com/photo/157745/>)

Chùa Tướng Quốc nằm trong thành phố Khai Phong, tỉnh Hà Nam, bắt đầu được xây dựng vào năm thứ 6 Thiên Bảo thời Bắc Tề (tức năm 555). Tên gọi ban đầu là "*Kiến Quốc Tự*".

Để kỷ niệm ngày lên ngôi, năm 712, Đường Duệ Tông cho mở rộng chùa. Để ghi công Tướng Quốc đã có công giúp nhà vua lên ngôi, Đường Duệ Tông đã đổi tên chùa thành "*Đại Tướng Quốc Tự*". Trong chùa hiện có một cái chuông lớn khổng lồ từ đời nhà thanh, nặng hơn vạn cân¹³.

¹³. <http://www.vietgle.vn/diendan/showthread.php/9760-THAP-DAI-DANH-TU>

1.2.8. Chùa Ngọa Phật (Thập Phương Phổ Giác Tự)



Hình 1.8 Chùa Ngọa Phật

(Nguồn: http://zijia.bitauto.com/place/t_789/)

Chùa Ngọa Phật còn có tên là “Thập Phương Phổ Giác Tự”, nằm ở núi phía Nam Thọ An – Tây Sơn, khu Hải Điện, thành phố Bắc Kinh, chùa cách trung tâm thành phố 30 km. Bắt đầu được xây dựng từ thời Trinh quan nhà Đường. Vì bên trong chùa có tượng Phật nằm bằng đồng nên gọi là chùa Ngọa Phật. Công trình kiến trúc chính là đại vương điện, ngọa Phật điện¹⁴.

¹⁴ <http://www.vietgle.vn/diendan/showthread.php/9760-THAP-DAI-DANH-TU>

1.2.9. Chùa Tháp Nhĩ



Hình 1.9 Chùa Tháp Nhĩ

(Nguồn: http://guide.gootrip.com/gootrip/20module/mdd/html/2007-08-29/mdd_6453.shtml)

Chùa Tháp Nhĩ còn có tên gọi là “Tháp Nhi Tự”, nằm ở huyện Hoàng Trung, Thanh Hải, bắt đầu được xây dựng từ năm Gia Tĩnh thứ 39 thời Minh (tức năm 1560), là một trong 6 ngôi chùa lớn của Lạt Ma giáo, Trung Quốc. Toàn bộ quần thể kiến trúc của Chùa Tháp Nhĩ là sự kết hợp hài hòa của nghệ thuật kiến trúc Hán – Tạng bao gồm: Điện Trữ, Kinh Đường, Tháp Phật, Nhà Tăng...¹⁵

¹⁵ <http://www.vietgle.vn/diendan/showthread.php/9760-THAP-DAI-DANH-TU>

1.2.10. Chùa Trát Thập Luân Bồ



Hình 1.10 Chùa Trát Thập Luân Bồ

(Nguồn: <http://www.laomaoniu.com/jingdianxianlu/203.html>)

Chùa Trát Thập Luân Bồ nằm ở phía Tây thành Nhật Ca Tắc, Tây Tạng, bắt đầu được xây dựng vào năm Chính Thống thứ 12 đời Minh (tức năm 1447), trong chùa còn bảo tồn rất nhiều văn vật cổ đại¹⁶.

¹⁶ <http://www.vietgle.vn/diendan/showthread.php/9760-THAP-DAI-DANH-TU>

1.3. Hiện trạng bảo tồn và phát triển

Hiện nay, xu hướng toàn cầu hóa và hiện đại hóa ngày càng được đẩy mạnh, từ đó tạo nên sự thay đổi lớn trong quan niệm truyền thống của người dân. Trên con đường xây dựng hiện đại hóa đất nước, những di sản văn vật đang phải đối diện với sự mâu thuẫn trước mắt giữa việc bảo tồn và phát triển.

Trong sự nỗ lực của toàn xã hội, để bảo vệ tốt các di sản văn hóa của dân tộc, Trung Quốc đã làm được rất nhiều việc, đẩy mạnh chính sách bảo tồn di sản văn hóa và đạt được nhiều thành công tốt đẹp.

Ngoài ra do sự phát triển mạnh của ngành du lịch, các di sản văn hóa đứng trước nguy cơ bị hủy hoại đang được bảo vệ và duy trì. Một số đền chùa bị hư hỏng đang được sửa chữa, mở rộng thậm chí là xây dựng mới lại, thu hút được lượng lớn khách du lịch đến tham quan và thu được nguồn kinh phí lớn cho việc bảo tồn và phát triển di sản văn hóa dân tộc.

Đóng vai trò là một nền văn minh cổ đại với lịch sử lâu đời, các cơ quan bảo vệ di sản văn hóa, các đền chùa... của Trung Quốc là nơi khởi nguồn quan trọng cho sự phát triển của ngành du lịch. Do tồn tại mâu thuẫn giữa sự phát triển của xã hội hiện đại và việc bảo tồn di sản văn hóa, việc bảo vệ kiến trúc cổ Trung Quốc phải nhìn từ góc độ phát triển mà tiến hành. Việc sửa chữa, xây dựng mới lại kiên quyết dựa trên nền tảng cơ bản của việc bảo tồn di sản văn hóa dân tộc, chú trọng bảo vệ tính nguyên thủy, sử dụng đền chùa để phát triển du lịch trong mức độ kiểm soát.

1.4. Các quần thể kiến trúc chùa cổ phong cách Trung Hoa ở Việt Nam (Biên Hòa- Đồng Nai)

1.4.1. Thất Phủ cổ miếu (chùa Ông)

Chùa Ông thuộc địa phận xã Hiệp Hòa (Cù lao phổ), thành phố Biên Hòa, cách đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh chỉ khoảng 100 mét. Trước đây Chùa là Miếu Quan Đế, ngày nay có tên chữ là Thất Phủ Cổ Miếu, đây là ngôi chùa Hoa sớm nhất ở Nam bộ (khoảng năm 1684).

1.4.2. Thiên Hậu cổ miếu (chùa Bà)

Thiên Hậu cổ miếu (chùa Bà) hiện tọa lạc trên đường Huỳnh Văn Nghệ, phường Bửu Long, Biên Hòa – Đồng Nai, nơi đây vốn là một ngôi miếu nhỏ của những người Hoa bang Hẹ làm nghề đá tạo dựng để thờ tổ sư Ngũ Đẳng.

1.4.3. Đình Tân Lâm

Đình Tân Lâm được xây dựng vào năm 1935, tọa lạc trên đường Nguyễn Văn Trị, mặt tiền hướng Tây Nam, nhìn ra dòng sông Đồng Nai. Xưa kia đình thuộc thôn Tân Lâm (Xóm Mới), huyện Phước Chánh, dinh Trấn Biên, nay là phường Hoà Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.4.4. Chùa Bửu Phong

Chùa Bửu Phong tọa lạc trên ngọn núi Bửu Phong, nằm trong khu du lịch Bửu Long. Hiện nay chùa thuộc địa phận phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa.

1.4.5. Chùa Đại Giác

Chùa Đại Giác tọa lạc tại ấp Nhị Hòa, xã Hiệp Hòa (Cù lao phổ), Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Trụ trì hiện nay: Sư cô Thích Nữ Diệu Trí.

Chùa Đại Giác còn có tên là “Chùa Phật Lớn”, chùa được xây dựng vào năm nào vẫn chưa ai biết rõ, theo tài liệu lưu lại thì chùa được xây dựng trước năm 1802.

1.4.6. Chùa Long Thiền

Chùa Long Thiền thuộc ấp Tân Bình, phường Bửu Hòa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Theo tài liệu lưu tại Giáo hội Phật giáo tỉnh Đồng Nai, chùa Long Thiền được xây dựng vào năm 1664, do Tổ sư Thành Nhạc, người miền trung vào khai sáng.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Qua chương 1 người viết đã giới thiệu đôi nét về sự du nhập của Phật giáo Trung Quốc, lịch sử hình thành và phát triển với những bước thăng trầm của nghệ thuật kiến trúc Phật giáo Trung Quốc, kiến trúc của “Thập đại danh tự” nổi tiếng ở Trung Quốc, hiện trạng bảo tồn và phát triển, các quần thể kiến trúc chùa cổ mang phong cách Trung Hoa ở Việt Nam (Biên Hòa – Đồng Nai). Qua những tư liệu chúng tôi đã trình bày ở chương này giúp độc giả hiểu thêm về nguồn gốc của Phật giáo Trung Quốc, các giai đoạn phát triển của kiến trúc Phật giáo Trung Quốc, những nỗ lực và các vấn đề gặp phải trong công tác bảo tồn và phát triển di sản văn hóa của chính phủ Trung Quốc, giới thiệu cho độc giả một cách cụ thể hơn về đối tượng các quần thể kiến trúc chùa mang phong cách kiến trúc cổ Trung Hoa ở Việt Nam (Biên Hòa – Đồng Nai) mà tác giả muốn nghiên cứu.

CHƯƠNG 2

ĐẶC ĐIỂM KIẾN TRÚC CHÙA CỔ TRUNG HOA

2.1 Chùa Phật

2.1.1 Kết cấu kiến trúc

Kết cấu kiến trúc của chùa Phật Trung Quốc được phân rõ thành 3 phần chính: (1) Nền, (2) Kết cấu Cột- Tường, (3) Mái. Bất kể chùa được xây ở nơi nào, vào thời kỳ nào, sử dụng loại hình kiến trúc nào, với quy mô lớn hay nhỏ đều tồn tại 3 phần như trên. Mỗi phần đều đảm nhận từng vai trò khác nhau nhưng đều liên kết chặt chẽ với nhau trong 1 hệ thống kiến trúc, tạo nên sự trang trọng và mỹ lệ cho đặc trưng kiến trúc chùa Phật Trung Quốc.

2.1.1.1 Nền

Nền là phần cơ bản nhất trong hệ thống kiến trúc chùa Phật, nếu như không có phần nền, tất cả các phần khác đều không thể xây dựng được. Nền bao gồm 2 loại:

- + Loại thứ nhất là nền có dạng hình vuông hoặc hình chữ nhật, rộng rãi và to lớn, là dạng nền thường thấy trong kiến trúc chùa Phật Trung Quốc.

- + Loại thứ hai là “*Di Tu Tọa*” (须弥座). Di tu (须弥) vốn dĩ là tên gọi của 1 ngọn núi, thật ra đây là âm gọi cổ đại của dãy núi Hymalaya, phiên âm thành “*Diệu Cao Sơn*” (妙高山). Vì Phật giáo cho rằng đây là ngọn núi cao nằm giữa trung tâm của thế giới nhỏ bé, nên lấy ngọn núi này làm chỗ ngồi của đức Phật, tên gọi trước kia của nơi đức Phật ngồi gọi là “*Di Tu Tọa*”. Vào triều đại thứ VI, Phật giáo được du nhập vào Trung Quốc và hình thành nên loại nền dạng này.

2.1.1.2 Kết cấu tường – cột

Kết cấu tường – cột là bộ phận chính trong kiến trúc chùa Phật Trung Quốc, được tạo thành bởi sự kết hợp giữa tường vách, xà và cột gỗ.

❖ Cột

Là loại cột gỗ, hình tròn, dùng để hỗ trợ cho xà và toàn bộ hệ thống mái. Cột thường có dạng hình tròn (tròn hoặc xẻ rãnh), cột vuông hay bát giác, cột chạm

khắc hình hoa mai hay hình rồng... Mỗi loại hình cột đều có đặc trưng riêng biệt. Nhằm tăng thêm tính cương nhu linh hoạt cho loại hình kết cấu này, Trung Quốc đã sáng tạo thêm loại hình “Lạc Lãng Trụ”, tức là thân cột nhỏ dần ở phía trên, đầu cột có hình đĩa tròn, có tính chịu lực tốt.



Hình 2.1 Cột đá chạm khắc hình rồng

(Nguồn: <http://gss223.blog.sohu.com/101489989.html>)

❖ **Đấu Củng**



Hình 2.2 Hệ thống đấu củng

(Nguồn: <http://guoxue.zynews.com/xianfeng/2008/5247.html>)

Những mái nhô dài ra rất đặc trưng trong hệ thống kiến trúc chùa Phật của Trung Quốc cho phép nước chảy thoát rất tốt khi mưa lớn và chống nắng khi nắng nóng. Nhưng cũng vì thế mà mái khá nặng, đòi hỏi phải đỡ các bờ mái bằng những công xôn – đầu củng.

Đầu củng có vị trí quan trọng trong kiến trúc cổ Trung Quốc, đầu củng là 1 kết cấu bộ phận trong hệ thống kết cấu khung gỗ của kiến trúc chùa Phật Trung Quốc. Thuật ngữ “*đầu củng*” bao hàm cả cái dáng vẻ chung, sự sắp xếp và chức năng tĩnh của tất cả các bộ phận tham gia chống đỡ bờ mái và các thành phần chung quanh cấu trúc này¹⁷. Ban đầu được hình thành từ biến tấu của cửa đầu trụ, sau này dần dần biến tấu thành 1 bộ phận trong hệ thống kiến trúc chùa Phật, và cũng là 1 bộ phận đề trang trí. Một đầu củng hoàn chỉnh được cấu thành từ 2 bộ phận chính: “*đầu*” là 1 miếng gỗ đệm trên đầu cột có dạng hình hộp (hay khúc gỗ vuông), “*củng*” là 1 Thanh xà ngắn đặt thêm trên miếng gỗ đệm có hai đầu cong lên có dạng hình thuyền .

❖ *Xà*

Xà là bộ phận cốt lõi trong 1 hệ thống kiến trúc. Đa số các xà được che đậy bởi trần nhà, để lộ ra bên ngoài các hình vẽ sơn màu trong đó hình người chiếm đa số. Có loại xà được cắt ngang 1 đường hẹp và dài trên thân gỗ, sau đó được chước thành hình mặt trăng, xà có độ cong nên được gọi là “*nguyệt lương*”. Một số nguyệt lương được chạm khắc, trang trí rất đẹp, càng thể hiện được kỹ xảo tinh tế trong kiến trúc chùa Phật Trung Quốc.

❖ *Trần*

Trần vào thời kỳ nhà Thanh còn được gọi là “*thiên hoa*” (天花). Công việc đầu tiên là dùng khuôn gỗ để tạo thành khung trần, sau đó đặt lên khung trần những phiến gỗ (hay còn gọi là bản thiên hoa), một loại hình trang trí đặc sắc của khung trần. Trong lịch sử Trung Quốc, khung trần càng xuất hiện sớm càng to, như vào thời đại nhà Tống – Liêu, bất kể là khung trần hoặc thanh xà đều rất to, mà không

¹⁷ Nguyễn Thị Ngọc Lan – Nguyễn Thế Cường, *Kiến trúc cổ Trung Quốc*, NXB tổng hợp Tp.HCM, trang 21.

nhất thiết phải là hình vuông, thường thấy nhất là khung trần hình chữ nhật¹⁸. Đến thời đại nhà Thanh, tất cả các trần nhà đều bắt buộc thiết kế theo 1 kiểu hình vuông thống nhất. Một mặt vừa tăng thêm tính trang nghiêm, mặt khác thể hiện được sự hoa mỹ trong nghệ thuật kiến trúc cổ của Trung Quốc.

❖ *Cửa*

Vào thời nhà Tống, cửa còn gọi là “*cách tử môn*” (格子门). Tống thể cửa có thể phân thành 3 phần: phần trên cùng làm cửa sổ được gọi là “*cách tâm*” hoặc “*hoa tâm*”; phần phía dưới dùng phiến gỗ tạo thành được gọi là “*váy bản*”; phần nằm giữa cách tâm và váy bản được gọi là “*thao hoàn bản*”.

❖ *Lan can*

Lan can là một bộ phận nằm trong hệ thống kiến trúc, có tác dụng ngăn cản người không bị té ngã khi đi lên cầu thang, thường có độ cao bằng khoảng nửa thân người. Trong kiến trúc chùa Phật, lan can chủ yếu được xây dựng xung quanh bên ngoài các điện đường như trên Nguyệt đài của Đại Hùng Bảo Điện...Xét về mặt chất liệu chủ yếu bao gồm 2 loại:

+ Lan can gạch: được xây dựng từ nhiều viên gạch chất lên nhau thành tường lũy, đa số đều để ra những lỗ thủng hình học hoặc hoa văn tạo nên hiệu quả trang trí nhờ sự đối xứng và lặp đi lặp lại theo nhịp điệu của các hình đơn giản, tôn lên vẻ trang nghiêm cho điện đường.

+ Lan can đá: đây là dạng lan can phổ biến thường thấy, có thể phân loại thành dạng đó là kiểu lan can đời nhà Tống và kiểu lan can nhà Thanh. Thường mà nói thì lan can kiểu nhà Tống thường mang dáng dấp cổ xưa, mang lại cho người xem có cảm giác đơn giản, thanh thoát. Còn lan can kiểu nhà Thanh ngày một phù hoa, mang tính trang trí cao hơn là thực dụng.

❖ *Cửa sổ*

Thời xưa, chỗ mà có thể đóng mở trên tường gọi là “*dũ*” (牖), chỗ không thể đóng mở ở trong nhà được gọi là “*song*” (窗) như là “*thiên song*”, “*yên song*”...cả dã và song đều có nghĩa là cửa sổ. Cửa sổ mà chúng ta gọi hiện nay có ý

¹⁸ Nguyễn Thị Ngọc Lan – Nguyễn Thế Cường, *Kiến trúc cổ Trung Quốc*, NXB tổng hợp Tp.HCM, trang 25

nghĩa giống như tên gọi “*dũ*” của thời cổ xưa, còn “*song*” (*cửa sổ*) của thời cổ xưa gần giống như cửa sổ trời hiện nay. Trong kiến trúc Phật giáo, loại hình cửa sổ được dùng phổ biến nhất là “*lăng hoa hạm song*” (菱花檻窗).

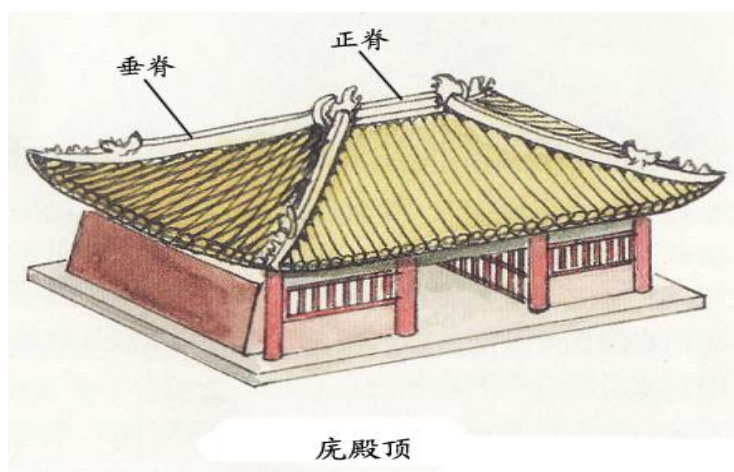
2.1.1.3 Mái

Mái là một bộ phận kiến trúc đặc sắc nhất trong hệ thống kiến trúc chùa Phật. Nhìn từ bên ngoài, kiến trúc mái của các chùa Phật đều được gắn các vật trang trí mang ý nghĩa và màu sắc của Phật giáo như: hoa sen, bảo châu, pháp luân, bảo tháp...đây là những vật trang trí hoàn toàn khác biệt so với các vật trang trí trong các hệ thống kiến trúc khác. Vì kiến trúc Phật giáo mang một tiêu chí hoàn thiện, đặc trưng riêng cho bản thân nên đã thiết kế kiến trúc mái mang sắc thái vô cùng trang nghiêm và mỹ lệ. Kiểu dáng của kiến trúc mái rất đa dạng và phát triển theo từng thời kỳ lịch sử, trên mỗi bờ mái lắng đọng một tình cảm nồng nàn, sâu sắc đối với Phật giáo, kiến trúc mái đã trở thành viên ngọc minh châu tỏa sáng trong văn hóa nghệ thuật kiến trúc cổ đại của Trung Quốc.

❖ Phân loại kiến trúc mái

Kiểu dáng kiến trúc mái đa dạng và phong phú, gắn liền với đặc điểm của từng giai đoạn lịch sử khác nhau, mang phong cách và đặc trưng của từng vùng miền khác nhau, có thể phân thành 6 dạng như sau:

- Mái Vũ Điện (mái chỏm)



Hình 2.3 Mái Vũ Điện

(Nguồn: http://www.njtutengzs.com/news_sub.asp?class=65)

Mái kiểu Vũ Điện được cấu thành từ 5 sóng (gờ diềm) bao gồm 1 bờ nóc (gờ nổi hai mái chính chạy dọc theo đòn dông) và 4 bờ dải (là những đường gờ nổi giữa hai mái chính và hai mái phụ). Do mái có 4 mặt dốc nên còn có tên gọi là “*Tứ A*”¹⁹.

Mái Vũ Điện được phân thành hai loại đó là mái đơn và mái kép. Mái kép là từ phía dưới hệ thống mái ban đầu, ở bốn góc thiết kế thêm một đoạn mái tạo thành bờ mái thứ hai, là một dạng kiến trúc mái trong văn hóa cổ đại của các quốc gia như Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc. Là loại hình mái được xếp vào dạng bậc nhất trong các dạng kiến trúc mái của Trung Quốc.

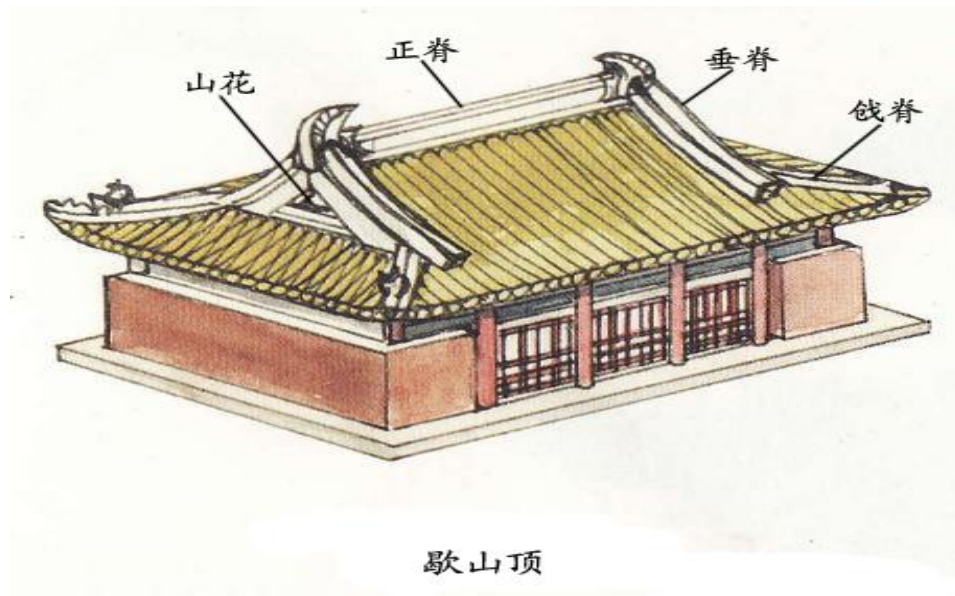
▪ Mái Yết Sơn (mái nửa chòm)

Vào thời đại nhà Tống, mái Yết Sơn còn có tên gọi là “*Cửu Tích Điện*”, đến thời kỳ nhà Minh đổi lại tên gọi như ngày nay, là một dạng trong hệ thống kiến trúc mái cổ đại Trung Quốc. Về quy cách kiến trúc đứng thứ hai sau kiểu mái Vũ Điện. Mái Yết Sơn tổng cộng có 9 gờ diềm, trong đó gồm 1 bờ nóc, 4 bờ dải và 4 bờ chảy, nên từ đó có tên gọi là “*Cửu Tích Điện*”²⁰.

Nửa phần trên của mái được thiết kế theo kiểu mái Huyền Sơn và kiểu mái Ngạnh Sơn, còn nửa phần dưới của mái được thiết kế theo kiểu mái Vũ Điện. Mái Yết Sơn là sự kết hợp của hai kiểu bờ thẳng và bờ dốc, tạo cho người nhìn có cảm giác về một kết cấu mái thật rõ ràng, phân rõ góc cạnh.

¹⁹ <http://zh.wikipedia.org/zh/%E5%BA%91%E6%AE%BF%E9%A1%B6>

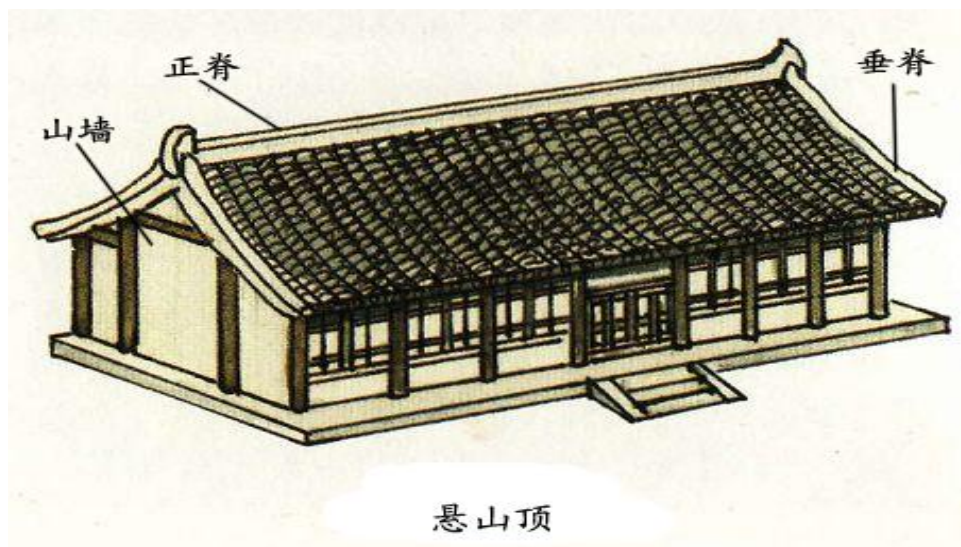
²⁰ <http://baike.baidu.com/view/118996.htm>



Hình 2.4 Mái Yết Sơn

(Nguồn: http://www.njtutengzs.com/news_sub.asp?class=65)

- Mái Huyền Sơn (mái có đầu hồi)



Hình 2.5 Mái Huyền Sơn

(Nguồn: http://www.njtutengzs.com/news_sub.asp?class=65)

Vào triều đại nhà Tống, mái Huyền Sơn còn có tên gọi là “*Bát Hạ Lương Đầu Tạo*”, đến triều đại nhà Thanh được đổi tên thành “*Huyền Sơn*”, “*Thiên Sơn*”

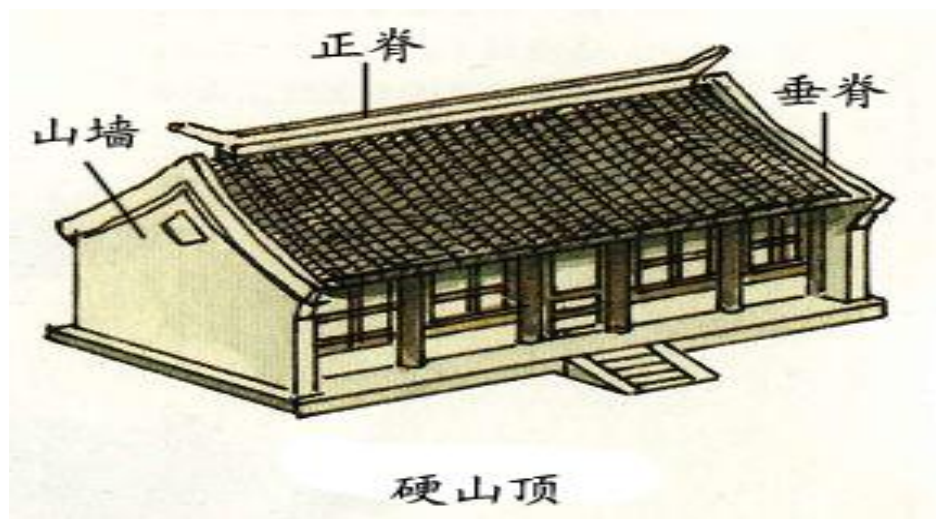
hay còn gọi là “*Xuất Sơn*”²¹. Là một trong số các dạng kiến trúc mái của Trung Quốc cổ đại, được du nhập vào Nhật Bản, bán đảo Triều Tiên và Việt Nam. Vào thời cổ đại, kiểu mái Huyền Sơn được xếp vào hạng thứ ba đứng sau kiểu mái Vũ Điện và Yết Sơn và đứng trên kiểu mái Ngạnh Sơn, là kiểu mái thường gặp của hệ thống kiến trúc mái trong khu vực Đông Á.

Mái Huyền Sơn được cấu tạo từ 1 bờ nóc và 4 bờ dải nhưng không mang đặc điểm của kiểu mái Quyển Bằng Huyền Sơn là không có gờ diềm và cũng không mang đặc điểm của kiểu mái Ngạnh Sơn, kiến trúc mái Huyền Sơn mang đặc điểm đặc trưng riêng là hai bên tường được thiết kế nép vào bên trong mái, thanh rui của mái chìa ra bên ngoài tường, tạo thêm lớp chắn gió bảo vệ bờ tường.

Kiểu mái Huyền Sơn là dạng kiến trúc mái 2 mặt dốc của thời kỳ đầu nhưng trước triều đại nhà Đường được xem là kiểu kiến trúc quan trọng.

So sánh với kiểu mái Ngạnh Sơn, kiểu mái Huyền Sơn có lợi thế là tránh mưa tốt, còn kiểu mái Ngạnh Sơn có thể mạnh là tránh gió và hỏa hoạn, nên kiểu mái Huyền Sơn được sử dụng phổ biến ở các vùng phía Nam Trung Quốc, còn kiểu mái Ngạnh Sơn sử dụng phổ biến ở phía Bắc Trung Quốc.

▪ Mái Ngạnh Sơn



Hình 2.6 Mái Ngạnh Sơn

(Nguồn: http://www.njtutengzs.com/news_sub.asp?class=65)

²¹ <http://zh.wikipedia.org/zh/%E6%82%AC%E5%B1%B1%E9%A1%B6>

Kiểu mái Ngạnh Sơn được xếp vào hàng thứ tư đứng sau kiểu mái Vũ Điện, Yết Sơn và Huyền Sơn, là kiểu mái có 5 sóng và 2 mái dốc, được tạo thành từ 1 bờ nóc và 4 bờ dải. Khác với kiểu mái Huyền Sơn, đặc điểm nổi bật nhất của kiểu mái này là toàn bộ các đầu xà hai bên tường được bao kín (không để chìa ra bên ngoài). Kiểu mái Ngạnh Sơn ra đời tương đối trễ, rất có thể là vào thời kỳ nhà Tùy đến thời kỳ Minh, Thanh, kết cấu kiến trúc gạch đá được sử dụng nhiều nên kiểu mái Ngạnh Sơn được phổ biến từ đó.

▪ Mái Quyển Bằng (mái bằng)

Kiểu mái Quyển Bằng còn có tên gọi là “ *Nguyên Bảo*”, là kiểu hai mái dốc thoát nước. Đặc điểm độc đáo của kiểu kiến trúc này là vị trí tiếp xúc giữa hai mái dốc thoát nước không để bờ nóc lộ ra bên ngoài mà tạo thành một mặt cong ở vị trí đó.

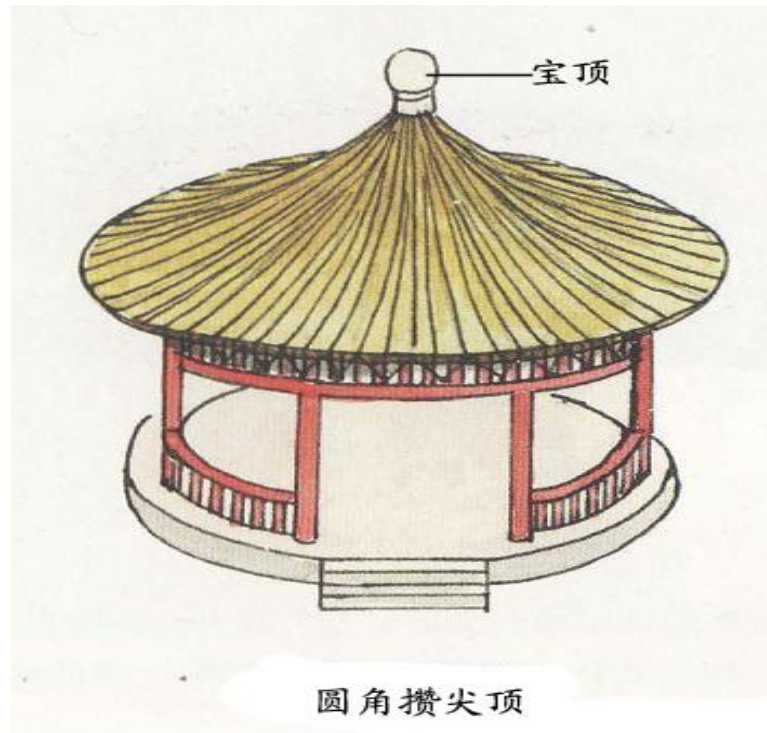
Căn cứ vào đặc điểm không giống nhau giữa mái Huyền Sơn và mái Ngạnh Sơn, kiểu mái Quyển Bằng có thể phân làm hai kiểu Quyển Bằng Huyền Sơn và Quyển Bằng Ngạnh Sơn, ngoài ra Quyển Bằng còn giống là kiểu mái Yết Sơn. Từ đó có thể xem kiểu Mái Quyển Bằng là dạng biến tấu của 3 kiểu mái Huyền Sơn, Ngạnh Sơn và Yết Sơn.



Hình 2.6 Mái Quyển Bằng

(nguồn: http://www.njtutengzs.com/news_sub.asp?class=65)

▪ Mái Toàn Tiêm



Hình 2.7 Mái Toàn Tiêm tròn

(Nguồn: http://www.njzutengzs.com/news_sub.asp?class=65)

Vào thời kỳ nhà Tống, kiểu mái Toàn Tiêm còn được gọi là “*Toát Tiêm*”, “*Đấu Tiêm*”, đến thời nhà Thanh được đổi lại là “*Toàn Tiêm*”. Khác với những kiểu mái khác, đặc điểm nổi bật nhất của dạng mái này là kiến trúc mái có dạng hình nón, không có bờ nóc, toàn bộ kiến trúc mái chỉ tập trung vào một điểm tức “*Bảo Đình*”, dạng mái này được sử dụng phổ biến trong các công trình kiến trúc Tháp, Gác, Đình.

Mặt dốc và bờ dải của kiểu mái Toàn Tiêm thường hướng vào trong hoặc là hình phẳng, nửa phần trên lồi và nửa phần dưới lõm, mang kiểu dáng của một hình nón.

Mái kiểu Toàn Tiêm có loại gồm mái đơn và mái kép, dựa vào hình dáng bên ngoài có thể phân mái Toàn Tiêm làm hai dạng đó là mái Toàn Tiêm góc và

mái Toàn Tiêm tròn. Trong đó, mái Toàn Tiêm góc có số lượng bờ góc trùng với tên gọi của mái như: mái 4 góc, mái 6 góc và mái 8 góc... mái Toàn Tiêm tròn không có bờ dải, đỉnh nhọn của mái nhỏ dần lên phía trên.

❖ Vật liệu lợp mái

Không giống như ở phương Tây, mái lợp Trung Quốc gồm những thanh rui đỡ những viên ngói, nhưng ở đây không bao giờ đặt trực tiếp. Xem giữa những thanh rui và những lớp lợp hoặc là một hay nhiều lớp đất sét, hoặc là những tấm gỗ mỏng. Những viên ngói hình máng được đặt úp thành hàng từ nóc đến bờ dưới của mái, tạo thành những rãnh thoát nước dọc. Để ngừa nước len qua các khe giữa các viên ngói, người ta đặt giữa hai hàng ngói úp một hàng ngói ngửa lấn sang hai hàng ngói úp hai bên (ngói âm dương).

2.1.2 Bố cục kiến trúc chùa Phật Trung Quốc

Trong thời kỳ sơ khai của Phật giáo Trung Quốc nhiều vương tôn đại thần đã biến nhà riêng của họ hoặc công phủ thành nơi thờ Phật bằng cách đặt tượng Phật ở tiền sảnh, còn hậu đường thì làm nơi đọc kinh, bởi vậy các chùa ngay từ đầu đã có dạng một tổ hợp công trình chung quanh một cái sân hơn là những công trình riêng lẻ.

Từ thời Đông Hán đến Ngụy, Tấn, bố cục của chùa Phật có thể chia làm 2 loại như sau: một loại lấy tháp làm trung tâm, loại thứ hai không xây tháp ở trung tâm mà giống cấu trúc nhà ở có sân²².

Trong kiến trúc chùa Phật Trung Quốc, kiến trúc điện đường đóng vai trò chủ thể. “*Điện*” là nơi bày trí tượng Phật và thực hiện các nghi lễ cúng bái, “*đường*” là nơi thuyết pháp và sinh hoạt hằng ngày của các tăng lữ. Hầu hết các công trình kiến trúc chính được đặt trên trục Bắc Nam, các công trình phụ được xây dựng theo hướng Đông Tây. Các công trình kiến trúc chính từ Nam qua Bắc lần lượt là: Sơn môn, Thiên Vương điện, Đại Hùng Bảo điện, Pháp đường hoặc Tăng kinh lâu (lâu chứa kinh). Công trình kiến trúc trên trục Đông Tây bao gồm: Già Lam điện, Tổ Sư Đường, Quan Âm điện, Dược Sư điện... nơi sinh hoạt hằng ngày

²² Nguyễn Thị Ngọc Lan – Nguyễn Thế Cường, *Kiến trúc cổ Trung Quốc*, NXB tổng hợp Tp.HCM, trang 108.

chủ yếu trong chùa Phật bao gồm: nhà tăng, nhà bếp, nhà ăn, nhà kho, phòng tiếp khách.

2.1.2.1 Sơn môn

Cửa chính của chùa Phật được gọi là “*Sơn môn*”. Do ngày xưa chùa Phật thường được xây dựng ở nơi rừng núi nên cửa chính có tên gọi như thế. Sơn môn thường có 3 cửa, tượng trưng cho “*Tam giải thoát môn*”, gồm “*Không môn*”, “*Vô Tương môn*”, “*Vô Tác môn*”. Gian cửa chính giữa thường được xây dựng theo kiểu dáng của điện đường và được gọi là “*Sơn môn điện*” hoặc “*Tam môn điện*”. Bên trong điện được đắp hai tượng kim cương lực sĩ rất lớn, như hai thần hộ pháp bảo vệ cửa chùa.

2.1.2.2 Thiên Vương điện

Bước vào cửa chùa nhìn theo hướng Bắc, tòa điện đầu tiên là Thiên Vương điện, hai bên phía trước Thiên Vương điện là lầu chuông và lầu trống. Chính giữa Thiên Vương điện được đặt một thượng Phật Di Lặc rất to. Hai bên phía Đông Tây đắp tượng tứ đại Thiên Vương, phía sau của tượng Di Lặc là tượng Vi Đà Bồ Tát.

2.1.2.3 Đại điện

Phía Bắc của Thiên Vương điện là Đại Hùng Bảo điện hay còn gọi là Đại điện, là tòa điện chính của chùa Phật. Trong Đại Hùng Bảo điện thờ tượng Phật Thích Ca Mâu Ni, mà đức hiệu của Phật Thích Ca Mâu Ni là “*Đại Hùng*”, để thể hiện sự kính trọng đối với Phật tổ Thích Ca Mâu Ni nên lấy tên gọi là Đại Hùng Bảo điện. Đại Hùng Bảo điện nằm ở vị trí trung tâm của toàn thể kiến trúc ngôi chùa, quy mô của tòa điện có quan hệ mật thiết với quy mô của toàn thể ngôi chùa.

2.1.2.4 Pháp đường

Phía sau của Đại điện là Pháp đường, còn được gọi là Giảng đường. Là nơi tập trung các hội nghị diễn thuyết Phật pháp của giới tu hành, là kiến trúc quan trọng đứng thứ hai sau Đại Hùng Bảo điện. Pháp đường cũng thờ tượng Phật, nhưng chủ yếu là xây dựng “*pháp tọa*”, “*pháp tọa*” còn được gọi là “*su tử tọa*”, bên trong pháp đường xây một đài cao, chính giữa đặt ghế ngồi, dành để pháp sư ngồi diễn thuyết Phật pháp. Đằng sau pháp tọa được treo bức tranh tượng trưng cho Phật

Thích Ca đang diễn thuyết truyền đạo. Trước pháp tọa được bố trí giảng đài, trên giảng đài đặt 1 tượng Phật nhỏ, phía dưới xây hương án, bình cắm hoa tươi, hai bên bố trí chỗ ngồi nghe giảng pháp.

2.1.2.5 Tàng kinh lâu

Tàng kinh lâu còn có tên gọi là Tàng kinh các, là nơi cất giữ những kinh Phật quý báu của nhà chùa. Hình thức mái được xây dựng theo kiểu kiến trúc Nganh Sơn.

2.1.2.6 Già Lam điện

Già Lam là từ gọi tắt của “*Tăng già lam ma*” (sangharama). Tăng già là một nhóm tăng nhân đi hoán pháp, thường từ 4 người trở lên. Tăng già la ma là nơi ở của các tăng nhân để tu hành, là nơi thuyết pháp của Phật Thích Ca.

2.1.3 Nghệ thuật trang trí

2.1.3.1 Đề tài trang trí

Đề tài trang trí cho kiến trúc Phật giáo vô cùng phong phú, mỗi đề tài đều hàm chứa những sự tích và ý nghĩa của Phật giáo. Dưới đây là những đề tài thường thấy nhất trong nghệ thuật trang trí của kiến trúc Phật giáo Trung Quốc:

❖ *Đề tài trang trí đơn lẻ:*

+ Hoa sen: ngụ ý thể hiện sự thuyết pháp của đức Phật và còn mang ý nghĩa thuần khiết, trong sạch. Thường được trang trí ở bệ ngồi của tượng Phật, hương án...

+ Voi: đại diện cho sự giáng sinh (sinh ra) của đức Phật, ngoài ra còn mang hàm nghĩa là may mắn, cũng thể hiện sự thuyết pháp của đức Phật.

+ Rồng: mang lại sự may mắn về công danh, tài lộc, rồng đại diện cho quẻ chấn, mang lại dương khí, sự quật khởi, ý chí, công danh, tài lộc và quyền lực. Thường được trang trí trên bờ mái, lan can, chạm khắc trên các cột trong kiến trúc chùa Phật.

+ Kỳ lân: báo hiệu điềm lành, sắp có thái bình thịnh vượng, kỳ lân là con vật chuyên canh giữ và bảo vệ cửa nhà, miệng há to thu hút và trấn áp hung khí vào nhà. Trong kiến trúc Phật giáo, thường thấy hai con kỳ lân đá đặt trước cửa để canh giữ cửa chùa.

+ Quy (rùa): là biểu trưng cho sự trường tồn của Phật giáo và bền vững của xã tắc.

+ Phụng (phượng hoàng:) đem lại sự may mắn về danh tiếng, tình duyên, tài lộc, phượng hoàng là hình tượng của thánh nhân, của sự hạnh phúc, thường được chạm khắc trên thành bậc, đầu dư, đầu đao...

+ Cá: tượng trưng cho sự phồn vinh, giàu có.

+ Bánh xe pháp luân: biểu thị cho cốt tủy của Phật giáo, giáo pháp của đức Phật và cho chính đức Phật, ngài chuyển vận bánh xe để nhiếp phục, đoạn trừ phiền não trong tâm thức chúng sanh. Được trang trí trên mái, đầu đao các công trình kiến trúc Phật giáo.

❖ *Đề tài trang trí phức hợp:*

+ Lưỡng long triều nhật (hai con rồng chầu về mặt trời), lưỡng long tranh châu (hai con rồng tranh viên ngọc), lưỡng long triều nguyệt (hai con rồng chầu về mặt trăng)... đặc biệt thường gặp trên các bờ nóc công trình. Rồng chầu hoa cúc, hoa hướng dương đều là các dạng của lưỡng long triều nhật với ý nghĩa cầu trời mưa, hình tròn có ngọn lửa tượng trưng cho sấm sét, nguồn nước, mang đến mùa màng tươi tốt... Hoa cúc và hoa hướng dương cũng được sử dụng tượng trưng cho mặt trời (nhật dương).



Hình 2.9 Lưỡng long triều nhật

+ Bát bảo: bát bảo trong Phật giáo bao gồm Nút (nơ) may mắn, Pháp luân, Liên hoa (hoa sen), Song ngư, Bảo cái, Bảo bình, Cờ thắng lợi, Ốc biển. Tám vật này đều có liên quan đến Phật Đà: Bảo cái tượng trưng cho phần đầu của Phật, Liên hoa là lưỡi Phật, Ốc biển là lời nói của Phật, Bảo bình là cổ của Phật, Cờ thắng lợi là thân Phật, Pháp luân là chân Phật và Nút (nơ) may mắn là ý của Phật.



Hình 2.10 Bát bảo trong trang trí Phật giáo

(nguồn:http://www.fowg.cn/fjys2/HTML/fjys2_50205.html)

+ Tứ quý (tứ thời, tứ thì, tứ hữu) thường là bốn loài cây mang biểu tượng cho bốn mùa. Thường gặp nhất là mai lan cúc trúc, tùng cúc trúc mai, mai sen cúc tùng. Trong đó, mai tượng trưng cho sự thanh cao và khí tiết của người quân tử. Trúc tượng trưng cho sự ngay thẳng và cương trực của người quân tử. Cúc biểu tượng cho lòng chung thủy. Tùng tượng trưng cho khí phách hiên ngang của người quân tử. Sen tượng trưng cho sự thanh cao trong sạch.

2.1.3.2 Màu sắc

Theo kinh Phật tất cả mọi sự việc trong thế gian đều nằm trong phạm vi của 4 trạng thái bao gồm: “*Tức* (息) - *Tăng* (增) - *Phó* (怀) - *Phục* (伏)”. Bốn trạng thái này thể hiện: “*Tức*” biểu thị cho sự ôn hòa, lấy màu trắng làm đại diện;

“*Tăng*” biểu thị cho sự phát triển, lấy màu vàng làm đại diện; “*Phổ*” biểu thị cho quyền lực, lấy màu đỏ làm đại diện; “*Phục*” biểu thị cho sự hung ác, lấy màu đen làm đại diện. Trong kiến trúc điện đường của Phật giáo thường được sử dụng những màu sắc rực rỡ như màu kim, màu vàng và cả màu đỏ, tượng trưng cho sự tráng lệ, hoa mỹ của kiến trúc Phật giáo.

2.1.3.3 Các vật trang trí

+ Đuôi chim cú: mô típ hình đuôi chim cú là vật trang trí ở hai đầu nóc trong trang trí kiến trúc nóc mái chùa cổ mang phong cách kiến trúc Trung Quốc, nhằm tăng thêm độ cao cho nóc mái. Các triều đại khác nhau sử dụng hình dạng trang trí khác nhau. Triều đại nhà Hán sử dụng hình phượng hoàng, nhà Tống, Nguyên sử dụng hình dạng đuôi cá, triều đại Minh, Thanh sử dụng đa số là hình rồng, tất cả đều là hướng đuôi lên trời.



Hình 2.10 Mô típ trang trí hình cá vẩy đuôi

+ Tượng ông Nhứt bà Nguyệt: được trang trí trên nóc mái theo hai hướng Đông Tây, tượng trưng cho yếu tố âm và dương, âm dương hòa hợp sẽ sinh ra muôn loài, biểu hiện sự thịnh vượng của vạn vật. Đây là nghi dung đặc trưng của kiến trúc ngôi chùa Trung Hoa.

+ Đèn lồng(灯笼): là vật bao xung quanh ngọn nến, tránh cho ngọn nến không bị gió thổi tắt và giúp các con côn trùng như ong bướm tránh không bị lửa đốt. Đèn lồng tượng trưng cho sự vui mừng, phấn khởi của người Trung Quốc, đèn lồng còn được gọi là: đăng lâu, đăng lô, đăng lữ...Sau này, do vật liệu sử dụng để làm đèn lồng có nhiều thay đổi nên dân gian đã dựa vào tên gọi của vật liệu để đặt tên cho đèn lồng như: đèn lồng đá, đèn lồng sắt, đèn lồng đồng, đèn lồng gấp, đèn lồng quay (đèn ngựa chạy), đèn lồng hoa sen, đèn lồng đầu rồng, đèn lồng giấy, đèn lồng lưu ly...rất nhiều chủng loại khác nhau. Trong các Phật điện, giảng đường, phòng khách, hành lang...của kiến trúc Phật giáo, đèn lồng được sử dụng rất phổ biến. Có rất nhiều loại đèn lồng trang trí có dạng hình hoa sử dụng nhiều trong các điện đường của chùa Phật được gọi là hoa đăng.



Hình 2.11 Đèn lồng được trang trí trong chùa

+ Câu đối(对联): là một bộ phận kiến trúc độc đáo trong hệ thống kiến trúc chùa Phật Trung Quốc. Trong nghệ thuật kiến trúc, nhất là nền kiến trúc cổ, bất luận được xây dựng theo loại hình kiến trúc nào, đa số đều có xuất hiện câu đối. Vị trí thiết lập các câu đối chủ yếu là ở bên ngoài cửa. Hình thức kiểu dáng của câu đối

vô cùng phong phú, nội dung của các câu đối trong kiến trúc chùa Phật có liên quan đến Phật pháp hoặc tương thích với bầu không khí thanh tịnh nơi cửa chùa. Câu đối là một hình thức trang trí đặc sắc cho nghệ thuật kiến trúc, đặc biệt là kiến trúc chùa Phật.



Hình 2.12 Câu đối trước cửa chùa

+ Tràng(幢) hay còn gọi là Bảo tràng, Thiên tràng, Pháp tràng. Là một loại cờ có dạng như một cái ống tròn, biểu đạt ý nghĩa của sự thắng lợi và may mắn. Tràng thường dùng vải lụa để tạo thành hình cái ống tròn, bên trên thêu hoa văn hoặc kinh Phật, lời nguyện. Cho đến nay vẫn còn rất nhiều đền chùa còn bảo tồn được các kinh tràng bằng đá cổ xưa, điêu khắc rất tinh tế với nội dung phong phú như tượng Phật, tượng Bồ Tát, Thiên Long hộ pháp, kinh Phật, lời nguyện v.v...



Hình 2.13 Cờ kinh tràng

(Nguồn: <http://www.zjypw.com/news/2012/02/105496.htm>)

+ Phan (幡) là một loại cờ có bức vóc hay lụa rủ xuống, phan còn gọi là “*thăng phan*” (cờ chiến thắng). Thể hiện sự trang trọng và tôn lên uy đức của Phật thể, phan giống như “*tinh kỳ*” (cờ quạt) của Đại tướng lúc ra trận. Phan có nhiều màu sắc và cách thức làm khác nhau, phan được tạo thành từ lụa phẳng gọi là “*bình phan*”, làm từ chỉ màu gọi là “*ti phan*”, kết hợp từ các kim loại đá quý gọi là “*kim cang phan*”. Phía trên ghi các Phật hiệu hoặc kinh thơ, được treo trước tượng Phật.



Hình 2.14 Cờ phan

(Nguồn: <http://www.zhwh.net.cn/goods.php?id=910>)

+Cái(盖): một loại ô dù dùng để che nắng mưa, còn gọi là “*bảo cái*” hoặc “*thiên cái*”. Trong kinh Phật gọi là “*hoa cái*” (华盖). Thường được làm từ các nguyên liệu như gỗ, kim loại hoặc dệt bằng tơ tằm.



Hình 2.15 Bảo cái

+ Hoan môn (欢门): là một màn che lớn treo trước tượng Phật, mặt trên dùng chỉ màu thêu hình phi thiên, hoa sen...Hình ảnh phi thiên là hình ảnh thần linh của thế giới cực lạc ở phương tây. Hai bên của hoan môn có treo cờ thắng lợi, trước cửa có treo đèn lưu ly.



Hình 2.16 Hoan môn

(Nguồn: http://www.buddha35.com/cp_list.asp?id=37)

2.2 Tháp Phật

Vào thời kỳ Đông Hán, kiến trúc tháp Phật của Ấn Độ đã truyền bá vào Trung Quốc. Sau đó nhanh chóng kết hợp với kiến trúc truyền thống bản địa, hình thành nên kiểu tháp Lâu Các (tháp nhiều tầng) của Trung Quốc. Sau này, do kết cấu gỗ dễ bị tàn phá và dễ cháy, nên người dân Trung Quốc đã dựa theo hình dáng của kiểu tháp nhiều tầng, biến hóa thành kiểu tháp Mật Diêm. Trong văn phạm tháp gọi là “*stupa*”, trong lịch sử lâu dài người Trung Quốc phiên âm “*stupa*” thành “*túy đô ba*”, “*phù đồ*”, “*tháp bà*”²³. Theo suốt quá trình truyền bá của Phật giáo vào Trung Quốc, mãi đến thời Tùy Đường, nhà phiên dịch đã sáng tạo ra chữ “*tháp*” và làm tên gọi thống nhất cho đến ngày nay.

²³ Nguyễn Duy Hình “tháp cổ việt nam”.

Ở Trung Quốc, các tháp Phật được xây dựng vừa để cất giữ xá lợi, vừa để thờ cúng và tưởng niệm. chúng là sự kết hợp tháp stupa của Ấn Độ với kiến trúc truyền thống Trung Quốc.

2.2.1 Kết cấu của tháp Phật

2.2.1.1 Địa cung

Do ban đầu, tháp dùng để cất giữ xá lợi của đức Phật, sau khi du nhập vào Trung Quốc, kết hợp với văn hóa chôn cất của Trung Quốc đã xuất hiện loại hình địa cung độc đáo này, có tên gọi mang nét đặc sắc rất Trung Quốc đó là “*long cung*” (*hang rồng*)²⁴. Khi xây tháp, địa cung được xây trước tiên để cất vào đó những di vật và di cốt theo kiểu những cung điện dưới đất trong các lăng mộ của vua chúa Trung Quốc, nhưng với kích thước nhỏ hơn rất nhiều và cũng chứa ít vật táng hơn. Địa cung có thể hình vuông, lục giác, bát giác hoặc hình tròn, xây bằng gạch, đá. Bên trong địa cung đặt một hòm đá nhiều ngăn, ngăn dưới cùng đựng di cốt Phật, những ngăn trên có thể đựng tượng Phật, kinh sách và nhiều vật quý khác.

2.2.1.2 Đế tháp

Đế tháp là phần trên của địa cung đỡ toàn bộ kết cấu thượng tầng. Trong thời kỳ đầu các tháp có đế tương đối thấp, nhưng đến đời nhà Đường người ta bắt đầu xây những đế tháp to lớn như tháp Đại Nhạn và tháp Tiểu Nhạn ở Tây An. Từ đời nhà Đường, đế được bổ sung thêm một cái bệ ở trên làm cho tháp trở nên đường bệ. Đế thường là 1 cái nền thấp, không trang trí gì, nhưng bệ là phần nổi trội nhất của tháp với những trang trí lộng lẫy²⁵.

2.2.1.3 Thân tháp

Thân tháp là phần chính của tháp, nằm phía trên đế tháp, phong cách kiến trúc đa dạng, người ta chủ yếu dựa trên phong cách của thân tháp để phân loại tháp. Kiểu tháp nhiều tầng và tháp Đình thường đặt tượng Phật trong các tầng của thân tháp; còn tháp kiểu Mật Diêm bất luận là không tām hay thực tām đều không được bước vào, các tượng Phật đều được điêu khắc bên ngoài thân tháp. Trong các dạng

²⁴ Nguyễn Thị Ngọc Lan – Nguyễn Thế Cường, *Kiến trúc cổ Trung Quốc*, NXB tổng hợp Tp.HCM, trang 140.

²⁵ Nguyễn Thị Ngọc Lan – Nguyễn Thế Cường, *Kiến trúc cổ Trung Quốc*, NXB tổng hợp Tp.HCM, trang 141.

tháp, kiểu tháp nhiều tầng và kiểu tháp Mật Diêm có thân tháp được trang trí phong phú nhất²⁶.

2.2.1.4 Ngọn tháp

Ngọn tháp là vị trí cao nhất, là phần thanh mảnh nhất trong kiến trúc tháp Phật được coi là đặc biệt quan trọng vì biểu thị cho toàn thể tháp Phật và là kí hiệu nổi bật nhất trên tháp. Ngọn tháp cũng rất quan trọng về mặt kết cấu kiến trúc vì là đầu chóp của công trình, nơi gặp nhau của rui xà, nóc mái và gờ mái, nơi cần cố định để ổn định kết cấu mái và ngăn nước mưa thấm lọt vào trong. Trên quan điểm thẩm mỹ, ngọn tháp như là vương miện của công trình. Do đó, người ta tập trung nỗ lực để tạo ra một ngọn tháp thanh tú, tao nhã và cao quý.

Bản thân ngọn tháp là một tháp nhỏ gồm đế, thân và đỉnh với một cọc ở giữa. Đôi khi có một buồng nhỏ ở đế ngọn tháp để cất giữ di cốt Phật, kinh sách hay những đồ quý giá như vàng ngọc.

Đặc trưng nổi bật nhất của ngọn tháp là những cái đĩa trên thân tháp, tháp càng lớn thì đĩa càng lớn. Một mái che dạng cái dù, thường được xây dựng bên trên chông đĩa như một bộ phận trang trí, đỉnh của ngọn tháp ở phía trên mái che gồm một mặt trăng lưỡi liềm và một hạt đá quý. Đôi khi hạt đá quý được đặt trên hoặc giữa một vật trang trí hình ngọn lửa. Cột của ngọn tháp là trục trung tâm để gắn kết các phần khác nhau của ngọn tháp, cột có thể bằng gỗ hoặc bằng kim loại.

2.2.2 Kiểu dáng của tháp Phật

2.2.2.1 Tháp nhiều tầng

Kiểu tháp nhiều tầng bắt nguồn từ kiểu dáng kiến trúc Lâu Các truyền thống Trung Quốc, dạng tháp này có lịch sử lâu nhất, hình thể cao nhất, số lượng được bảo tồn cũng đứng đầu trong số các tháp cổ của Trung Quốc. Thời kỳ đầu tháp nhiều tầng sử dụng kết cấu gỗ, vì rất hay bị tàn phá do hỏa hoạn nên không thể bảo tồn được đến ngày hôm nay. Tháp nhiều tầng đầu tiên được tìm thấy trong điêu khắc của hang động Vân Cương và Đôn Hoàng thuộc thời kỳ Nam Bắc Triều. Sau thời Tùy Đường, vật liệu xây dựng tháp Phật được sử dụng nhiều là gạch đá, xuất

²⁶ Nguyễn Thị Ngọc Lan – Nguyễn Thế Cường, *Kiến trúc cổ Trung Quốc*, NXB tổng hợp Tp.HCM, trang 142.

hiện kiến trúc tháp gạch đá mô phỏng theo kiến trúc kết cấu gỗ Lâu Các²⁷. Đặc trưng của loại hình kiến trúc này là:

+ Khoảng cách giữa mỗi tầng tương đối rộng, tầng một của tháp Phật tương đương với tầng một của Lâu Các, kích thước và chiều cao của các tầng nhỏ dần từ thấp lên cao, toàn thể tháp Phật có dáng hình mũi khoan.

+ Vào thời nhà Đường, mặt bằng của tháp Phật có dạng hình vuông, đến thời Tống, Liêu, Kim mặt bằng tháp Phật có sự thay đổi thành hình bát giác, vào thời nhà Tống còn xuất hiện thêm mặt bằng hình lục giác. Thời Minh, Thanh vẫn sử dụng hình dạng mặt bằng bát giác và lục giác.



Hình 2.17 Tháp nhiều tầng

(nguồn:<http://www.rockice.info/travel-shanxi.html>)

+ Về mặt kết cấu của tháp, thời kỳ nhà Đường xây dựng theo dạng tháp Phật đơn tầng, rỗng chính giữa, bên trong có dạng hình ống, đóng cầu thang gỗ, sàn gác. Các thời kỳ Tống, Liêu, Kim đều xây cột gạch chính giữa tháp. Vị trí giữa cột và tường của tháp xây thêm cầu thang hoặc hành lang trong tháp. Để tháp được xây dựng rất đơn giản. Mỗi tầng của thân tháp đều được xây thêm cột, hoành phi, cửa sổ. Thời kỳ nhà Đường cột của tháp Phật có dạng cột vuông hoặc cột bát giác. Đến nhà Tống, Liêu sử dụng cột tròn, gỗ bách vuông được sử dụng phổ biến để làm lan can.

²⁷ Nhiều tác giả (2002), *Kiến trúc cổ Trung Quốc*, NXB Tân Thế Giới, trang 164.

Bên dưới bờ mái của các tầng đều sử dụng gạch hoặc đá để tạo thành đầu củng, kiểu dáng giống với kiểu dáng của kết cấu gỗ đương thời.

2.2.2.2 Tháp Bát úp

Tháp Bát úp còn được gọi là tháp Lạt Ma hay tháp Tây Tạng, vì khi Lạt Ma giáo xây tháp thường hay chọn kiểu tháp này nhất. Thân tháp của dạng tháp này là hình bát úp của một nửa hình tròn, là kiểu tháp được du nhập từ Ấn Độ. Tháp hình bát úp có ngọn tháp cực lớn, trên đỉnh tháp xây một Di Tu Tọa rất to. Loại hình tháp bát úp được lưu truyền từ đời nhà Nguyên, tiếp tục phát triển vào đời nhà Thanh, đây là giai đoạn hình thành mối quan hệ với Lạt Ma giáo đương thời. Thời kỳ nhà Nguyên xây dựng hai tầng Di Tu Tọa. Đến đời nhà Thanh vẫn tiếp tục duy trì nhưng có phần cao hơn, tháp Phật đời nhà Thanh đa số chỉ xây một tầng Di Tu Tọa. Đến thời kỳ nhà Nguyên, kiểu tháp bát úp thấp và rộng của thời nhà Thanh được biến tấu thành kiểu tháp tương đối nhỏ và cao, mặt chính thiết kế cửa “*Nhãn Quang môn*”, bên trong đặt tượng Phật. Thời kỳ nhà Minh vẫn duy trì hình thức xây dựng này. Đến đời nhà Thanh lần đầu tiên cải cách thành ba tầng kim cang, tầng cuối của ngọn tháp trở thành cổ tháp. Tháp thời nhà Nguyên Minh tương đối to và chắc chắn, tháp thời nhà Thanh có phần nhẹ và nhỏ hơn, thường có tất cả 13 tầng, các góc có hình đĩa tròn, trên đỉnh tháp có đỉnh bảo châu và tháp đồng. Hình ảnh trang trí trên tháp Phật vào thời nhà Thanh chủ yếu là mặt trăng, mặt trời và ngọn lửa.



Hình 2.18 Tháp Bát úp

(Nguồn:<http://andonglaowang.blog.163.com/blog/static/84487532201212671039595/>)

2.2.2.3 Tháp Mật Diêm

Đặc điểm nổi bật của tháp Mật Diêm là tầng thứ nhất đặc biệt cao, các tầng kế tiếp lại rất thấp, càng lên cao thì diện tích tháp càng nhỏ lại, các tầng mái kết nối chặt chẽ với nhau, toàn thể kiến trúc được xây theo hình viên đạn. Tháp bằng gạch cổ xưa nhất còn tồn tại đến nay ở Trung Quốc thuộc dạng tháp Mật Diêm là tháp chùa Tung Nhạc, xây dựng vào năm 523 trên núi Tung, Đổng Phong, Hà Nam – Trung Quốc. Đây cũng là ngọn tháp có niên đại sớm nhất tồn tại trong hệ thống tháp cổ Trung Quốc. Tháp chùa Tung Nhạc là một ví dụ điển hình sớm nhất của sự chuyển hướng từ kết cấu gỗ sang kết cấu gạch đá và rất được coi trọng.



Hình 2.19 Tháp Mật Diêm

(Nguồn:<http://xd3.blog.163.com/blog/static/664367482010101510445191/>)

2.2.2.4 Tháp Kim Cương Bảo Tọa

Tháp Kim Cương Bảo Tọa (vajrasana) xuất xứ từ một tháp Ấn ở quận Gaya, bang Bihar, nơi có một thạch bàn dưới gốc cây bồ đề mà đức Thích Ca đã ngồi tu và thành đạo ở đó²⁸. Bộ phận bên dưới tháp là một Kim Cương Tọa cực lớn, bên dưới Tọa có cửa, bên trên Bảo Tọa xây dựng 5 tòa tháp nhỏ, thờ cúng 5 bộ xá lợi (di cốt) của đức Phật thuộc Phật giáo Mật Tông. Từ thời kỳ nhà Minh trở về sau, ở Trung Quốc dạng tháp này lần lượt được sửa chữa và xây dựng, nhưng số lượng rất ít, toàn quốc hiện có tồn tại hơn 10 tòa.

²⁸ Nguyễn Thị Ngọc Lan – Nguyễn Thế Cường, *Kiến trúc cổ Trung Quốc*, NXB tổng hợp Tp.HCM, trang 125.



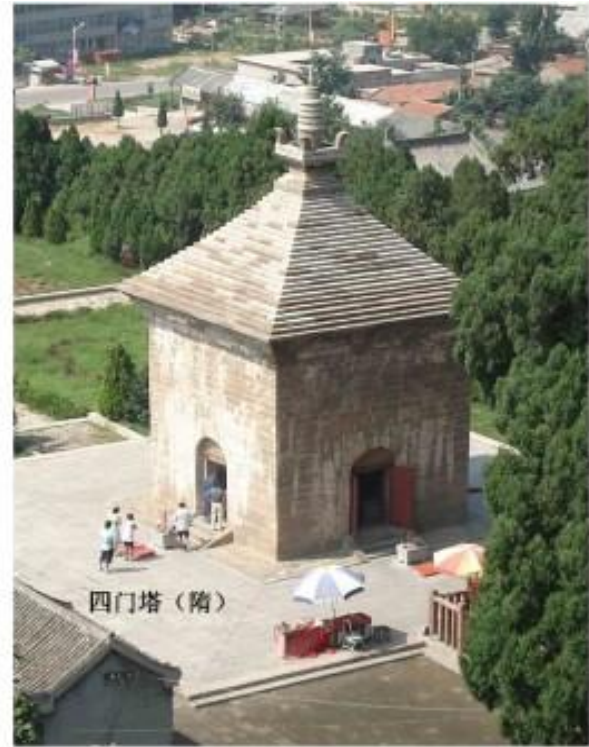
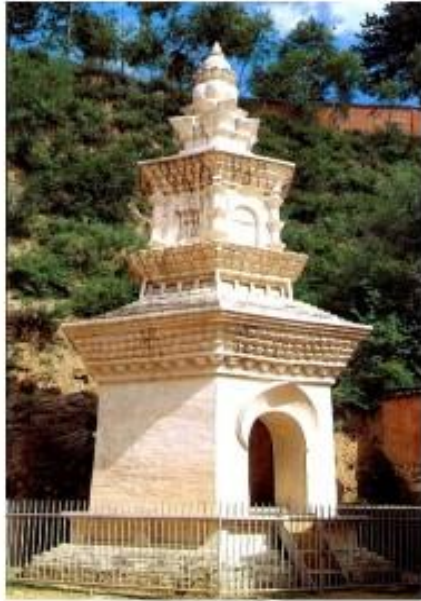
Hình 2.20 Tháp Kim Cương bảo tọa

(nguồn:<http://www.zhengjian.org/node/44429>)

2.2.2.5 Tháp Đình Các

Tháp Đình Các là một loại hình tháp cổ có lịch sử rất lâu đời, được kết hợp bởi kiến trúc tháp Bát úp của Ấn Độ và kiến trúc Đình Các truyền thống của Trung Quốc. Về bên ngoài của thân tháp giống như một ngôi đình, đều là đơn tầng. Có tháp còn xây thêm một gác nhỏ trên đỉnh tháp, phần thân tháp thường xây khám thờ Phật. Do loại hình tháp này có kết cấu đơn giản, chi phí không nhiều, dễ xây dựng nên được rất nhiều các cao tăng chọn làm tháp mộ.

佛光寺祖师塔（南北朝）



Hình 2.21 Tháp Đình Các

(Nguồn: <http://blog.ifeng.com/article/2322261.html>)

2.2.2.6 Tháp Hoa

Tháp Hoa bao gồm tháp Hoa đơn tầng và tháp Hoa đa tầng. Đặc trưng chủ yếu của tháp là nửa thân tháp phía trên được trang trí các hình hoa phức tạp, nhìn vào giống như hình một đóa hoa cực lớn. Dạng hình trang trí này có thể phát triển từ các hình trang trí trên thân tháp của các dạng như tháp Mật Diêm, tháp nhiều tầng và đỉnh tháp của tháp kiểu Đình Các. Dùng để thể hiện thế giới ẩn náu của hoa sen trong Phật giáo, số lượng tháp hoa tuy không nhiều nhưng mang một phong cách xây dựng độc nhất.



Hình 2.22 Tháp hoa

(Nguồn: http://www.gogosee360.com/fisheye/0001_tip.htm)

2.2.3 Mỗi quan hệ giữa chùa Phật và tháp Phật

Chùa Phật là nơi dành để thờ cúng tượng Phật, học kinh tự, tổ chức các hội nghị Phật pháp, ngôi thiền, là nơi diễn ra các hoạt động của Phật giáo. Tháp Phật là một bộ phận kiến trúc trong hệ thống kiến trúc chùa Phật, cả hai đều có một mối quan hệ nương tựa lẫn nhau. Nếu như nói ở nơi đó không có chùa Phật, đương nhiên cũng sẽ không có tháp Phật, còn nếu như nơi đó có chùa Phật nhưng trong chùa không có tháp Phật, ngôi chùa đó cũng chỉ được xem là một ngôi chùa nhỏ. Tháp Phật được xây dựng ở đâu, ở vị trí nào là thích hợp? Đầu tiên chúng ta cần phải hiểu rõ vì sao lại xây tháp Phật. Thứ nhất là vì mục đích lễ Phật, thứ hai người ta xem tháp Phật là một công trình kiến trúc mang tính tưởng niệm. Trong Phật giáo, tháp Phật là hình ảnh tượng trưng cho đức Phật, là hóa thân của đức Phật, tháp tức là Phật. Ngoài ra, tháp Phật còn trở thành một dạng kí hiệu chung, tháp Phật ở Trung Quốc thường được xây dựng ở nơi rừng sâu, nhìn từ bên ngoài vào sẽ không

thấy, nhưng khi trong chùa có xây tháp, người nhìn từ xa có thể thấy được tháp Phật, từ đó tháp Phật trở thành một dạng kí hiệu.

Vị trí của tháp Phật trong chùa thể hiện được sự thay đổi và phát triển của tháp Phật. Điển hình như trước thời kỳ nhà Đường, tháp Phật đã trở thành đối tượng được sùng bái, nên đã xây tháp Phật ở vị trí phía trước Đại Hùng Bảo điện, đồng thời xây dựng thêm chùa tháp, lấy tháp làm đối tượng chính để thờ cúng. Sau thời kỳ nhà Đường, bố cục của tháp Phật bị phân tán, tháp Phật không còn là đối tượng sùng bái chính, nên từ đó đã dời vị trí xây tháp ra phía sau Đại Hùng Bảo điện. Từ thời nhà Tống trở về sau, khi xây dựng chùa Phật, tháp Phật sẽ được xây ở phía sau Đại Hùng Bảo điện. Nếu như tháp Phật được xây ở bên ngoài chùa, thì phải xây tháp Phật ở góc Đông Nam theo hướng của Đại Hùng Bảo điện, tháp Phật mang ý nghĩa như là đức Phật.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Trong nội dung chương 2 với những tư liệu đã tổng hợp được, tác giả đã trình bày, phân tích, đánh giá những đặc điểm của kiến trúc chùa tháp cổ Trung Hoa. Đi sâu vào lối kết cấu kiến trúc chùa với từng đặc điểm nổi bật của các bộ phận cấu thành như: nền, kết cấu tường – cột với các chi tiết đặc trưng như cột, xà, đầu củng, trần, cửa, lan can, cửa sổ v.v... và đặc điểm kết cấu kiến trúc mái với 6 kiểu mái đặc trưng trong nghệ thuật kiến trúc cổ Trung Hoa. Bố cục kiến trúc chùa và nghệ thuật trang trí với những đề tài trang trí rất phong phú và đa dạng, mang đậm phong cách kiến trúc Trung Hoa. Kết cấu tháp Phật với những đặc trưng của địa cung, đế tháp, thân tháp và ngọn tháp, phân loại theo kiểu dáng với 5 kiểu tháp nổi bật, đưa ra mối quan hệ chặt chẽ giữa chùa Phật và tháp Phật. Từ đó giúp đọc giả có cái nhìn bao quát hơn, cụ thể hơn về đặc trưng của nghệ thuật kiến trúc cổ trung hoa với bề dày lịch sử rất lâu đời. Đã góp phần tạo nên sự phong phú và đa dạng trong nền văn minh cổ đại của nhân loại.

CHƯƠNG 3

NHỮNG DẤU ẤN CỦA KIẾN TRÚC CỔ TRUNG HOA TRONG XÂY DỰNG CHÙA CỔ VIỆT NAM

3.1 Phật giáo Việt Nam

Phật giáo Việt Nam là Phật giáo được bản địa hóa khi du nhập từ Ấn Độ vào Việt Nam, mang những đặc điểm khác biệt so với Phật giáo nguyên thủy và Phật giáo ở các nơi khác trên thế giới. Phật giáo là tôn giáo có ảnh hưởng sâu rộng nhất ở Việt Nam, theo thống kê của Ban Tôn giáo chính phủ Việt Nam năm 2005, hiện có gần 10 triệu tín đồ Phật giáo²⁹. Còn theo số liệu thống kê của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cả nước có gần 45 triệu tín đồ quy y tam bảo, có 839 đơn vị gia đình Phật tử và khoảng 44.498 tăng ni, hơn 14.775 tự, viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường³⁰ v.v...

3.1.1. Sự du nhập của Phật giáo

Phật giáo được truyền vào Việt Nam từ rất sớm và bằng nhiều con đường khác nhau. Theo tài liệu lịch sử thì từ đầu thế kỷ I, Phật giáo đã du nhập vào miền Bắc Việt Nam theo con đường hàng hải và vào phía Nam theo đường bộ. Luy Lâu(thuộc tỉnh Bắc Ninh) là trụ sở của quận Giao Chỉ sớm trở thành trung tâm Phật giáo quan trọng.

Do nhiều tài liệu Phật phổ cập đều bằng chữ Hán và những vị tổ sư đa số đều ở Trung Quốc sang, nên ta dễ nghĩ rằng đạo Phật ở Việt Nam được du nhập từ Trung Quốc sang. Thật ra không phải, đầu tiên chính là những nhà thương gia từ Ấn Độ sang, và có cả những tăng sĩ như Maha kỳ Vực, Khâu Đà La (vị này có quan hệ với bà Man Nương). Những người Giao Châu hồi đó đã có nhiều người lỗi lạc, tiếp thu và soạn được sách về Phật giáo. Từ thế kỷ III, có vị cao tăng là Khương

²⁹http://www.mofa.gov.vn/vi/login_form?came_from=http%3A//www.mofa.gov.vn/vi/nr040807104143/nr040807105039/ns050803093042&retry=&disable_cookie_login_=1

³⁰Theo số liệu thống kê của Ban Hướng dẫn Phật tử, Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong bài phát biểu của HT [Thích Thiện Nhơn](#) Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam đọc trong ngày kỷ niệm 27 năm ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (07/11/1981 – 07/11/2008) được đăng trên báo Giác Ngộ cơ quan ngôn luận của Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh.

TăngHội đã viết sách “ Lục Độ Tập Kinh”. Khương Tăng Hội giỏi cả chữ Phạn và chữ Hán, đã sang ở Kiến nghiệp (nay là Nam Kinh Trung Quốc) truyền bá đạo Phật³¹.

Việt Nam tiếp thu Phật giáo trực tiếp từ Ấn Độ nên từ *Buddha* (bậc giác ngộ) được phiên âm trực tiếp thành *Bụt*³², từ *Bụt* được dùng nhiều trong các truyện dân gian. Phật giáo Việt Nam lúc ấy mang màu sắc của Tiểu thừa, *Bụt* được coi như một vị thần chuyên cứu giúp người tốt, trừng phạt kẻ xấu. Sau này, vào thế kỷ thứ IV - V, do ảnh hưởng của Phật giáo Đại thừa đến từ Trung Quốc mà từ *Bụt* bị mất đi và được thay thế bởi từ Phật. Trong tiếng Hán, từ *Buddha* được phiên âm thành Phật đà, Phật đồ rồi được rút gọn thành Phật.

Phật giáo ăn sâu, bám rễ vào Việt Nam từ rất sớm. Đến đời nhà Lữ, nhà Trần, Phật giáo phát triển cực thịnh, được coi là quốc giáo, ảnh hưởng đến tất cả mọi vấn đề trong cuộc sống. Đến đời nhà Hậu Lê thì Nho giáo được coi là quốc giáo và Phật giáo đi vào giai đoạn suy thoái. Đầu thế kỷ 18, vua Quang Trung cố gắng chấn hưng đạo Phật, chinh đồn xây chùa, nhưng vì mất sớm nên việc này không có nhiều kết quả. Đến thế kỷ XX, mặc dù ảnh hưởng mạnh của quá trình Âu hoá, Phật giáo Việt Nam lại phát triển mạnh mẽ khởi đầu từ các đô thị miền Nam với các đóng góp quan trọng của các nhà sư Khánh Hoà và Thiện Chiếu³³.

3.1.2 Đặc trưng của Phật giáo Việt Nam

Phật giáo Việt Nam gắn bó với dân tộc Việt Nam trong cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước, bởi vậy *thấm đượm chủ nghĩa yêu nước của người Việt Nam*. Nhằm chống lại sự đồng hóa của một nền văn hóa lớn hơn mình, người Việt đã sử dụng một nền văn hóa có đủ tầm vóc để chống đối lại - đó là văn hóa Ấn Độ³⁴. Mà đối với Việt Nam Phật giáo là đại diện:

+ Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, Phật giáo đã từng là *cơ sở của khối đại đoàn kết dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam*.

³¹ Vũ Ngọc Khánh, *Chùa Cổ Việt Nam*, NXB Thanh Niên, trang 13-14.

³² Lê Mạnh Thát, *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, NXB Thuận hóa 1999, tập I.

³³ Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo Sử Luận*, NXB Văn Học 1979, tập III.

³⁴ TS Phạm Thái Việt – TS Đào Ngọc Tuấn, *Đại cương Văn Hóa Việt Nam*, NXB thông tin, trang 48 – 49.

- + Phật giáo Việt Nam có tính tổng hợp (các pháp tu Thiền – Mật – Tịnh Độ - Thiền Thai trộn lẫn).
- + Phật giáo Việt Nam mang tính dung chấp cao (chấp nhận các tín ngưỡng bản địa và chung sống hòa thuận với các tôn giáo khác).
- + Phật giáo Việt Nam thiên về xu hướng nhập thế.
- + Phật giáo Việt Nam là phương tiện để biểu đạt chủ nghĩa nhân đạo và vị tha của dân tộc Việt Nam.

3.2 Kiến trúc chùa cổ Việt Nam

Các ngôi chùa Việt Nam không đồ sộ nguy nga như các chùa ở Ấn Độ, Trung Quốc hay Thái Lan; nhưng rải rác đó đây, đâu đâu cũng có chùa. Từ những thảo am trong thôn xóm hẻo lánh đến những ngôi chùa kiến trúc bằng những vật liệu kiên cố tại các đô thị, tất cả đều mang sắc thái gọn nhẹ, thanh thoát và tĩnh mịch. Thiên nhiên đã tô điểm cho cảnh chùa và ngược lại chùa chiền cũng làm tôn vẻ đẹp của thiên nhiên.

Chùa Việt Nam thường không phải là một công trình mà là một quần thể kiến trúc, gồm những ngôi nhà sắp xếp cạnh nhau hoặc nối vào nhau. Tùy theo cách bố trí những ngôi nhà này mà người ta chia thành những kiểu chùa khác nhau. Tên các kiểu chùa truyền thống thường được đặt theo các chữ Hán có dạng gần với mặt bằng kiến trúc chùa.

3.2.1 Phân loại theo cấu trúc chùa

3.2.1.1 Chùa chữ Đinh (丁)

Chùa chữ Đinh (丁) bao gồm nhà chính điện (hay còn gọi là thượng điện), là nơi đặt các bàn thờ Phật. Được nối thẳng góc với nhà bái đường hoặc tiền đường ở phía trước.

3.2.1.2 Chùa chữ Công (工)

Chùa chữ Công (工) là chùa có cấu trúc bao gồm nhà chính điện và nhà bái đường được xây dựng song song với nhau và được nối với nhau bằng một ngôi nhà gọi là nhà thiêu hương, là nơi các nhà sư hành lễ. Có nơi gọi gian nhà nối giữa nhà chính điện với nhà bái đường là “ống muông”.

3.2.1.3 Chùa chữ Tam (三)

Chùa chữ Tam (三) mang cấu trúc đặc trưng với ba nếp nhà song song với nhau, thường được gọi theo thứ tự là chùa Hạ, chùa Trung và chùa Thượng.

3.2.1.4 Chùa Nội công ngoại quốc

Chùa kiểu nội công ngoại quốc là kiểu chùa mang kiến trúc đặc trưng với hai dãy hành lang nối liền nhà tiền đường ở phía trước với nhà hậu đường (nhà tổ hay nhà tăng) ở phía sau tạo thành một khung hình chữ nhật bao quanh nhà thiêu hương, nhà thượng điện hay các công trình kiến trúc khác ở giữa. Bố cục mặt bằng chùa có dạng phía trong hình chữ Công (工), còn phía ngoài có khung bao quanh như chữ khẩu (口) hay như ở chữ Quốc (国).

3.2.2 Bố cục kiến trúc

3.2.2.1 Cổng tam quan

Phần chủ yếu của cổng tam quan là ba lối đi với cửa giữa lớn hơn hai cửa bên. Vách cổng thường được làm bằng gỗ hay xây tường bằng vật liệu gạch đá. Phía trên lợp mái, hai bên lối đi được trang trí bằng những câu đối.

+ Cổng có gác

Cổng nhỏ thường chỉ xây một tầng, nhưng khi xây dựng với quy mô lớn hơn thì nhiều nơi sẽ xây hai tầng mái hoặc xây gác ở bên trên. Cổng được xây dựng bằng vật liệu gạch đá thì hầu hết các cổng đều có gác, dù có thể chỉ là gác giả để tạo chiều cao. Có nơi xây thành ba tầng. khi thiết kế gác ở trên thì có chùa dùng nơi đó để treo chuông, khánh và trống dùng trong nghi lễ nhà chùa.

+ Cổng kiểu tứ trụ

Cổng tam quan kiểu tứ trụ là kiểu kiến trúc thay vì xây tường vách thì thay vào đó là bốn trụ biểu, hai trụ giữa cao hơn hai trụ bên để chia thành ba lối đi. Phía trên nối liền bốn trụ biểu là xà được cách điệu làm tráng cổng.

3.2.2.2 Sân chùa

Qua Tam quan là đến sân chùa. Sân chùa đặt các chậu cảnh, hòn non bộ để tăng thêm cảnh sắc thiên nhiên cho cảnh quan ngôi chùa. Diện tích của sân phụ

thuộc vào những đặc điểm riêng và điều kiện của từng ngôi chùa. Trong sân chùa, đôi khi có những ngọn tháp được xây dựng.

3.2.2.3 Bái đường

Từ dưới sân chùa, lớp kiến trúc đầu tiên của ngôi chùa là nhà bái đường (hay còn gọi là tiền đường, nhà thiêu hương). Để đi được đến đây thường phải đi lên một số bậc thềm. Ở nhà bái đường có thể đặt một số tượng, bia đá ghi sự tích của ngôi chùa, có thể đặt cả chuông, khánh nếu như ngoài cửa Tam quan không xây gác chuông. Giữa bái đường là hương án, nơi thắp hương chính. Thông thường người đến lễ chùa thắp hương ở đây. Số gian của bái đường tùy thuộc vào qui mô của chùa, nhỏ nhất là 3 gian, thông thường là 5 gian.

3.2.2.4 Chính điện

Qua nhà bái đường là chính điện. Giữa bái đường và chính điện có một khoảng trống không rộng lắm, để cho ánh sáng tự nhiên chiếu sáng. Nhà chính điện là phần quan trọng nhất của ngôi chùa vì nơi đây bày những pho tượng Phật chủ yếu của điện thờ Phật ở Việt Nam.

3.2.2.5 Hành lang

Chạy song song với chính điện, nối chính điện với hậu đường là hai gian hành lang, tạo thành một nhà ba gian.

3.2.2.6 Hậu đường

Qua nhà chính điện, theo đường hành lang là đến nhà tăng đường (còn gọi là nhà hậu đường), cũng còn gọi là nhà tổ. Nhà hậu đường ở một số chùa trong miền nam Việt Nam liền sát sau nhà chính điện, ngay sau phía bàn thờ Phật.

3.2.3 Đặc trưng kiến trúc

Nhìn chung, chùa Việt Nam hầu như không còn ngôi chùa nào giữ được dáng dấp từ buổi đầu xây dựng, hầu hết đều bị biến đổi theo các đợt trùng tu. Tuy nhiên, kiến trúc truyền thống Việt Nam dù thuộc thời kỳ nào hay vùng miền nào cũng đều mang những đặc trưng như hoà hợp với môi trường, hoàn cảnh kinh tế văn hoá xã hội của địa phương.

Kiến trúc cổ truyền Việt Nam đa phần sử dụng kết cấu khung gỗ, kết hợp với các vật liệu hỗ trợ khác như gạch, đá, ngói, đất, rơm, tre... Trong thể loại kiến trúc này, thực sự không có sự khác biệt hoặc phân chia hoặc khác biệt nhiều về kết cấu của các thể loại công trình khác nhau. Dựa trên đặc điểm cũng như tính chất của hệ kết cấu cũng như vật liệu này, trong kiến trúc cổ truyền Việt Nam không thực sự tồn tại các công trình có kích thước lớn như ở các quốc gia khác.

Các đặc điểm nổi bật của kiến trúc chùa tháp từ thời Lý trở đi đã trở thành tiêu chí xuyên suốt cho kiến trúc truyền thống các thời kỳ sau tạo nên một nét riêng Việt Nam. Các đặc điểm đó là địa hình vừa đẹp vừa tiện lợi, bố cục cân xứng và hài hoà, sử dụng vật liệu phong phú và chọn lọc nhằm đạt được sự bền chắc của công trình và nghệ thuật trang trí hoàn hảo.

3.2.3.1 Vị trí – Thể đất

Ngôi chùa thường được xây dựng ở những nơi có cảnh đẹp, sơn thủy hữu tình. Tổ hợp không gian chùa luôn tuân theo nguyên tắc khép kín mang tính hệ thống, tạo ra một không gian biệt lập với khu dân cư nhưng không quá cách xa để thuận tiện cho việc tu dưỡng của tăng ni và giáo hoá chúng sinh. Những công trình trên cao dễ tạo được cảnh quan đẹp mắt. Nhiều di tích còn lại hiện nay đều được xây dựng trên núi, đồi.

Cảnh quan chùa có thể coi là một không gian thiên nhiên trong đó ngôi chùa như một nhân tố chính tô điểm cho không gian và ngược lại, các yếu tố trong không gian bao quanh chùa như cây cối, mặt nước, núi non... phụ trợ cho kiến trúc ngôi chùa tạo nên một thể thống nhất, biểu cảm và hài hoà. Đó là đặc trưng chính yếu của chùa Việt truyền thống, ngôi chùa thường yên ả, xinh đẹp và hoà mình với thiên nhiên.

❖ Hướng công trình chính thường như sau:

(+) Hướng tây là hướng về đất Phật (Thiên Trúc) và hướng về nơi tịch diệt, là hướng ổn định nhất hợp với quy luật vận hành của âm dương.

(+) Đa phần các chùa được làm theo hướng Nam (hướng Đông Nam đến Tây Nam), vì hướng đó mát mẻ về mùa hè, tránh rét về mùa đông. Còn theo Phật giáo

thì hướng Nam trong sáng, đồng nhất với trí tuệ, mà Phật giáo lấy trí tuệ đó để diệt trừ “*Vô Minh*”. Còn theo văn hóa Trung Hoa thì hướng Nam là hướng các vị Bồ Tát, Thần linh thường quay về để nghe rõ các nỗi đau khổ của con người để mà cứu giúp.

(+) Một số chùa quay theo hướng Đông vì cho rằng hướng này là hướng của Thần tới. Ngoài ra hướng Bắc là hướng không tốt về mặt khí hậu và theo Phật giáo nó tượng trưng cho sự đen tối. Một số chùa quay theo hướng bắc do có thể chứa đựng một sự tích riêng.

3.2.3.2 *Bố cục khuôn viên và không gian*

Đối với các dạng chùa xây dựng tại những khu vực tương đối bằng phẳng, mặt bằng chùa thường dàn trải theo một trục dọc hoặc hướng vào một tâm điểm. Nguyên tắc bố cục chung là cân bằng, quy củ hoặc tự do một cách có hệ thống để tạo được sự trang nghiêm cho công trình. Các lớp kiến trúc được dàn theo hướng ngang và phân bố hai bên trục tạo cảm giác sâu hơn về không gian.

Chùa được ngăn cách với khu vực dân cư bằng nhiều giải pháp như: tường bao, nhà hành lang, vườn hoặc hồ nước... vừa có chức năng thờ cúng lại vừa là chỗ để chuẩn bị cỗ chay, đồng thời cũng là thành tố liên kết, vây xung quanh chùa thành một khuôn viên nhà Phật. Các công trình kiến trúc Phật giáo trong thành phố, để bảo đảm các cổ vật được gìn giữ và mang lại sự yên tĩnh cho công trình, đồng thời tránh sự lấn chiếm, người ta sử dụng hệ thống tường bao quanh để ngăn cách.

Kiến trúc luôn có bố cục mang tính ẩn dụ, biểu tượng, chứa đựng triết lý phương Đông từ nội dung đến hình thức. Về không gian, kiến trúc chùa nói chung đều gần gũi với người dân. Không gian kiến trúc các công trình trong sáng đơn giản và phong phú đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của công năng sử dụng mang tính chất công cộng. Không gian được tổ chức linh hoạt, cơ động, thích ứng với tính chất sử dụng đa năng và kết hợp của nhiều loại hoạt động đa dạng đòi hỏi sự tập trung người đông đảo.

3.2.3.3 Kết cấu Phật điện

a/. Kết cấu chịu lực:

+ Cột: kết cấu cột gia công từ một cây gỗ nguyên, khác với các công trình kiến trúc Trung Quốc là ghép nối. Cột có dáng “*Đầu cán cân, chân quân cờ*” trong các kiến trúc cổ bằng gỗ cổ truyền. Tỷ lệ thức cột đã được các nhà nghiên cứu đi trước cho rằng nếu cột được chia làm 10 phần thì đường kính cột nở ra ở 1/4 chiều cao cột tính từ dưới lên. Đường kính trên đỉnh bằng 6/10, đường kính dưới chân cột bằng 8/10 đường kính chỗ to nhất. Tuy nhiên thức cột này thường gặp nhất trong cột đình, chùa thời Lê ở đồng bằng Bắc Bộ lúc đỉnh cao về nghệ thuật gỗ phát triển.

+ Bộ vì: cấu trúc bộ vì truyền thống Việt Nam biến đổi theo thời gian và không gian bao gồm vì nóc, vì nách. Vì nóc là khoảng liên kết giữa hai cột cái và vì nách là liên kết giữa hai cột cái và quân.

+ Xà: liên kết các cột theo chiều dọc để giằng cố định như xà thượng, xà hạ.

+ Bẩy, Kê đỡ mái: Bẩy hoàn toàn nằm ngang, cả ba toà thượng, trung và hạ điện đều chồng diêm hai tầng. Sức nặng của kiến trúc trong trường hợp này dồn từ mái xuống cột hiên mái trên sau đó tất cả lực dồn xuống xà nách dưới, làm điểm tựa đòn bẩy cho kê hiên mái dưới.

b/. Kết cấu bao che:

Chùa thường có 4 mái (2 mái chính và 2 mái phụ) hoặc mái chồng diêm 2 tầng 8 mái. Mặt phẳng mái được tạo bởi nhiều dạng ngói, phổ biến nhất là ngói vẩy cá, ngói mũi hài. Lớp ngói này được đặt trên 1 hoặc 2 lớp ngói chiếu (ngói lót). Hệ thống ngói lót được cố định bằng mè, mặt phẳng mái được tạo ra bởi các thanh rui mỏng, nằm vuông góc với thân hoành.

Tường bao che dường như là mới xuất hiện khi nhu cầu về sự tách biệt không gian tâm linh ra khỏi cuộc sống đời thường xuất hiện. Ở hầu hết các di tích vật liệu tường được sử dụng phổ biến là gạch nung, gạch hỗn hợp vôi đất.

3.2.3.4 Vật liệu và kỹ thuật xây dựng

a/. Vật liệu:

Thời Lý, với vật liệu gạch đá kiến trúc đã cho phép hình thành nên các công trình có quy mô lớn. Thời Trần kế thừa các vật liệu thời Lý với kiến trúc gỗ, gạch đá và đất nung.

Các công trình kiến trúc truyền thống thường sử dụng vật liệu gỗ (thường gặp gỗ lim, gỗ đinh, gụ, táu... cho hệ thống kết cấu khung cột, hệ thống cửa, rui hoành... Đá thường được sử dụng là đá nguyên khối từ đá ong, đá sa thạch, đá xanh... sử dụng trong nền, bậc cấp, chân tảng.

Vật liệu đất nung được sử dụng và chế tác thành các sản phẩm đáp ứng các mục đích sử dụng khác nhau. Ví dụ, mái các công trình lợp ngói lòng máng như âm dương, ngói ống ... và mái lợp ngói bản như ngói mũi hài, vẩy rồng, vẩy hến, ngói di, ngói liệt là dạng mái nhiều lớp, dưới cùng là lớp ngói lót, trên là các lớp ngói chính được xen chồng lên nhau để che mưa nắng.

b/. Kỹ thuật xây dựng:

Độ bền vững là đặc tính chính của các công trình kiến trúc chùa cổ. Bí quyết làm cho các kiến trúc gỗ bền vững, bên cạnh việc chọn vật liệu (gỗ to, gỗ tốt, đá cứng hay gạch nung già) mà đó là cả sự tính toán hợp lý của người xưa về cả hình học, vật lý, cả về mỹ thuật và kỹ thuật thi công xây dựng. Đó là giá trị về tính toán cho kiến trúc luôn nằm trong thế cân bằng và ổn định.

Trong kiến trúc gỗ nước ta, nhân tố cơ bản chống đỡ kiến trúc là các bộ vì. Bộ vì được hình thành bởi các cây cột, hệ thống liên kết cột và là sự kết hợp hài hòa hai yếu tố là lòng nhà và độ chảy của mái nhà. Sau đó, người ta nối các vì với nhau bằng hệ thống xà ăn mộng qua các cột. Lực ép và sức nặng của toàn bộ mái nhà dồn xuống các đầu cột. Các câu đầu, xà nách, kèo, bẩy, các đầu dư, đầu ghé hợp lý cũng có ý nghĩa quan trọng trong việc giữ cân bằng và gánh đỡ kiến trúc của bộ vì.

3.2.4 Nghệ thuật trang trí, điêu khắc và màu sắc

3.2.4.1 Trang trí và điêu khắc

Đã từ lâu nghệ thuật trang trí và điêu khắc là những bộ môn tạo hình nghệ thuật gắn bó khăng khít và không thể thiếu được trong các công trình kiến trúc cổ Việt Nam để điểm xuyết, trang trí nội và ngoại thất công trình kiến trúc, đưa tác phẩm lên một tầm giá trị nghệ thuật cao, có bản sắc dân tộc và tính thời đại rõ nét.

Đề tài và nội dung trang trí trong các công trình kiến trúc tôn giáo thường là “*tứ linh*”: long (rồng), lân (kỳ lân), quy (rùa), phượng (chim phượng); ngoài “*tứ linh*” còn có thêm cá, dơi, hạc, hổ và những động vật khác như voi, ngựa, chó v.v... và hình người Tiên nữ cưỡi phượng, vũ nữ và tấu nhạc... Về thảo mộc có bát bảo: quả bầu, bút lông, quạt vãi, ống tiêu, giỏ hoa, cây kiếm, cái khánh và phát trần là những vật quý tượng trưng cho sự phong lưu, học thức và dũng khí đạo đức của con người trong xã hội phong kiến; “*tứ quý*” hoặc “*tứ thời*” như Mai hoặc Lan (mùa xuân), Sen (mùa hạ), Cúc (mùa thu) và Trúc hay Tùng (mùa đông). Những hiện tượng thiên nhiên như mặt trời, mây, sông nước, ngọn lửa v.v... cũng là những đề tài phổ biến và quen thuộc trong trang trí kiến trúc hoặc tách riêng hoặc kết hợp như rồng với mây, cá với nước, long mã phụ đồ (con long mã mang cuộn giấy trên lưng) v.v... Trong sáng tác nghệ thuật, người thợ thủ công Việt Nam còn biết cách điệu, biến hình các đề tài nói trên cùng những chữ Nho (tượng hình) dùng làm văn tự trong xã hội xưa được thể hiện theo lối viết chữ “Triện” để sử dụng làm họa tiết trang trí kiến trúc như các chữ: Phúc (福), Lộc (禄), Thọ (寿), Hi (喜)... trong các công trình cổ và chữ “Vạn” của Phật giáo (卐) trong chùa chiền v.v... cùng với hình ngọn lửa, hoa văn cánh sen uốn lượn... hình tượng đẹp mắt, tiết tấu nhịp nhàng³⁵.

3.2.4.2 Màu sắc

Màu sắc của chùa có màu tự nhiên của vật liệu xây dựng, màu nâu đỏ của mái ngói, màu nâu của kết cấu bộ vì, vách gỗ, màu xám nhạt của chân tảng, của bậc thềm đá... Màu vôi trắng của tường đầu hồi hoặc màu tự nhiên của các hàng gạch xây tường miết mạch không trát. Các họa tiết đôi lúc được trang trí bằng màu, màu

³⁵Vũ Tam Lang, *Kiến trúc cổ Việt Nam*, NXB xây dựng, trang 195.

xám nhạt của bờ nóc, bờ dải, bờ guột và đầu đao góc mái. Một số dạng màu thường được sử dụng trong các công trình để tạo nên sự tương phản về độ sáng.

Ngoài màu tự nhiên của vật liệu, một số công trình còn sử dụng màu vàng và đỏ của đồ gỗ sơn son thếp vàng. Các gam màu vàng đỏ có thể bắt gặp ở bất kỳ một công trình chùa nào trong các đồ thờ, tượng, hoành phi...Màu vàng là màu chủ đạo trong nhà chùa, trong quan niệm cổ phương đông là “*hành thổ*” là trung tâm, màu lí tưởng và cao quý. Màu vàng son với ánh sáng đèn, nến, hương khói mờ ảo tạo nên một không gian linh thiêng hơn, vừa thực lại vừa hư, thể hiện triết lý vô thường của nhà Phật.

Chùa truyền thống Việt Nam có một nét chung là ánh sáng trong chùa rất ít, chủ yếu là sử dụng ánh sáng khúc xạ và phản quang thông qua các bộ phận như cửa sổ, cổ diêm hoặc thiên tinh (giếng trời) và ánh sáng nhân tạo là đèn, nến... Điều này là kết quả của việc quan niệm nơi thờ Phật thì phải linh thiêng, huyền bí, trang nghiêm, kiến trúc như vậy phải u trầm tĩnh mịch tạo một tâm lý tôn kính cho con người bước chân vào nơi cửa Phật³⁶.

3.3 Kiến trúc tháp cổ Việt Nam

Việt Nam từ xưa đến nay, hình ảnh ngôi tháp Phật vẫn là hình ảnh biểu trưng cho tinh thần văn hóa Phật giáo. Mái chùa, bảo điện, hình tượng, quy mô... của một ngôi chùa có thể đổi thay theo hoàn cảnh văn hóa và nhu cầu thời đại, nhưng tháp chùa vẫn là một biểu tượng thiêng liêng nhất cho lịch sử và sức sống của một ngôi chùa.

Tháp được xây dựng nhằm ghi lại dấu tích của nhà Phật, bắt nguồn và biến thể từ kiến trúc tháp của Ấn Độ. Tháp thời tiền sử là những nắm mồ của các tù trưởng và vua chúa đắp hình vòm cầu, rồi phát triển thành những đài kỉ niệm và được Phật giáo sử dụng thành vật tiêu biểu chính và làm công trình trung tâm của khu chùa. Từ những tòa phù đồ nguyên thủy của Ấn Độ, sang Á Đông biến thể thành những tòa Bảo tháp (Pagoda), chúng được dựng lên để lam kỷ niệm và tàng

³⁶<http://z6.invisionfree.com/nhanhlantim/ar/t67.htm>

trữ xá lợi (hài cốt đã hỏa thiêu) hoặc những di vật như hình bát, tịch tượng, áo mũ hoặc kinh sách, chú hay hình tượng Phật, bồ tát v.v... được coi là những vật thờ tôn kính của nhà Phật. Đa số tháp được xây dựng ở một vị trí riêng biệt để tiện cho việc hành lễ, chạy đàn (vừa tụng niệm vừa đi) vòng quanh tháp. Các tháp ở Việt Nam phần nào cũng có hình thức tương tự các tháp ở Trung Quốc và Nhật Bản, song vẫn có những nét đặc trưng riêng biệt cùng với kiến trúc chùa Việt Nam.

3.3.1 Đặc điểm kiến trúc

Tháp thường vươn theo chiều cao mà không phát triển theo chiều ngang, rộng nơi chân bệ và thân tháp. Thân tháp thường có đáy hình vuông hoặc lục lăng hay bát giác, chiều đứng chia ra làm nhiều tầng theo số lẻ, có những vành mái ngắn nhô ra để nhấn rõ từng tầng của chiều cao.

Kiến trúc tháp ở Việt Nam đa số sử dụng kết cấu gỗ, kết hợp các vật liệu địa phương khác tự khai thác như: đá vôi, đá ong, gạch nung, đá hộc v.v... Hình thức kết cấu gỗ với phương thức cổ truyền: chồng rường, giá chiêm hoặc cải biên tùy theo quy mô của công trình cụ thể. Cũng do phương thức sử dụng vật liệu và hình thức kết cấu nói trên nên đa số các công trình chùa, tháp cổ qua chiến tranh và thiên nhiên tàn phá hoặc hủy hoại, ngày nay còn lại rất ít các dạng nguyên sơ mà toàn bộ phần lớn đã qua trùng tu, sửa chữa nhiều lần để còn tồn tại đến ngày nay³⁷.

3.3.2 Trang trí, điêu khắc

Trang trí và điêu khắc trong các kiến trúc chùa tháp của Phật giáo là nơi tập trung tinh hoa nghệ thuật đương thời. những di vật còn lại ngày nay cho chúng ta thưởng thức những đường nét tạo hình khéo léo, nhiều sáng tạo của ông cha chúng ta. Nhiều tượng Phật nổi tiếng như: A Di Đà, Phật Di Lặc, Phật bà Quan Âm nghìn mắt nghìn tay, các vị La Hán v.v... ngoài ra còn có các tượng thú vật: trâu, ngựa, voi, khỉ, nửa người nửa chim... Trong các chùa còn có cả tượng tạc các người đương thời, tượng các vị sư có công xây dựng chùa.

³⁷Vũ Tam Lang, *Kiến trúc cổ Việt Nam*, NXB xây dựng, trang 57.

Các thành phần trang trí như các bức phù điêu bằng đá ở hàng lan can, các chạm khắc trên gỗ trong các chi tiết hoặc các bộ phận cấu tạo công trình: bầy, dầm, xà, cột...hoặc trên đất nung ở các tháp v.v... Đa số là những “Tứ linh” hoặc rồng, mây, hoa lá hay sông nước, hoa văn hình học v.v...được kết hợp theo nguyên tắc kết nối vô tận, tạo cho người nhìn có cảm giác về một thế giới không cùng, cái vô hạn trong cái hữu hạn, rất phong phú và phù hợp với tinh thần giáo lý nhà Phật, có nhiều bố cục đường nét đặc sắc mỹ quan biến hóa và hài hòa.

3.4 Những dấu ấn của kiến trúc cổ Trung Hoa trong xây dựng chùa cổ Việt Nam

Như chúng ta đã biết, Trung Quốc là một trong những nước có nền văn minh cổ xưa rực rỡ, có ảnh hưởng rộng lớn đến văn hóa của khu vực lân cận. Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng có lịch sử giao lưu văn hóa hàng trăm năm. Vì vậy nhân dân hai nước hiểu biết khá sâu sắc về nền văn hóa của nhau, đồng thời nền văn hóa của mỗi nước cũng trở nên phong phú và phát triển hơn nhờ quá trình tiếp biến những yếu tố văn hóa giao lưu. Một trong những biểu hiện rõ nét nhất của dấu ấn tiếp diễn văn hóa là kiến trúc và đặc biệt hơn là kiến trúc Phật giáo. Các công trình kiến trúc Phật giáo ở nước ta thời phong kiến đã kết hợp một cách hết sức khéo léo giữa nghệ thuật kiến trúc bản địa và nghệ thuật kiến trúc của Trung Quốc tạo nên sự phong phú và đa dạng trong nghệ thuật kiến trúc Phật giáo Việt Nam.

Rất dễ nhận thấy kiến trúc chùa cổ mang phong cách Trung Hoa của cộng đồng người Hoa ở Việt Nam có những điểm nổi bật và khác biệt so với chùa Việt như: kiến trúc chùa Hoa thường dùng nhiều màu đỏ hay màu hồng trong mọi hình thể trang trí; đây là màu của sức sống vươn lên, niềm tin, may mắn. Bố cục của quần thể chùa thường theo dạng chữ “ Tam” hay “Nội công ngoại quốc”. Mái và cổng Tam quan của chùa Hoa có dạng cao vút lên, nét cong ở các đầu đao. Mái cổng dựng hai lớp trở lên, một dạng “trùng thiềm điệp ốc” để mở rộng diện tích. Cũng là mái cong nhưng những viên ngói trong kiến trúc Phật giáo của người Hoa thường hình trụ và màu sẫm, còn người Việt thì sử dụng mái ngói phẳng hình

vẩy cá màu đỏ. Cách bài trí bên trong cũng không hề giống với các ngôi chùa của người Việt xây dựng: trần cao hơn, cột trụ to hơn và sàn và tường được lát bằng đá. Những mẫu hình trang trí của chùa Hoa khá phức tạp: hình rồng, phượng, lưỡng long triều nguyệt, tứ linh, tứ vật là mô hình phổ biến nhất. Hai bên sân chùa có xây la thành, điểm thêm cặp lân trong tư thế chầu chực. Tháp chùa người Hoa chia làm 2 loại: một là để đựng di cốt của các sư sãi viên tịch, có nhiều công đức trong chùa; hai là thờ Phật, thờ phượng. Cách thiết trí thờ phượng trong chùa người Hoa ở Việt Nam cũng có những điểm khác biệt với chùa người Việt.

3.4.1 Đặc điểm kiến trúc của các chùa Phật mang những dấu ấn của kiến trúc cổ Trung Hoa ở Việt Nam

Trong phạm vi nghiên cứu trên địa phận Thành phố Biên Hòa – tỉnh Đồng Nai, tác giả xin được giới thiệu đôi nét về những dấu ấn văn hóa nghệ thuật kiến trúc cổ Trung Hoa trong xây dựng chùa cổ Việt Nam ở vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai, một trong những vùng đất cổ còn bảo tồn nhiều đình, chùa, miếu của các hệ tộc người được xây dựng từ lâu đời trên lãnh thổ Việt Nam.

Vào thế kỷ thứ XVII, đất Biên Hòa – Đồng Nai còn hoang vu. Sử sách đề cập đến nơi đây cảnh núi bạt ngàn, sông rạch chằng chịt, muôn ngàn thú hoang. Ven sông Đồng Nai (tên gọi xưa là Phước Long giang) có những tộc người Chơ ro, Mạ, Xtiêng sinh sống. Vùng đất rộng, người thưa này trở thành mục tiêu cho những cuộc di dân từ nhiều nơi. Người Việt ở miền Ngũ Quảng và một số người Hoa đã tìm đến nơi này khẩn hoang sinh sống. Hành trang đến với vùng đất phương nam của nhóm lưu dân người Hoa ngoài sự cần cù, khéo léo trong buôn bán để mưu cầu cuộc sống ấm no, họ còn mang trong tâm thức mình hình ảnh của tổ tiên, thần thánh, tập tục, tín ngưỡng. Do vậy khi đã ổn định và thành công trong cuộc sống, người Hoa xây dựng nhiều ngôi chùa, đền miếu để tỏ lòng thành, ghi nhớ công lao đối với tổ tiên, phúc thần. Họ quan niệm rằng chính tổ tiên, thần thánh đã giúp đỡ, che chở cho cộng đồng người Hoa trong suốt chặng hành trình đầy nguy hiểm và con đường lập nghiệp nơi vùng đất mới.

Chùa Ông ở Cù lao Phố là một kiến trúc điển hình, là cơ sở văn hóa tín ngưỡng được xây dựng sớm và có quy mô lớn của người Hoa. Theo một sổ sử sách (*Đại Nam nhất thống chí, Gia Định thành thông chí*), đây là một miếu điện nguy nga ở phía nam châu Đại Phố huyện Phước Chánh (tức Biên Hòa ngày nay), trông ra sông Phước Long (sông Đồng Nai), đền đài rộng rãi, tráng lệ với hai Hội quán Phước Châu và Quảng Đông. Di tích được xây dựng vào năm 1884 do bảy phủ người Hoa đóng góp công, của (Phước Châu, Chương Châu, Truyền Châu, Quảng Châu, Triều Châu, Quỳnh Châu và Ninh Ba). Vì vậy, chùa Ông còn có tên gọi là “*Thất phủ cổ miếu*”. Kiến trúc chùa được xây theo lối chữ khẩu (口), bố trí kiểu “*nội công ngoại quốc*”. Trong chùa lưu giữ một tập hợp tượng thờ đông đảo về hệ thống thần linh chính yếu của cộng đồng người Hoa: tín ngưỡng thờ Quan công, thờ Thiên hậu, Mẹ sanh Mẹ độ, Phúc thần, Tài thần... Di tích là một công trình kiến trúc độc đáo, dù đã qua bao đợt trùng tu. Hiện nay, mặt tiền chùa được trang trí đặc sắc bởi những quần thể tượng gốm, đá liên hoàn sắc sảo, thể hiện những lễ hội của người Hoa: hát tuồng, hát bội, múa hát cung đình, đả cầu... Mái hiên di tích dựng hai tượng gốm ông Nhứt, bà Nguyệt tạo nên nghi dung đặc trưng của một ngôi chùa Hoa, bên cạnh những thành tố nghệ thuật điêu khắc gỗ, đá... thể hiện qua các hoành phi, liễn đối cùng góp phần tạo nên giá trị nghệ thuật của di tích. Màu sắc được sử dụng cho toàn bộ ngôi chùa là màu hồng; màu của sức sống vươn lên và niềm tin trong quan niệm của người Hoa. Vượt lên trên cái hiện tồn của kiến trúc di tích, chùa Ông hay Thất phủ cổ miếu là cái tâm, cái lòng thành của cộng đồng người Hoa muốn hướng đến: đó là lòng chung thủy, danh dự, sự công minh chánh trực, lòng độ lượng bao dung, nghĩa khí... mà chính họ chọn Quan công là vị đại diện thần linh để tôn thờ.



Hình 3.1 Chùa Ông (Thất phủ cổ miếu)

Bên cạnh tín ngưỡng thờ Ông, cộng đồng người Hoa còn tín ngưỡng thờ Bà, nhân vật được tôn thờ là bà Thiên hậu. Hầu hết các di tích tín ngưỡng của người Hoa ở Đồng Nai đều có miếu thờ Bà bên cạnh. Nguyên thủy, bà Thiên Hậu là một nhân vật tài năng nhưng chết trẻ và thường hiển linh cứu độ người dân đi biển khi gặp dông bão, tai ương. Có lẽ, cảm nhận được sự linh ứng, và cũng có thể quan niệm chính Bà đã độ trì giúp cho họ trong chuyến vượt biển tìm đến nước Nam mà cộng đồng người Hoa ở vùng đất Đồng Nai đã không quên lập miếu thờ Bà ở Đồng Nai. Miếu hoặc chùa thờ Bà Thiên hậu khá phổ biến, nhưng có lẽ di tích tiêu biểu và quy mô thì phải kể đến Thiên hậu cổ miếu (còn có tên gọi chùa Bà) tọa lạc tại đường Huỳnh Văn Nghệ, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa. Nơi đây vốn là một ngôi miếu nhỏ của những người Hoa bang Hẹ làm nghề đá tạo dựng để thờ tổ sư Ngũ Đẳng. Sự linh ứng của Bà Thiên hậu thu hút nhiều người tôn thờ nên người Hẹ đã rước Bà vào phối tự tại di tích. Đây là một công trình kiến trúc khá độc đáo

được phối hợp bởi nhiều thành tố xây dựng nhưng chủ yếu vẫn là kiến trúc đá, nóc mái được trang trí bởi nhiều tượng gốm tráng men xanh với những đề tài phong phú, mô típ lưỡng long tranh châu, vật trang trí hình đuôi cá vênh lên trời, hai bên mái có tượng ông Nhứt, bà Nguyệt. Màu chủ đạo được sử dụng cho toàn thể kiến trúc chùa là màu đỏ, trong chùa được trang trí những bức hoành phi, đối liễn sơn son thếp vàng, cửa chùa có đặt cặp lân bằng đá trong tư thế chầu chực để canh giữ cửa chùa mang đậm dấu ấn đặc trưng của kiến trúc Trung Hoa...thể hiện lên sự tinh xảo và khéo léo của các nghệ nhân của người Hoa bang Hẹ.



Hình 3.2 Cổng chùa Bà (Thiên Hậu cổ miếu)



Hình 3.3 Các mô típ trang trí trên nóc mái chùa Bà (Thiên Hậu cổ miếu)

Di tích đình Tân Lâm là cơ sở tín ngưỡng của dân làng vùng đất Biên Hòa tôn thờ phúc thần Thành hoàng Trần Thượng Xuyên. Đình Tân Lâm tọa lạc trên đường Nguyễn Văn Trị, mặt tiền hướng Tây Nam, nhìn ra sông Đồng Nai. Xưa kia thuộc thôn Tân Lâm (Xóm Mới), huyện Phước Chánh, dinh Trấn Biên, nay là phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đình Tân Lâm tọa lạc nơi khuôn viên đất trên một nền cao bằng đá xanh, lát gạch bông, với lối kiến trúc mang đậm dấu ấn văn hóa Trung Quốc. Mặt đình được xây dựng theo lối kiến trúc chữ tam (三), lợp ngói âm dương, trên nóc chính điện có mô típ trang trí hình lưỡng long tranh châu, lý ngư hóa rồng. Trên hai đầu đao còn có tượng ông Nhật bà Nguyệt, tiên đồng, ngọc nữ...

Đình gồm ba gian: tiền đình, chính điện và hậu cung nối tiếp nhau. Hai bên tả hữu là miếu thờ Bà và thờ Ông

(+) Phần Tiền đình: trên nóc trang trí hàng trăm tượng người, vật bằng gốm sứ trắng men xanh màu lưu ly thể hiện các đề tài cổ điển phương Đông một cách sinh động như: Bát tiên quá hải, Quan Công phò nhị tẩu, thiếu nữ giao cầu, diễn võ đài, cảnh bá triều rước xách, tiễn đưa, diễn hí tấu nhạc, vinh quy bái tổ, xét xử tội

nhân nơi địa ngục, hội triều nơi thiên đình, trên các xà ngang được trạm trổ các đề tài dơi, đào, hoa, lá biểu trưng cho phước thọ, trường tồn.

(+) Phần Chánh điện: tượng Trần Thượng Xuyên uy nghiêm ngự trên ngai sơn son thếp vàng được đặt trang trọng giữa chính điện. Nơi đây có những hàng cột gỗ lim to, những cặp chim trĩ, loan, phượng... bằng đồng thau đứng chầu, cùng bộ bát bửu cũng bằng đồng thau đặt thẳng hai bên hàng trước bàn thờ thần làm tăng thêm sự trang nghiêm. Ngoài ra, đình còn có tổ hợp thờ thần rất phong phú như: thờ bà Thiên Hậu, thờ Quan Công, Tả Ban, Hữu Ban, Tiền Hiền, Hậu Hiền, Bạch Mã Thái Giám v.v...

(+) Hậu cung: có bốn hàng tám cột, khung và vì kèo bằng gỗ không trang trí, hai mái lợp ngói âm dương, trên bờ nóc có gắn tượng rồng chầu pháp lam, hai bên có đôi cá chép và lân bằng gốm men xanh, nền lát gạch hoa. Chính giữa thờ Tiên sư, hai bên thờ Tiên thứ Việt Nam và Tiên thứ Trung Quốc. Ngoài ra, ngay sau Hậu cung còn có khu nhà bếp.

Đình Tân Lâm với những mảng trang trí trên sự kết hợp hài hòa, nhuần nhuyễn giữa hai yếu tố kiến trúc nghệ thuật thời Nguyễn với yếu tố nghệ thuật đặc trưng vùng Hoa Nam (Trung Quốc), tạo nên dấu ấn đặc trưng của dân tộc người Hoa sinh sống tại vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai. Hằng năm, các ngày lễ vía ở đền thờ đã thu hút đông đảo người dân Biên Hòa đến dự với lễ thức trang nghiêm và hội hè náo nhiệt.



Hình 3.4 Cổng đình Tân Lâm



Hình 3.5 Trang trí trên nóc mái của đình Tân Lâm

Những dấu ấn của kiến trúc cổ Trung Hoa còn được lưu dấu trong kiến của các ngôi danh lam cổ tự trên vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai. Điển hình là ngôi chùa tọa lạc trên ngọn núi cùng tên, nằm trong khu Danh thắng Bửu Long, mang tên “Bửu phong cổ tự”. Hiện nay chùa thuộc địa phận phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa.

Cho đến ngày nay vẫn chưa tìm thấy tài liệu nào ghi lại chính xác năm chùa được xây dựng đầu tiên. Có tư liệu cho rằng, vào năm 1679 một nhóm dân binh Trung Quốc là thuộc hạ Tổng lãnh binh Trần Thượng Xuyên đến chùa ty nạn, đã xây cất ngôi chùa lại bằng gạch ngói và thỉnh đại sư hoàng long thượng hiệu thành trí đến trụ trì và tôn làm khai tổ.

Kiến trúc ngôi chùa được xây theo lối chữ tam (三) gồm: chính điện, giảng đường và nơi thờ tổ. Di tích cổ tự đã trải qua nhiều lần trùng tu, chánh điện chia làm ba gian thoáng rộng, trên hai hàng cột đắp rồng ẩn mây sơn son thếp vàng nhìn rất uy nghiêm. Gian chính giữa thờ tam thế Phật, tả hữu thờ Thập điện diêm vương, các pho tượng được tạc rất sống động. Ở giảng đường nơi thờ tổ có nhiều tấm liễn, hoành phi, bao lam được chạm khắc công phu với nhiều đề tài phong phú. Mặt tiền điện được trang trí họa tiết với những bức hình đắp bằng các mảnh sành sứ đa sắc, trên nóc mái được trang trí bởi mô típ hình lưỡng long tranh châu, trước cửa chùa được đặt hai tượng kỳ lân đá để canh giữ cửa chùa, hai bên lối vào chùa được trang trí bằng hai tượng rồng sơn vàng, phía bên trái của chùa là những tháp mộ được quét sơn trắng. Những bố cục, hình ảnh được trang trí trong chùa mang đậm phong cách kiến trúc cổ Trung Hoa, góp phần tạo nên tính đa dạng trong nghệ thuật kiến trúc chùa cổ Việt Nam.



Hình 3.6 Mặt trước của chùa Bửu Phong



Hình 3.7 Những ngôi mộ tháp tại chùa Bửu Phong

Ngôi danh lam cổ tự có niên đại hơn 200 năm mang tên “Đại Giác Cổ Tự”, tọa lạc tại ấp Nhị Hòa (Cù Lao phố), thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Là một trong những di tích chùa cổ được xây dựng theo lối kiến trúc mang đậm dấu ấn phong cách kiến trúc cổ Trung Quốc. Buổi đầu, chùa có kích thước nhỏ hẹp, được tạo dựng bằng cột gỗ, vách ván và lợp ngói âm dương. Đến nay, chùa Đại Giác đã trải qua nhiều lần trùng tu, kiến trúc thờ tự hiện tồn của chùa theo lối kiến trúc chữ

đỉnh (丁), kiến trúc mặt tiền theo kiểu lầu chuông, lầu trống. chính điện là căn nhà ba gian rộng lớn, dùng để thờ phật.



Hình 3.8 Chùa Đại Giác

Lối kiến trúc Phật giáo với những hàng cột chính trong chánh điện được chạm khắc tinh tế với đề tài hoa diêu, bát tiên, lý ngư hóa long, nhựt nguyệt, tứ linh sử dụng trang trí một cách tinh tế của phong cách kiến trúc Trung Quốc cũng được tìm thấy trong kiến trúc của ngôi danh lam cổ tự mang tên “Long Thiền”. Chùa Long Thiền nằm bên hữu ngạn sông Đồng Nai thuộc ấp Tân Bình, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa (trước kia thuộc thôn Bình Long, huyện Phước Long, dinh Trấn Biên). Chùa được xây theo lối kiến trúc hình chữ Tam (三), mặt chính chùa hướng ra sông theo hướng Đông Bắc. Khoảng sân rộng của chùa có nhiều cây cổ thụ tỏa bóng mát. Những nét chạm trổ công phu của tiền đình khi có ánh nắng của buổi áng xuyên qua tán lá trông lung linh, tuyệt đẹp. Từ ngoài nhìn vào, ta thấy sự uy nghi, bề thế của ngôi chùa. Chánh điện, nhà thờ Tổ, giảng đường, tăng đường, nhà trù tiếp

nổi nhau. Tuỳ theo chức năng của từng nơi trong chùa mà cách bài trí từng mảng hài hòa nhau. Phần chánh điện uy nghiêm tôn kính. Bệ thờ chính thờ Phật Di Đà, Thích Ca, Ngọc Hoàng, Tam Thế Phật, Đức Địa Tạng, Ông Tiêu... và các vị Bồ Tát. Đối xứng hai bên thờ Già Lam, Linh Sơn cùng Thập điện Diêm Vương. Đối diện bàn thờ chính là bàn thờ bằng xi măng hai mặt thờ Tiên Diêu Đại Sĩ, Tam châu Hộ pháp cùng đức Thiên Thủ, Thiên Nhãn. Trên khắp xà ngang treo hoành phi khắc chữ Hán sơn son thếp vàng sắc sảo với nội dung về chánh pháp, khuyên nhủ con người với lòng từ bi bác ái.



Hình 3.9 Chùa Long Thiên



Hình 3.10 Mộ tháp chùa Long Thiền

Dòng Phật giáo truyền từ phương Bắc theo bước chân của những nhóm người Hoa qua các thời kỳ vẫn để lại những nét tiêu biểu trong sự hợp dung kiến trúc, bài trí tại các di tích cổ ở Đồng Nai đầu đã qua bao lần trùng tu, trùng kiến. Nhóm cộng đồng người Hoa ở Đồng Nai hơn ba thế kỷ đã để lại dấu ấn của mình trên vùng đất này bằng chính con người của cộng đồng mình. Cộng đồng người Hoa đến với Đồng Nai buổi ban đầu đầy khó khăn gian khổ trong cả một chặng đường dài khai khẩn và họ đã nhanh chóng thích nghi với hoàn cảnh, môi trường để vươn lên, khẳng định vai trò của mình trong sự nghiệp phát triển của vùng đất này. Qua những dấu tích kiến trúc, văn hóa vật chất hiện tồn và cả những nét sinh hoạt văn hóa thông qua các tập tục, tín ngưỡng, ngành nghề, lễ hội... cộng đồng người Hoa đã tạo nên một sức sống mãnh liệt trong dòng chảy của lịch sử xứ Đồng Nai. Chính trong dòng chảy ấy, người Hoa đã hòa vào mạch của một nguồn nước khi chọn Việt Nam, chọn Đồng Nai làm đất sống. Từ thân phận của lưu dân kiêu ngạo trở thành công dân của quê hương mới, qua nhiều thế kỷ trộn hòa dòng

huyết quản Việt – Hoa, người Hoa đã dung hòa nền văn hóa mà họ mang theo vào văn hóa Việt.

3.4.2 Hiện trạng bảo tồn và phát triển

Chùa Ông (Thất phủ cổ miếu), chùa Bà (Thiên Hậu cổ miếu), chùa Đại Giác, đình Tân Lâm, chùa Long Thiền, chùa Bửu Phong thuộc địa bàn thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã được Bộ văn hóa - thể thao - du lịch xếp vào hạng di tích lịch sử kiến trúc cấp quốc gia. Mang trong mình những giá trị to lớn về mặt văn hóa và lịch sử của mảnh đất Biên Hòa - Đồng Nai.

Trong thời gian qua, nhiều di tích lịch sử kiến trúc đã được Bộ văn hóa – thể dục – du lịch, chính quyền địa phương quan tâm, nhiều sáng tạo trong công việc phát huy nguồn lực xã hội để đầu tư, trùng tu và tôn tạo trong công việc phát huy giá trị các di tích trên địa bàn nên đạt hiệu quả cao. Trong công tác trùng tu, tôn tạo di tích ở Đồng Nai đã có nhiều điển hình về công tác xã hội hóa, như di tích chùa Đại Giác (xã Hiệp Hòa, TP. Biên Hòa) và chùa Ông (xã Hiệp Hòa, TP. Biên Hòa) là những ví dụ cụ thể. Năm 2005 - 2007, di tích chùa Ông được trùng tu, tôn tạo với tổng kinh phí gần 5 tỷ đồng do nhân dân đóng góp. Năm 2006, chùa Đại Giác đã góp 10 triệu đồng cùng với nguồn kinh phí của tỉnh tiến hành bảo quản, gia cố hai hiện vật cổ là pho tượng A Di Đà và bức hoành phi "Đại Giác tự" của vua Gia Long và công chúa Nguyễn Thị Ngọc Anh - con vua Gia Long phụng cúng cách nay trên 200 năm. Ngoài ra, được sự giúp đỡ của Ban quản lý di tích - danh thắng, chùa Đại Giác đã lập dự án trùng tu, sửa chữa, nâng cấp cổng Tam quan và hàng rào bảo vệ với tổng kinh phí gần 500 triệu đồng từ nguồn xã hội hóa. Trường công nhân kỹ thuật Đồng Nai, nơi có di tích Nhà Xanh, cũng đóng góp 10 triệu đồng trong dự án sửa chữa di tích này³⁸.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành quả đạt được việc bảo tồn và phát huy các di tích lịch sử trên địa bàn Biên Hòa - Đồng Nai còn gặp phải những khó khăn. Đặc biệt là mức độ xâm hại, lấn chiếm di tích ngày một tăng; nhu cầu phát triển, tham

³⁸ Trích bài viết "Đồng Nai từng bước xã hội hóa công tác trùng tu, tôn tạo di tích – danh thắng" trên trang thông tin điện tử Bộ văn hóa – thể thao – du lịch, ngày 11/10/2012.

quan, khám phá của du khách ngày một lớn nhưng công tác trùng tu, tôn tạo và các nhiệm vụ liên quan khác chưa đáp ứng được nhu cầu đặt ra; thiên tai, lũ lụt ngày một nhiều, ảnh hưởng lớn đến độ bền, tuổi thọ của di tích... Tất cả những khó khăn, vướng mắc đó đã làm cho nhiệm vụ giữ gìn và phát huy giá trị di tích hiện nay chưa theo kịp với nhịp điệu phát triển .

Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác bảo tồn và phát huy các di tích lịch sử- văn hóa trên địa bàn Tp Biên Hòa – tỉnh Đồng Nai:

1. Các cơ quan, đơn vị liên quan cần tăng cường công tác quản lý nhà nước về di tích; tăng cường giới thiệu, quảng bá, phối hợp xây dựng sản phẩm du lịch để hoạt động giữ gìn, phát huy giá trị di tích có hiệu quả cao.
2. Có các chính sách, quy định pháp luật phù hợp để tạo điều kiện phát huy giá trị di tích, phát triển du lịch, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; đưa ra các hình thức xử phạt mạnh đối với các hành vi xâm lấn trái phép, gây hư hại đến các di tích.
3. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ và nâng cao đời sống cho cán bộ làm công tác quản lý di tích và cán bộ trùng tu tôn tạo di tích.
4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho toàn dân về giá trị và tầm quan trọng của các di tích lịch sử - văn hóa thông qua giáo dục trong nhà trường và các phương tiện truyền thông đại chúng.
5. Kêu gọi các cơ quan chức năng, đoàn thể và nhân dân chung tay góp sức về mặt kinh phí trong việc trùng tu, tôn tạo các công trình di tích kiến trúc cổ đã bị hư hại và xuống cấp.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Dựa trên cơ sở phân tích, đánh giá, tổng hợp những tư liệu về đặc trưng kiến trúc cổ Trung Hoa ở chương 2, trong nội dung ở chương 3 tác giả đã giới thiệu về Phật giáo Việt Nam và những đặc trưng nổi bật trong kiến trúc chùa tháp ở Việt Nam với sự phân loại theo cấu trúc chùa, bố cục bày trí trong chùa, những đặc trưng kiến trúc về vị trí thế đất, bố cục khuôn viên và không gian, kết cấu Phật điện, vật liệu và kỹ thuật xây dựng, nghệ thuật trang trí điêu khắc, đặc điểm kiến trúc tháp cổ...đó là bản sắc riêng của nghệ thuật kiến trúc Việt Nam và cũng là tinh hoa văn hóa của dân tộc. Từ đó so sánh, đối chiếu về những đặc điểm đặc trưng trong hai nền nghệ thuật kiến trúc Phật giáo của Việt Nam và Trung Hoa. Làm rõ yếu tố giao thoa văn hóa giữa hai nước qua những đặc trưng của nền kiến trúc Trung Hoa cổ đại còn lưu dấu trong lối kiến trúc xây dựng của các quần thể chùa cổ ở Việt Nam, cụ thể là ở Biên Hòa – Đồng Nai. Hiện trạng bảo tồn và phát triển của các di tích lịch sử ấy. Với mong muốn rằng có thể cung cấp thêm một nguồn tư liệu, giúp đọc giả nhận thức được giá trị và tầm quan trọng trong công tác bảo vệ, duy trì những di tích lịch sử văn hóa của dân tộc. Từ đó cùng nhau chung tay góp sức bảo vệ tinh hoa văn hóa của dân tộc cũng như của thế giới.

C/. KẾT LUẬN

Đất nước Việt Nam đã trải qua những thăng trầm của lịch sử, hiện nay còn lưu lại rất nhiều những di tích thuộc về kiến trúc cổ xưa, mỗi khi nhắc đến con dân đất Việt đều biết, đều hiểu. Đó là cái còn lại của tinh hoa văn hóa dân tộc Việt.

Do quá trình phát triển của lịch sử, Việt Nam đã du nhập hầu hết phong cách kiến trúc cổ kim của thế giới, điển hình là kiến trúc Trung Hoa. Những quần thể kiến trúc cổ vẫn tồn tại thách thức thời gian, có giá trị liên thành. Các công trình có ý nghĩa lịch sử thời đại luôn cần được bảo vệ, tôn tạo làm cho chúng còn mãi cho thế hệ hôm nay và mai sau. Nhưng trong sự nghiệp đổi mới của đất nước ta hiện nay, xu thế hiện đại hóa đất nước đã khiến cho thế hệ trẻ sau này bị cuốn dần theo những lối kiến trúc hiện đại với những tòa cao ốc chọc trời mà vô tình đã lãng quên mất đi những di tích kiến trúc cổ được xem là nền tảng, là tinh hoa văn hóa của dân tộc Việt Nam.

Không cần bàn cãi cũng dễ dàng nhận ra những di sản văn hóa đã nuôi dưỡng đời sống tinh thần của mỗi dân tộc như thế nào. Nhưng có một thực tế cần được nhìn nhận là những di lịch sử, văn hóa của dân tộc ta còn lưu truyền rất ít, không tương xứng với chiều dài lịch sử ngàn năm văn hiến. Có nhiều lý do dẫn đến mất mát như: vì đặc thù của khí hậu nhiệt đới, chiến tranh liên miên, sự cướp bóc của bọn xâm lược và chưa nhận thức được tầm quan trọng của các di sản văn hóa dân tộc ở các lớp con cháu kế thừa.. Vì vậy việc bảo vệ di sản văn hóa của dân tộc là việc hết sức cần thiết và vô cùng cấp bách đối với các cấp chính quyền và nhân dân trong cả nước.

Trong nhiều năm qua Đảng, nhà nước và nhân dân hết sức quan tâm đến vấn đề bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc. Tạo điều kiện để làm sống dậy mọi tiềm năng văn hóa như là một nguồn lực nội sinh mạnh mẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội. Dù vậy, việc bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa dân tộc vẫn chưa đạt yêu cầu, do nhiều cơ quan có trách nhiệm vẫn chưa nhận thức được hết tầm quan trọng của công tác bảo vệ này. Nhiều nơi đã phá hủy những di

tích lịch sử cổ xưa như các đình, chùa, miếu để lấy mặt bằng sử dụng vào những chuyện khác (chủ yếu để kinh doanh, thậm chí nhiều hộ dân sống gần đó lấn chiếm), nhiều cổ vật quan trọng bị lết lút lấy cắp bán cho người nước ngoài. Ấy là chưa nói đến biết bao công trình kiến trúc cổ bị thời gian bào mòn, di sản văn hóa dân tộc còn lại vốn ít ỏi nay càng ít ỏi hơn.

Qua thời gian tìm hiểu và nghiên cứu đề tài “Những dấu ấn của kiến trúc cổ Trung Hoa trong xây dựng chùa cổ Việt Nam”, người viết đã tổng hợp, phân tích, đánh giá các tư liệu về đặc trưng kiến trúc Phật giáo của cả hai nước Việt Nam và Trung Quốc. Với mong muốn cung cấp thêm một phần tài liệu về các đặc trưng kiến trúc của hai nước Việt Nam và Trung Quốc, làm rõ hơn những yếu tố giao thoa văn hóa trong nghệ thuật kiến trúc Phật giáo của cả hai nước, góp phần làm phong phú thêm nghệ thuật kiến trúc của Việt Nam. Đồng thời cũng mong muốn thế hệ trẻ sau này có thể hiểu rõ hơn, nhận thức một cách sâu sắc hơn về giá trị và tầm quan trọng của công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa của dân tộc, chung tay góp sức cùng xã hội bảo vệ tinh hoa văn hóa của dân tộc.

Do thời gian, trình độ và năng lực có hạn, nên trong quá trình viết bài và trình bày bài viết sẽ không tránh khỏi những sai sót nhất định. Vì vậy người viết rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của quý thầy cô và các bạn sinh viên để đề tài này được hoàn thiện hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Kính chúc sức khỏe.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

❖ Tài liệu tiếng Việt

1. Nguyễn Duy Hình, *Tháp cổ Việt Nam*, NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội.
2. Vũ Ngọc Khánh, *Chùa cổ Việt Nam*, NXB Thanh Niên.
3. Nguyễn Thị Ngọc Lan – Nguyễn Thế Cường, *Kiến trúc cổ Trung Quốc*, NXB Tổng Hợp, Tp.HCM.
4. Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo Sử Luận*, NXB Văn Học 1979, tập III.
5. Vũ Tam Lang, *Kiến trúc cổ Việt Nam*, NXB Xây Dựng.
6. GS Ngô Huy Quỳnh, *Tìm hiểu lịch sử kiến trúc Việt Nam*, NXB Xây Dựng
7. Lê Mạnh Thát, *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, NXB Thuận hóa 1999, tập I.
8. TS Phạm Thái Việt – TS Đào Ngọc Tuấn, *Đại cương Văn Hóa Việt Nam*, NXB Thông Tin.
9. Chu Quang Trứ, *Kiến trúc Chùa với Bia đá và Chuông đồng*, NXB Lao Động.
10. Chu Quang Trứ, *Mỹ thuật Lý Trần - Mỹ thuật Phật giáo*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

❖ Tài liệu tiếng Trung

中或文化与文明丛书《中国古代建筑》，乔匀、刘叙杰、博熹年、郭黛姮、潘谷西、孙大章著，新世界出版社（中文版）2002.

❖ Tài liệu điện tử

1. <http://www.xoyin.com/home/newsinfo/2575.htm>
2. <http://baike.baidu.com/view/1354471.htm>
3. <http://www.vietgle.vn/diendan/showthread.php/9760-THAP-DAI-DANH-TU>
4. <http://zh.wikipedia.org/zh/%E5%BA%91%E6%AE%BF%E9%A1%B6>
5. <http://baike.baidu.com/view/118996.htm>
6. <http://zh.wikipedia.org/zh/%E6%82%AC%E5%B1%B1%E9%A1%B6>
7. http://www.mofa.gov.vn/vi/login_form?came_from=http%3A//www.mofa.gov.vn/vi/nr040807104143/nr040807105039/ns050803093042&retry=&disable_cookie_login=1
8. http://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BB%95ng_tam_quan

PHẦN TIẾNG TRUNG

第一章

中华古代佛教寺寺

1.1. 佛教寺寺的形成历史

1.1.1. 佛教寺寺简介

佛教是中国历史上传播最广、影响最大、历时最久的一种宗教。佛教的发源地在今尼泊尔境内，创立者为释迦牟尼。公元前 2 年，佛教从印度通过西域传入中国内地。魏晋南北朝时期，佛教兴盛，北方一些少数民族政权的皇帝，不仅本人崇佛，还致力找人翻译佛经。隋唐时期，佛教更为流行，寺塔遍地，僧尼成群，是佛教的鼎盛时期。

小乘佛教是佛教的一个派别，从东南亚的缅甸等国传入云南的西双版纳地区，成为傣族全民信仰的宗教。

“大乘”是梵文的意译，意思是能用大车、大船运载无量众生，宣传大慈大悲，普渡众生，把成佛渡世，建立佛国净土作为最高目标。

1.1.2. 佛教寺庙的形成历史

中国是一个伟大的文明古国，它历史悠久，名族众多，至今仍保留着丰富的古建筑遗迹。寺庙是中国的艺术瑰宝库，它是中国悠久历史文化的象征。从广义上来说，寺庙不仅仅与佛教一家有关。但在佛教中，寺庙就有许多种称谓：如“寺”，最初并不是指佛教寺庙，从秦代以来通常将官舍称为寺。在汉代把接待从西方来的高僧居住的地方也称为寺，从此之后，“寺”便逐渐成为中国佛教建筑的专称。“寺”是佛教传到中国后，中国人为尊重佛教，对佛教建筑的新称呼。如白马寺、大昭寺等。

佛教传入中国后，“寺”随之而出现。公元第一世纪汉明帝时，西域高僧摄摩腾与竺法兰应请来到洛阳，最初是住在中国专门接待外国使节于贵宾的官署“鸿胪寺”

后来为供养这两位高僧安置佛像经典和长期居住，就另给建造了一所住处，同时用他们驮运经卷的白马为新居“寺”命名为“白马寺”。

这就是中国最早开始建立的第一座佛寺。从此原做为官署名称的“寺”也就成为中国佛教寺宇的专称，而在“寺”前加以寺名，一直沿袭到现在。

1. 1. 3. 佛教建筑的历史传承

1. 1. 3. 1. 初期阶段(两汉—东晋)

1. 1. 3. 2. 发展阶段(南北朝时期)

1. 1. 3. 3. 成熟阶段(唐宋时期)

1. 1. 3. 4. 定制阶段(明清时期)

1. 2. 中国著名的十大寺寺

1. 2. 1. 洛阳白马寺

白马寺在河南洛阳市东郊，称为“中国第一古刹”。始建于东汉永平十一年（公元 68 年）。白马寺内主要建筑有天王殿、大佛殿、大雄殿、接引殿、毗卢阁、齐云塔等

1. 2. 2. 杭州灵隐寺

灵隐寺又名云林寺，创建于东晋咸和元年（公元 326 年）。当时印度僧人慧理来到杭州，看到这里山峰奇秀，认为是“仙灵所隐”，所以就在这里建寺，取名“灵隐”。

1.2.3. 登封少林寺

少林寺位于河南省登封县城西北，始建于北魏太和十九年（公元 495 年），为中国佛教禅宗教祖庭

1.2.4. 苏州寒山寺

寒山寺始建于公元 502 年的梁天监年间。到了二百年后的唐代，相传唐时僧人寒山曾在该寺居住，故改名为“寒山寺”。寒山寺中的主要景点有大雄宝殿、藏经楼、钟楼、碑文《枫桥夜泊》、枫江第一楼

1.2.5. 正定隆兴寺

隆兴寺位于河北省正定县城，始建于隋开皇六年(586 年)，原名“龙藏寺”。宋初，本寺经过多次重修，最后改名为“隆兴寺”。为河北省现存最大古建筑群之一。

1.2.6. 泉州清净寺

清净寺位于福省泉州，始建于 1009 年（北宋大中祥符二年，回历 400 年），创建和重修者皆为阿拉伯伊斯兰教徒。清净寺建筑采用西亚形式，是中国现存最古老、具有阿拉伯伊斯兰建筑风格的清真寺，清净寺面积 2100 平方米，现在主要建筑在门楼，高 20 米、宽 45 米，辉绿石和白花岗石构筑，三层穹形尖顶拱门

1.2.7. 开封大相国寺

相国寺位于河南省开封市内，建于北齐天宝六年（公元 555 年），原名是“建国寺”。172 年唐代皇帝因表示感谢大相而下命令重修本寺，改名为“大相国寺”，寺内现存清代巨钟一口, 重大万余斤。

1.2.8. 北京卧佛寺(十方普觉寺)

卧佛寺即“十方普觉寺”。它位于西山北的寿牛山南麓、香山东侧，距市区 30 公里。始建于唐代贞观年间，主要建筑有大王殿，卧佛殿等。

元代在寺内铸造了一尊巨大的释迦牟尼涅槃铜像, 因此, 一般人都把这座寺院叫作“卧佛寺”

1. 2. 9. 西宁塔尔寺

塔尔寺又名塔儿寺。位于青海湟中县, 始建于明嘉靖三十九年(公元 1560 年)为中国喇嘛教六大寺院之一。塔尔寺整个寺院是由众多的殿宇、经堂、佛塔、僧舍组成的一个汉藏艺术相结合的辉煌壮丽建筑群, 占地面积约 600 余亩。

1. 2. 10. 日喀则扎什伦布寺

扎什伦布寺位于西藏日喀则城西, 始建于明正统十二年(公元 1447), 寺内保存古代文物甚多。

1. 3. 中国古代佛寺保存与发展的现状

当今, 中国处于重大的历史转变时期, 全球化的趋势和现代化进程的推进, 每带来传统观念的急剧变化, 现代化建设过程中文化遗产面临着空前的保护与发展的矛盾。在全社会共同努力下, 中国为保护文化遗产作了艰苦的工作, 推进了保护遗产的种种措施, 加强了立法与文博单位等等, 取得了显著成效。

由于旅游开发, 一些濒临损毁的文物保护单位得以维护, 一些破败的寺寺道观得以修葺、扩大甚至重建, 吸引大量游客, 获得大量保护经费, 社会功能得到了更好发挥。作为历史悠久的中华文明古国, 文物保护单位、寺寺道观等宗教场所是旅游业发展的重要资源。

现代社会的发展与古建筑保护的矛盾, 要从发展的角度来看待以及保护古代建筑。古建筑修缮应该坚持在文物保护原则的基础上, 更注重保护它的原真性, 利用寺寺道观搞旅游开发要有“度”。那就是在旅游开发中, 必须坚持保护第一。

1. 4. 带有中华古建筑风格的越南古寺群体（同奈省边和市）

1. 4. 1. 七府古庙

1. 4. 2. 新麟宇

1. 4. 3. 天后古庙

1. 4. 4. 宝峰寺

1. 4. 5. 大觉寺

1. 4. 6. 龙善寺

❖ 小结：

在第一章我们集中研究，综合一些中国佛教建筑的历史形成、中国著名的佛教寺宇、保存与发展的现状、越南的中国风格寺宇的资料。让读者深刻的了解我们研究的对象。

第二章

中华古佛寺的建筑特征

2.1 佛寺

2.1.1 佛寺建筑的构造

中国佛斯内的佛殿建筑，在立体的布局上，可明显的分为三个部分：（一）台基、（二）墙柱构架、（三）屋顶。

2.1.1.1 台基

台基是佛寺建筑当中的最根本处，如果没有台基的话，其它的一切也就无从谈起了。台基的种类有两种，一种是方形或长方形的土石平台，宽大而舒展，极为常见；另一种就是须弥座。“须弥”二字本是山名，作“修迷楼”。其实就是喜马拉雅的古代注音意译作妙高山。因佛教认为此山耸立于小世界中央之高山。因此出来作为佛的座位，古佛坐亦称“须弥座”。是在六朝时期，由于佛殿的输入而产生出的一种台基形式。

2.1.1.2 墙柱构架

墙柱构架是佛寺建筑的主体部分，由墙壁和木质的梁柱构架组合而成。

2.1.1.2.1 柱体

柱体是由木材或砖石组成的，用来支撑梁架和整个房顶的木柱。虽然也有使用方柱、八角柱、梅花柱，雕龙柱等，但都是个别的特例。为了使这一构件看起来更为刚柔有力，于是就产生乐棱柱的形式。即柱身逐渐往上收小，而柱头则为覆盆形，以便承力。

❖ 斗拱

在中国古代的建筑中，斗拱是中国木构架建筑中特有的结构构件。“斗拱”二字包涵全部支撑屋顶全部的外观，布局与静态。它最初是由柱头的结构演变而来的，以后逐渐演变成为既是结构构件，又极富装饰效果的构件。斗拱的结构，自汉代起就已臻成熟之境，一直被各系的建筑所采用，但以佛教运用的最为著名。。一件完整的斗拱主要由四部分构成：其形状方块者为“斗”；船形或肘形长木为“拱”。

❖ 梁架

是一座建筑的骨架。在大多数的情况下，梁架下面均无天花遮盖，以暴露在外施以彩绘者居多。有一种用断面狭长的木材，斫成“新月”形式，其梁肩呈弧形，梁底略上凸，被称为“月梁”。有一些月梁还被施以雕饰，就显得更加秀美奇巧了。

❖ 天花

就是在佛殿的顶棚处，清代称“天花”。先用木框做方格，然后在方格上放置木板（天花板）的一种装饰形制。在历史上，天花的方格愈早愈大，如辽宋时期的天花无论方格还是支条都很大，且不一定是正方形，常有长方形的。到了清代，整个顶棚都必须是用一色一式的正方形天花板，既朴素庄严，又显得辉煌而华丽。

❖ 格扇

又作“隔扇”，宋代称“格子门”，即现在通称作门者。在整体的格扇可分为三部分：在上部作窗棂的叫“榻心“或”花心”；下部用木板的部分叫“裙板”；在中部榻心与裙板间的部分被称为”绦环板”。

在佛寺建筑中，最常见的圆心图案有，双交四椀菱花、三交六椀菱花、及三交灯球六椀菱花三种。

❖ 栏杆

栏杆是中国建筑中的一部分，用以防止人物下坠的障碍物；其通常高度约为人身之半。在佛寺建筑当中，栏杆大多应用于主要殿堂的外围，如大雄宝殿等处的月台之上。若就其材质而言，主要有两种：

(+) 一种是砖栏杆，是用砖在平台的周缘垒砌而成。大多会留出一些空格或花纹，起到了矮墙的作用，更加能衬托出殿堂庄严朴实的气势；

(+) 另一种是石栏杆，可分为宋式重台钩栏、宋式单钩栏、和清式钩栏三种形制。一般来讲，宋式的栏杆比较古朴，给人以一种简练、明快的感觉。而清式的栏杆则日趋浮华，往往是装饰多于实用。

❖ 窗

古作“囟”，与牖稍有不同。一般来讲，在墙上而能开阖的是牖；不能开阖而在屋上的是窗，如天窗、烟窗之类。我们现在叫作窗的是古时的牖，而古时的窗，只相当于现在的天窗、横披之类。窗的种类很多，有槛窗、支摘窗、横披窗、阑槛钩窗、直棂窗等许多种类。而佛寺建筑中，大多采用菱花槛窗比较普遍。

2.1.1.3 屋顶

屋顶是极具佛教特色的部分。在外形上看，佛寺建筑的屋顶皆安装有佛教内涵的饰品，如莲花、宝珠、法轮、宝塔等，这些都是迥然殊异于他系建筑之处。正因为佛教建筑有了自己成熟的标识特征，才使得

屋顶部分显得格外的庄严美丽。中国古代建筑的屋顶形式丰富多彩，每一件屋顶形式都凝聚了深厚的宗教感情。

❖ 屋顶的分类

■ 庀殿顶

庀殿顶是“四出水”的五脊四坡式，由一条正脊和四条垂脊（一说戗脊）共五脊组成，因此又称五脊殿。由于屋顶有四面斜坡，故又称四阿顶。

庀殿顶又分为单檐和重檐两种，所谓重檐，就是在上述屋顶之下，四角各加一条短檐，形成第二檐。是中国、日本、韩国等中华文化圈国家古代建筑的一种屋顶样式。在中国是各屋顶样式中等级最高的，高于歇山式。

■ 歇山顶

歇山顶，即歇山式屋顶，宋朝称九脊殿、清朝改今称。为中国古建筑屋顶样式之一，在规格上仅次于庀殿顶。歇山顶共有九条屋脊，即一条正脊、四条垂脊和四条戗脊，因此又称九脊顶。其上半部分为悬山顶或硬山顶的样式，而下半部分则为庀殿顶的样式。歇山顶结合了直线和斜线，在视觉效果上给人以棱角分明、结构清晰的感觉。

■ 悬山顶

悬山顶，即悬山式屋顶，宋朝时称“不厦两头造”，清朝称“悬山”、“挑山”，又名“出山”，悬山顶是两坡出水的五脊二坡式，一般由一条正脊和四条垂脊构成，但也有无正脊的卷棚悬山式。和硬山顶不同，悬山顶建筑两侧的山墙凹进屋顶，屋顶的檩伸出墙外，加博风板

保护。悬山顶是两面坡屋顶的早期样式，但在唐朝以前并未用于重要建筑。

■ 硬山顶

硬山顶，即硬山式屋顶，是中国古代建筑的一种屋顶样式。在等级最低，低于庑殿顶、歇山顶、悬山顶。硬山顶是两坡出水的五脊二坡式，由一条正脊和四条垂脊组成。和悬山顶不同，硬山顶最大的特点就是其两侧山墙把檩头全部包封住，由于其屋檐不出山墙，故名硬山。

■ 卷棚顶

卷棚顶，即卷棚式屋顶，又称元宝顶，是中国古代建筑的一种屋顶样式。卷棚顶是两坡出水，其特征不在于前后两坡相接处没有明显外露的正脊，而是成弧线曲面。根据左右山墙的悬山式和硬山式不同，卷棚顶可分为悬山卷棚、硬山卷棚，另外，卷棚顶也可以是歇山式，因此可以看作是歇山、悬山、硬山的变形。

■ 攒尖顶

攒尖顶，即攒尖式屋顶，宋朝时称“撮尖”、“斗尖”，清朝时称“攒尖”。其特点是屋顶为锥形，没有正脊，顶部集中于一点，即宝顶，该项常用于亭、榭、阁和塔等建筑。攒尖顶的垂脊和斜面多向内凹或成平面，若上半部外凸下半部内凹，则为盔顶。攒尖顶有单檐、重檐之分，按形状可分为角式攒尖和圆形攒尖，其中角式攒尖顶有同其角数相同的垂脊，有四角、六角、八角等式样。圆形攒尖则没有垂脊，尖顶由竹节瓦逐渐收小。

❖ 盖屋顶的材料

不相西方的建筑，中国盖屋顶的时候包括屋顶的檩条与瓦。在檩条与瓦之间一般是一或多层粘土，或者是一些薄的木板。一些槽形的瓦

被放在从屋顶的顶部到屋顶的底部，行程排水沟。为了防止水通过两行瓦之间的间隙，中国人已使用阴阳来盖屋顶的形式。

2.1.2 中国佛寺建筑的布局

在中国佛教的早期，有些大臣已把自己的家成为供奉佛像的场所。前厅是供奉佛像，后厅是读经 的地方。因此早期佛寺已经有院落式的寺院。从东汉时期至魏时期，佛寺的布局可以分如下：一种是以塔为中心，另一种是院落式的佛寺。

在中国佛教寺庙的建筑中，殿堂是寺院建筑的主体。殿是供奉安置佛像以供礼拜祈祷的处所，堂是供僧众说法行道和日常起居的地方。中国佛寺的造法则，一般把主要建筑摆在南北中轴线上，附属设施安在东西两则。由此往北看，主要建筑主大到是：山门、大王殿、大雄宝殿、法堂、可能还有藏经楼。这些都是坐北朝南的正殿。东西配置则有伽蓝殿、祖师堂、观音堂、药师殿等。佛寺的主要生活区常集中在主轴线东侧，包括僧房(居室)、香积厨(厨房)、斋堂(饭堂)、职事堂(库房)、荣堂(接待室)等。

2.1.2.1 山门

佛寺的大门称为“山门”。由于“天下名山僧占多”，寺院多在山林之处，所以得名。山门一般有三个门，象征“三解脱门”即空门、无相门、无作门。中间一座常建成殿堂式。叫山门殿或三门殿。殿内塑两大金刚力士像，如同两个门卫护持寺院。

2.1.2.2 天王殿

进了山门往北，第一重殿是天王殿。在天王殿前两侧有钟楼和鼓楼。天王殿中间供坐北面南的大肚弥勒佛。东西两旁分塑四大天王像，弥勒佛背后神龛内供韦驮菩萨像。

2.1.2.3 大殿

天王再往北是“大雄宝殿”，俗称“大殿”，为佛寺的主殿、正殿。大雄宝殿里一般供奉释迦牟尼，而释迦牟尼的德号叫“大雄”，所以把大殿叫成为大雄宝殿。它在整座寺院中居于中心地位，是整寺院的象征。它的规模与寺院的规模有密切的关系。

2.1.2.4 法堂

大殿的后面为法堂，也叫讲堂，是演说佛法皈戒集会的地方，它是佛寺中仅次于大雄宝殿的主要建筑。法堂也供佛像，但主要设法座。法座亦称狮子座，堂中设高台，中置坐椅，供法师演说佛法之用。法座后挂象征释迦说法传道的图像。法座前置讲台，台上供小佛像。下设香案，供置香花，两侧列置听法席位。

2.1.2.5 藏经楼

又称“藏经阁”，是佛寺中珍藏佛像经籍之所。藏经楼位于寺院中轴线上最末端，体量高大。屋顶形式多为硬山式顶。

2.1.2.6 伽蓝殿

伽蓝是“僧伽蓝摩”的简称。是“僧园”之意。伽蓝是一群人去弘法，一般由私人以上。僧伽蓝摩是僧侣修行之之所，是释迦在舍卫国居住说法的场所。

2.1.3 中国佛寺建筑的装饰

2.1.3.1 装饰的题材

佛教的装饰题材非常丰富，每一题材都隐含着佛的事迹和教义。主要有以下几个方面：

2.1.3.1.1 单数的题材

包括：莲花、象、龙、麒麟、乌龟、凤凰、鱼、法轮等装饰形式。

2.1.3.1.2 复合的题材

(+) 两龙归日、两龙争珠、两龙归月等很常见于佛寺建筑屋顶的正脊。龙归菊花、龙归向日葵都是两龙归日的形式，带有祈雨的含义。圆形的火是雷，水源的象征，带来鲜美的庄稼等。菊花于向日葵是太阳的象征。

(+) 八宝：佛教的八宝包括吉祥结、金法轮、莲花、双鱼、宝盖、宝瓶、胜利幢、白海螺。这八种物品与佛陀的身相有关：宝盖代表佛的头部，双鱼表佛眼，莲花为佛舌，海螺为佛语，宝瓶为佛之颈部，胜利幢为佛身，金法轮为佛足，吉祥结为佛意。

(+) 四季：是指代表一年四季的四种植物，常见一群“梅兰菊竹”，“松菊竹梅”或“梅莲菊松”等形式。在四中植物中，梅花代表清高与君子的气节，竹子表示君子的正直、刚直，菊花表示始终，松代表君子昂扬的气魄。莲花是纯洁的象征。

2.1.3.2 色彩

佛经上认为世间所有的事业均包括在“息、增、怀、伏”四种范围以内。其表现方法是：“息”表示温和，以白色为代表；“增”表示发展，以黄色为代表；“怀”表示权利，以红色为代表；“伏”表示凶狠，以黑色为代表。佛教寺院的主供佛像殿堂则采用了比较亮美亮色，大量采用金色，黄色以及红色，是佛教建筑庄严与华美的象征。

2.1.3.3 装饰物品

(+) 鸱吻：鸱吻又称鸱尾，是中国古典建筑屋顶正脊两端的装饰物，以加强屋顶的高耸度。不同时代用不同的造型。汉代用凤凰，隋棠涌鸱吻，宋元用鱼尾，明清多龙形，都是口吻脊端尾向天。

(+) 日公月婆：是中国古建筑屋顶上东西两房的装饰物。表示阴阳融合。

(+) 灯笼：是包围灯烛的用具。它可保护灯烛不被风来吹熄，又可以防止蜂蜜、蝴蝶之类不被等烧伤。灯笼是中国人喜庆的象征。灯笼又叫灯楼、灯炉、灯吕等。随着灯笼的质料和式样演变，它的名称也翻新了。如：石灯笼、铁灯笼、铜灯龙、高灯笼、折灯笼、旋转灯笼（走马灯）、莲花灯笼、龙头灯笼、纸灯龙、玻璃灯笼种种名目。在佛教道场的佛殿、神房、讲堂、客厅、大廊等处，灯笼被普遍的使用着。有以花及各种形状之灯笼装饰于佛寺殿堂，称为花灯。

(+) 对联：对联是中国建筑独有的特色设置，遭中国的建筑中，尤其是中国古代建筑，无论是哪种类型，大都设有对联。对联的主要设置位置在各种外门。对对联的本身来说，它形式非常丰富。佛寺中的对联内容与佛寺气氛相应，或者与佛法等有关，多是体现宗教内容。各种形式的对联是建筑极好的装饰，特别是佛寺建筑。

(+) 幢：又叫宝幢、天幢、法幢。是一种圆桶状的，表达胜利和吉祥之意的旗帜，佛教用作庄严具。幢用绸布做成圆桶状，上面制绣花纹或经咒。亦有很多佛寺保存着古老的石经幢，雕刻精细，内容丰富，往往镌刻有佛像、菩萨像、天龙护法、佛经、咒语等。

(+) 幡：又称胜幡。为表佛世尊威德所作之庄严，它犹如大将的旌旗。幢下长帛下垂者曰幡，而以幢竿垂幢曰幢幡。幡有多种颜色和制法，以平绢制成的叫平幡，束丝制成的叫丝幡，以金属玉石联结制作的叫玉幡。幡上多书佛号或经偈，悬挂于佛像前。

(+) 盖：是佛像的一个大伞，又称宝盖或天盖，佛经称华盖。一般以木材、金属或丝织之材料制成。

(+) 欢门：是悬于佛像前的大幔帐，上面用彩丝绣成飞天、莲花、瑞兽、珍禽之类。飞天是西方极乐世界的神灵。欢门两侧垂幡，称为幡门。门前悬供佛琉璃灯一盏。

2.2 佛塔

古代印度的佛教建筑塔在东汉时期随佛教传入中国，之后迅速与中国本土的楼阁相结合，形成中国的楼阁式塔。后由于木结构易腐烂，易燃烧，又按照楼阁式塔的形式，演化出了密檐式塔。塔的梵文是“Stupa”，在漫长的历史中 中国人翻译“Stupa”成为“窣堵坡”、“浮图”、“塔婆”。随着佛教在中国的广泛传播，直到隋唐时，翻译家才创造出了“塔”字，作为统一的译名，沿用至今。在中国，建设佛塔是用来储藏舍利，又是供奉的对象。塔是古印度的 stupa 建筑与中国传统建筑结合起来的一种建筑。

2.2.1 中国佛塔建筑的结构

2.2.1.1 地宫

由于塔最早是用来埋葬佛舍利的，传入中国后就与中国的墓葬文化结合起来，产生了地宫这种独特的形式，也有个中国特色很浓的名字“龙宫”。地宫要在建塔基之前修建，多为方形，也有六角形、八角形及圆形等。里面安放盛有舍利的大石函或小型石塔，以及佛经、佛像、供品等陪葬品。

2.2.1.2 基座

基座覆盖在地宫只上，是塔身的基础，支撑全部上面的部分。早期他的基座比较底，但到唐代时期，高大的基座形式逐渐出现，如西安的大雁塔与小雁塔。从唐代以后，基座建加塔陞部分。陞有华美的装饰，是在中国塔的建筑中最突出的部分。

2.2.1.3 塔身

塔身位于基座之上，是塔的主体，形式多样，是区分塔式样的主要依据。楼阁式塔和亭阁式塔把佛像供奉在塔身各层之内；密檐式塔无论是新空心还是实心都不能进入，佛像都雕刻在塔身之外。在各式塔中，楼阁式塔和密檐式塔塔身上的装饰最为丰富。

2.2.1.4 塔刹

塔刹位于塔的最高处，是“观表全塔”和塔上最为显著的标记。塔刹的建筑也是一个很重要的部分，因为是全工程的头尖，是屋顶的檩条、正脊与垂脊的相交处，是个需要稳定的地方与防止水渗透如里面。因此人家集中努力造成一个精致，典雅和高贵的塔刹。

塔刹本身就是一座小塔包括基座、塔身与塔顶，中心建有一个柱子。有时在塔顶有一间小屋用来储藏佛的舍利，佛经或贵品。

塔刹的独特特征是在塔身的一些覆盆，塔越大覆盆就有越大。覆盆上面建有一个大伞，是装饰的一部分。打伞上面的塔顶包括一个缺月形和一颗宝石珠。有时候宝石住放置在上面或中间一个火形的装饰品。塔刹的柱子是联结塔顶各部分的部分，一般以木材或金属之材料制成的。

塔刹作为塔显著的标志，一般用金属或砖石制成，一般塔刹本身也如一座小覆钵塔，分为刹座、刹身、刹顶三部分构成。

2.2.2 中国佛塔的建筑形式

2.2.2.1 楼阁式塔

最早的楼阁式塔见于南北朝的云冈和敦煌石窟的雕刻中。隋唐以后，多用砖石为建塔材料，出现了以砖石仿木结构的楼阁式塔。

2.2.2.2 复钵式塔

称喇嘛塔或藏式塔，这是因为喇嘛教建塔常用这种形式。这种塔的塔身是一个半圆形的复钵，这当然是源于印度佛塔的形式。复钵上是巨大的塔刹，复钵上建一个高大的须弥座。这种塔在元代开始流行，

明清时期继续发展，这是和喇嘛教在当时盛行相联系的。元代设两层须弥座，明代袭之，但比例增高，清代多数只用一层须弥座。

2.2.2.3 密檐式塔

密檐式塔的第一层特高，以上各层骤变低矮，高度面阔亦渐缩小，且愈上收缩愈急，各层檐紧密相接，故名。整体轮廓呈炮弹形。现存最古的砖塔河南登封县的嵩岳寺塔即属于密檐式塔，修建于 523 年。此塔也是中国现存古塔实物中年代最早的。

2.2.1.4 金刚宝座塔

源于印度菩提伽耶的金刚宝座塔。塔的下部是一个巨大的金刚宝座，座的下部有门。宝座上建五个小塔，供奉着佛教密宗金刚界五部主佛舍利。这种塔在中国从明代以后陆续有修造，但是数量很少，全国现存十多处。著名的有北京真觉寺金刚宝座塔、内蒙呼和浩特慈灯寺金刚宝座舍利塔等等。

2.2.1.5 亭阁式塔

是印度的覆钵式塔与中国古代传统的亭阁建筑相结合的一种古塔形式，也具有悠久的历史。塔身的外表就像一座亭子，都是单层的，有的在顶上还加建一个小阁。在塔身的内部一般设立佛龛，安置佛像。由于这种塔结构简单、费用不大、易于修造，曾经被许多高僧们所采用作。

2.2.1.6 花塔

花塔有单层的，也有多层的。它的主要特征，是在塔身的上半部装饰繁复的花饰，看上去就好像一个巨大的花束，可能是从装饰亭阁式塔的顶部和楼阁式、密檐式塔的塔身发展而来的，用来表现佛教中的莲花藏世界。它的数量虽然不多，但造型却独具一格。

2.2.3 佛寺与佛塔的关系

佛寺是一座道场，以此作为对佛得崇拜。以及供养，学经典，举行法会，坐禅等等佛事活动的场所。

佛塔是佛寺里的一项建筑。二者有一种依赖关系。如果说这个地方没有佛寺，当然也不可能有佛塔。如果是由佛寺，但寺里没有塔，往往只能说是一座小寺。而佛塔应当建在什么地方，哪一个位置比较合适？首先要明确为什么要建塔。第一是为了礼佛；第二是以塔作为纪念性建筑。佛家以塔作为佛得象征，将塔堪称佛得化身，塔即是佛。除此之外，塔还起到一种标志作用。中国的佛塔都建在深山，人们从外部看不见，但是山寺之内有塔，人们从远处看见塔，从而形成一种标志作用。

佛塔于在寺院里的位置突显了佛塔的发展变化。如唐代以前以塔作为崇拜对象，所以把塔建在大雄宝殿之前端，并且建造塔院，以塔作为对象来供奉。到唐代以后将塔像分散布局，所以这是塔不作为主要崇拜对象，而是将塔退后，退到大殿之后。因此宋代与宋代以后建造寺院、建塔，则要将塔建在寺院大殿方向的东南角。佛与塔是同样的意义。

❖ 小结:

这一章是本论文最重要的部分，因为在这一章我们去仔细研究中国佛寺建筑的特征包括：佛塔与佛寺。佛寺的寺顶、寺身、基座、装饰与雕刻、佛像布置等建筑艺术。目的是让度的对中国佛寺建筑有了更深的了解。体会到中国古代佛寺建筑的清美。

第三章

中华古建筑对越南古寺建筑风格的影响

3.1 越南佛教

3.1.1 越南佛教的传入

越南佛教是从印度通过多向路线传入越南。越南北方的佛教是通过海上传入的，还有越南南方的佛教是通过公路传入的。越南佛教对于原始佛教与世界上各个地区的佛教有一些不相同。在越南佛教是一种有影响力最大的宗教。

3.1.2 越南佛教的特征

在越南建设与保护国家的过程中，佛教与越南民族紧密相联，因此浸润越南的爱国主义：

(+) 在越南建设与保护国家的历史中，佛教已经成为越南民族大团结的基础。

(+) 越南的佛教有了综合性。

(+) 越南的佛教有比较高的容许性。（许可本地的信仰于其他宗教和平在一起）

(+) 越南佛教是表达越南民族的人道主义与利他主义的手段。

3.2 越南古寺建筑

越南的佛寺建筑没有相印度、中国与泰国的宗教建筑那么宏伟庞大的。但是各个地方都有佛寺，全部都带有简明、流畅与安静。越南佛寺一般不是以项工程而是一个群体建筑，包括一些房屋彼此相邻的布置，或相互连接。随着房屋布局、结构的方式而分类佛寺的建筑。

3.2.1 佛寺结构的分类

3.2.1.1 “丁”字型佛寺

3.2.1.2 “工”字型佛寺

3.2.1.3 “三”字型佛寺

3.2.1.4 “内工外国”型佛寺

3.2.2 佛寺建筑布局

3.2.2.1 三观门

三关门主要是三个门口，中间的门口最大，是进入佛寺的第一门口。三观门的墙是使用木板或者石砖的材料组成的。一种邮件楼阁，另一种是四柱型。

3.2.2.2 佛寺庭院

进过了三观门就是庭院，在佛寺的庭院一般有布置一些花盆。目的是让佛寺的空间更加美丽。

3.2.2.3 拜堂

拜堂又称前堂。里面有摆着一些像，石碑写着佛寺的历史故事。拜堂中间是香案。

3.2.2.4 正殿

过拜堂就是正殿，拜堂与正殿之间有一个大空间让阳光进入。是佛教建筑最重要的地方。

3.2.2.5 走廊

走廊于正殿双双的。连接正殿于后堂，造成三间的房屋。

3.2.2.6 后堂

从正殿走过走廊就到后堂，又称为僧堂或祖堂。越南佛寺建筑的后堂连接与正殿，在供奉佛像桌子的后面。

3.2.3 佛寺建筑的特征

越南的传统建筑主要是使用木结构，与砖、石、瓦、土、稻草、竹等各种材料结合起来的。李代的建筑特征已成为后代的建筑标志，造成越南的建筑风格。

3.2.3.1 位置 - 土地

佛寺常建设在风景美丽的地区。佛寺建筑的组合空间总是遵照掩严的原则，有体系性，造成一个别立的空间。佛寺的方向：西方是向佛土的方向。大多建设佛寺都是向南方（东南到西南）。因为南方夏天凉爽，冬天防冷。随着佛教的观念，南方晴朗，与智慧统一。在中国文化中，南方是各位菩萨，神仙听人类的痛苦的方向而帮助。有些佛寺向东方，因为人们认为东方是神仙来的方向。另外北方是个天气不好的方向，在佛教中北方是黑暗的象征。

3.2.3.2 校园与空间布局

佛寺一般建在平地，布局的原则是平衡、规矩或自由有系统的方式。

3.2.3.3 佛殿的结构

(1) 承重结构:

+柱子：主要使用木结构，越南柱子的特征就是“头秤柄，足军棋”的形式。（圆大柱，柱身的中间地位鼓胀出来）

+为部：越南传统建筑的为部随着时间与空间而变化。

+梁：有连接柱子的功能，包括上梁和下梁。

+ 杠杆：杠杆全都是横方，有支撑屋顶的功能。三座上、中、下殿都是两层重檐，全建筑的重力从屋顶集聚在上面的屋柱，然后集聚在梁造成下屋顶的杠杆。

(2) 围绕结构

佛寺常有寺面屋顶（两面正屋顶与两面副屋顶）重檐两层的屋顶有八面。屋顶的平面是各种瓦组成的，最普遍是鱼翅瓦、鞋头瓦。围绕的墙主要使用砖、石灰混合土砖的材料组成的。

3.2.3. 材料与建设艺术

*(1) 材料：*李代主要使用的材料是砖石，造成一些有大规模的工程。到了陈代继承历代的材料是木建筑，砖石与耐火粘土。

*(2) 建设艺术：*越南古寺建筑的主要特征就是坚固性。让木结构有坚固性的秘诀是除了选择号木材，还有古人的合理的计算。这是建筑平衡与坚固度的计算价值。

3.2.4 装饰，雕刻与色彩

3.2.4.1 装饰与雕刻

佛寺建筑的装饰题材非常丰富，常见的动物题材是“四灵”：龙、麒麟、乌龟、凤凰；另外还有鱼、蝙蝠、鹤、老虎、象、马、狗等等。人物题材有：仙女骑风、舞女与奏乐。植物题材有八宝包括：葫芦、毛笔、风扇、长笛、花篮、剑、金如意与浮尘。四季有梅话、兰花、莲花、菊花、竹子、松子。

3.2.4.2 色彩

佛教建筑上的色彩是建筑材料的自然色彩，如屋顶有瓦的红色、木结构的灰色、石灰的白色或墙上的石砖材料的自然色彩。在建筑材料的自然色彩以外，一些工程还使用红色与黄色来装饰佛寺建筑。

3.3 古塔的建筑

越南从过去到现在，佛塔的形式都是佛教文化精神的象征。建设佛塔是为了记录佛教的痕迹，原始是从印度传入的。

3.3.1 建筑的特征

佛塔比较高，最大的地方是基座与塔身。塔身的平面一般有方形、六角或八角形。佛塔的建筑主要使用木结构，结合与本地的石材，带有越南的建筑特征造成一些有名的古塔群体的工程。

3.3.2 装饰与雕刻

装饰与雕刻在佛教的建筑中是集中当时的精华艺术的地方。装饰中的成分包括：栏杆上的石浮雕、工程的一些细节或零件上的木雕等等。装饰形像大多是“四灵”或龙、云、花草或水、形学的花纹。

3.4 中华古建筑对越南古寺建筑风格的影响

中国是一个灿烂的古代文明的国家，对附近的地区有很的影响。越南与中国是两个邻近的国家，有一百多年交流文化的历史。因此两国的人民对对方的文化有比较深刻的了解，同时通过交流文化的过程中，两国的文化也加倍丰富与发展。在交流文化印记中最明显的表现之一就是建筑艺术，特别是佛教建筑。在越南，有一些华人的佛教建筑带有中国古代建筑的风格有些突出的特点，对越南传统建筑有点差异如：华人佛教建筑的色彩一般使用红色或粉红色在各种形式的装饰；这是活力、信心、运气的色彩。佛寺的布局常是“三字”型 或“内工外国”型。三门的屋顶常有两层以上，也是弯曲的屋顶，但是华人的佛寺建筑的瓦一般有柱形与灰色，还有越南佛寺建筑的瓦一般有鱼翅形、红色。寺内布局的方式对越南佛寺也有点不同如：天华比较高、柱子高大、石材的地板与墙壁。建筑装饰中的题材也有点复杂：一些龙、风、云、水、四

灵、四物、八宝等装饰题材结合起来。佛寺两边有建城垒，门口有一对麒麟。华人的佛塔分成两类：一种是用来储藏寺内有多功德的高僧的舍利。另一种供奉佛像。

3.4.1 带有中华古建筑风格的越南佛寺

在同奈省边和市地分的研究范围中，我们先介绍同奈省边和市的一些中华古建筑对越南古寺建筑风格的影响的寺庙建筑。

古时候同奈省边和市还是一个荒芜的地区，这里有一些少数民族生活，一部分是从中国移民到这来开荒生活的华族。来到这里的华人，除了勤奋、灵巧工作，他们还带来华族的习俗与信仰。因此生活稳定的时候，为了对祖先、福神表示感谢，华人已建设了很多寺庙。他们观念是祖先、神灵已帮助、庇护他们。

边和市的“七府古庙”是个典型的佛教建筑，是华人最大、最早的文化信仰场所。佛寺的建筑是“口”字型，“内工外国”的布置方式。寺内供奉官公、天后、福神、财神等华人供养的神灵，是华人建筑风格的特征。华人的建筑特征还体现在佛寺的装饰，屋顶上两边有日公与月婆，全佛寺的建筑色彩是粉红色，在中国的观念是活力、信心的色彩。木、石雕刻艺术体现在佛寺的横批、对联，造成建筑的艺术价值。

除了“七府古庙”的建筑以外，同奈省边和市的古寺建筑群体带有中华古建筑的风格还有：天后古庙、宝峰古寺、大觉寺、龙善寺等等。

3.4.2 保存与发展的现状

近来，边和市的一些文物遗产得到了文化-体育-旅游部、当地政府的关心，发挥社会的财务源力来投资、重修、再造当地的文化遗产，取得了良好的效果。但是除了所取得的成就，保存与发展国家的文物遗产的工作也遇到一定的困难。特别是文物遗产的环境被侵害、侵蚀非常

严重。所以我们要共同努力，做好保存与发展国家的文物遗产的工作，保存民族的文化价值。

❖ 小结：

接续刚面的部分，我们继续综合、分析与对比一些越南的佛教与佛教建筑的资料。从此找出它的相同与差异，中国古寺建筑风格对越南佛寺建筑的影响。